

TỪ TU THIỀN ĐẾN TU PHẬT

TÂM NGUYỆN

THAY LỜI TỰA

Cho đến nay thì Thiền được nhiều người khắp nơi trên thế giới yêu thích, bởi ai cũng biết Đức Thích Ca đấng đạo nhờ 7 ngày đêm Thiền Định dưới cội Bồ Đề, và Ngài đã trở thành một trong những giáo chủ được sùng bái nhất. Bao nhiêu thời rồi, các Thiền Sư lúc nào cũng có một vị trí cao trong giới tu hành. Đọc các sách viết về Thiền, chúng ta càng thêm ngưỡng mộ bởi lời lẽ hư hư, thực thực, đầy vẻ bí ẩn, hỏi Đông, đáp Tây và những Công Án làm điên đầu người muốn khám phá! Thiền Đường thì ngày càng mở nhiều thêm ra, mỗi nơi đều có cách hướng dẫn riêng. Phái Lâm Tế và Tào Động có phương pháp Đả Thiền. Thậm chí ở nước ngoài cách đây vài thập kỷ đã từng rầm rộ quảng cáo môn Thiền "Đả Thất" của Thiền Sư Lai Quả, thẳng tay đánh người đến chết nếu chấp nhận nhập thất học Thiền! Thiền như một khu rừng huyền bí, thách thức những người tò mò. Thế nhưng càng tìm hiểu càng rối mù, thậm chí chính Ngài Suzuki là một Thiền Sư rất nổi tiếng cũng cho là... không thể giải thích được thế nào là Thiền! Đã không giải thích được điều mình đang tự hào mà còn khuyên người muốn hiểu Thiền "*Nên vô Thiền Viện để học ít nhất là vài năm*". Không biết có ai thấy đó là điều nghịch lý hay không?!

Nhiều người không hiểu Thiền là gì, Thiền để làm gì? Chỉ xem như Thiền là một thế giới huyền bí, cho rằng "Thiền là Thiền, đừng giải thích gì thêm", rồi chỉ biết ngưỡng mộ, ca tụng! Rồi thì Trà Thiền, Thậm chí các tour du lịch cũng có xen Thiền vào đó... Xem ra Thiền đã trở thành một môn hấp dẫn nhiều thế hệ. Mọi người đua nhau NGỒI THIỀN, đôi khi chưa hiểu gì về Thiền, không biết là để luyện Khí Công, Yoga, khai mở các luân xa, xuất hồn, xả stress... đều có thể nhờ THIỀN, thậm chí "tẩu hỏa nhập ma" cũng do Thiền!

Đạo Phật thì phân ra Thiền Ngoại đạo và CHÂN THIỀN bởi vì cùng một thế Ngồi nhưng do điều khiển hơi thở và ý thức mà ra kết quả khác nhau. THIỀN đang phát triển hiện nay có vẻ tách biệt với Đạo Phật, vì người theo bất cứ Tôn Giáo nào cũng có thể Ngồi. Tất nhiên, người ngồi đúng phương pháp cũng sẽ có một số lợi ích nhất định, do thời gian Ngồi nhiếp cái tâm để nó không còn loạn động nữa. Trong khi đó, với Đạo Phật thì THIỀN là một trong 6 Độ mà người hành trì theo đó sẽ sinh TRÍ HUỆ để tiếp tục tự hướng dẫn con đường

tu hành cho bản thân. Họ phải làm đầy đủ cả 6 độ, để đạt mục đích cuối cùng là Giải Thoát.

Thiền trước đó do một người tên là Phất Đang La sáng lập. Nhưng từ khi Đức Thích Ca đắc đạo nhờ Thiền và dùng nó như một trong Lục Độ để hướng dẫn người tu, thì Thiền không thể thiếu trong pháp môn tu Phật. Từ Tổ Đạt Ma, Phật Pháp được mang sang Trung Quốc, truyền lần xuống tới Lục Tổ Huệ Năng. Nhưng từ Lục Tổ, Y Bát không còn truyền nữa, thì chánh, tà lẫn lộn, không thể phân biệt ai mới thật sự là người đảm đương việc kế thừa và các Thiền Sư thời trước đã lập ra pháp môn chuyên Tu Thiền gọi là Thiền Tông, phát triển ngày càng mạnh. Các nhà sư trở thành Thiền Sư, chùa chiền còn được gọi là Cửa Thiền.

Trong các đệ tử của Lục Tổ (638-713) có Thanh Nguyên (740) và Nam Nhạc (677-744) sinh ra 5 Phái THIỀN. Thanh Nguyên chính là HẠNH TƯ, học pháp với Lục Tổ, được phong cho làm đầu đại chúng, sau đó được Tổ khuyên đi hóa độ. Ngài đã chọn núi Thanh Nguyên Phủ Kiết Châu để dạy đạo, nên mọi người gọi là Thanh Nguyên Thiền Sư.

Đệ tử nhiều đời sau của Ngài là Vân Môn (949) sinh ra VÂN MÔN TÔNG, Phán Nhãn (885-958) sinh ra PHÁP NHÃN TÔNG và Tào Sơn (840-901) sinh ra Phái TÀO ĐỘNG.

Đệ tử nhiều đời sau của Nam Nhạc Hoài Nhượng (677-744) là Quy Sơn (771-853) sinh ra QUY NGƯỠNG TÔNG và Lâm Tế (867) sinh ra LÂM TẾ TÔNG. (Số liệu nói trên được ghi theo tài liệu của Ngài Suzuki).

Qua đó, ta thấy những phái Thiền này cách xa Lục Tổ hơn 100 năm, nên dù ban đầu cùng xuất phát từ dòng Chánh Pháp của Lục Tổ, nhưng Chánh Pháp từ trước đó đã không còn biết ai là người chính thức được nối truyền thành ra thật, giả khó phân.

Trong Đạo Phật, việc được ấn chứng hay truyền Y Bát rất là quan trọng, vì không phải ai tu học cũng đều chứng đắc. Bằng chứng là trong chùa Huỳnh Mai của Ngũ Tổ, có hàng ngàn môn nhân nhưng chỉ có mỗi Lục Tổ Huệ Năng là đắc pháp. Không kể vài đệ tử của Lục Tổ được chính thức công nhận có tên trong Pháp Bảo Đàn Kinh. Những người còn lại, chứng đắc hay không cũng mang danh là đệ tử của Ngài. Con cháu của họ cũng cứ thế truyền cho lớp hậu học nên dần dà Phật Pháp bị biến dạng đi. Các phái Tu Thiền cũng

thể. Theo tôi, việc biến Tu Phật thành ra Tu Thiền thì cũng đã thấy bắt đầu manh nha khuynh hướng đề cao môn phái. Phái nào cũng muốn nổi bật hơn người khác, không còn theo Đạo Phật chính thống là người tu hành phải “tứ đại giai không”, không màng danh lợi nữa nữa!

Dựa vào đâu mà ta có thể cho là những người Tu Thiền đang theo một hướng khác hơn là Đạo Phật chân chính? Cũng không có gì khó hiểu, bởi cái mà các phái Tu Thiền tự đề cao pháp môn, cho là “Đốn Giáo” lại chỉ vin vào một vài biểu hiện trong Kinh sách, không giải thích được nguyên do, lại chẳng có liên quan nào đến phương pháp truyền thừa của họ về sau này.

Thứ nhất: Họ cho rằng nụ cười của Đức Ca Diếp khi Đức Thích Ca đưa cành Sen lên trước chúng rồi được truyền Y Bát là “Đốn Giáo”! Họ không hiểu rằng Ngài Ca Diếp đã theo hầu Phật từ lúc Phật mới bắt đầu ra giảng dạy, đến lúc gần nhập diệt, Phật mới giao đồ chúng lại cho Ngài. Phải đâu gặp Phật vài tháng hay vài ngày mà được truyền Y Bát để cho cái cười đó là “Đốn Giáo”?

Thứ hai là: Thần Hội bị Lục Tổ đánh ba gậy lúc mới nhập môn. Sau đó theo hầu Lục Tổ một thời gian dài. Khi Lục Tổ tịch diệt rồi, mãi 16 năm sau Ngài mới đứng lên chấn hưng pháp môn của Lục Tổ, thì gậy đó “Đốn” chỗ nào?! Phải đâu vừa gặp Lục Tổ rồi bị đánh 3 gậy mà Thấy Tánh ngay? Rồi rằng những người xiển dương pháp môn Thiền tự cho là “Đốn Giáo” đó không hiểu gì về Đốn Giáo mà Lục Tổ giảng dạy trong pháp Bảo Đàn Kinh. Chỉ nói lên tâm địa muốn tu tắt mà tới cao làm cho nhiều người sau do không biết gì nên cũng tin theo. Rồi cũng do không có văn tự để nối truyền, trách sao pháp môn không đi vào bế tắc? Thử hỏi chỉ “đưa ngón tay lên”, hoặc đánh, hét, nhại lại câu hỏi. Ném, hay đưa lên, đưa xuống tích trượng, phát tử, ... thì đồ đệ hay người tham hỏi hiểu được người dạy muốn nói gì mà học?

Phải chăng do vậy mà cách đây hơn 40 năm, Thiền Sư Nguyệt Khê trong Cội Nguồn Truyền Thừa đã viết lại lời của Pháp Diễn Thiền Sư: *"Pháp Nhãn Tông truyền sang Cao Ly, Vân Môn Tông đã thất truyền từ lâu, nay chỉ còn ba Tông: Quy Ngưỡng, Tào Động, Lâm Tế, nhưng con cháu của các Tông chỉ lấy cội nguồn gia phổ để truyền thừa với nhau, ghi*

tên trên Pháp Quyển là Thiền Sư đời thứ mấy mà thôi, nếu hỏi về Gia Phong Tông Chỉ thì ngơ ngác chẳng thể trả lời!" Đã chẳng biết gì về gia phong tông chỉ thì lấy gì truyền thừa? Nhưng các Phái đó đến nay vẫn còn tiếp tục truyền lần xuống.

Thập kỷ 20, Nước Nhật có Thiền Sư Suzuki (1904-1971) viết sách để luận về Thiền tựa đề là THIỀN LUẬN. Bộ tái bản năm 2005 được in thành 3 Quyển: Trong đó, Ngài chê là *"Đức Thích Ca 49 năm tích cực du hóa sau ngày thành đạo nhằm luận giải sự giác ngộ mà vẫn chưa nói được tiếng nói cuối cùng. Ngài Long Thọ, Mã Minh, Thế Thân, Vô Trước cũng không biện minh được hết lời, cạn ý".* (tr.74 Q.Thượng) Trong khi hết lời ca tụng, cho là: *"Ngón tay trở của Thiền Long chỉ cho thấy vẻ huyền bí của toàn vũ trụ, và trong tiếng hét của Lâm Tế, chúng ta nghe bản hòa âm thiên nhạc của khối tinh cầu!"* (Thiền Luận Q.Trung tr.10)

Lẽ ra khi đã nắm được những lẽ sâu xa, huyền nhiệm qua phương pháp hướng dẫn Thiền như thế, thì bản thân người ca tụng hẳn phải thông hiểu Thiền hơn ai hết, có thể giảng nói rành mạch về THIỀN để người sau nương đó mà hiểu biết, thực hành. Trái lại, Ngài viết cả mấy ngàn trang để nói về THIỀN, nhưng lại bảo: *"Tôi mong đem đến bạn đọc một ý niệm, dầu rất mơ hồ, về đạo thiền theo như tinh thần đã được truyền tại Viễn Đông trên ngàn năm!"*.(Quyển Thượng tr. 38).

Trang 323 Quyển Thượng, Ngài lại bảo: *"Thiền là gì? Đó là một câu hỏi rất khó trả lời, không thể trả lời cho vừa ý người hỏi: vì Thiền từ khước tất cả, cả ý định mô tả hoặc định nghĩa Thiền. Vậy, để thông hiểu Thiền, phương pháp hay nhất hẳn là phải học Thiền và hành thiền ít nhất vài năm tại Thiền Đường. Thế nên dầu đem hết tâm trí nghiền ngẫm thiên cảo luận này e bạn đọc vẫn không khỏi hoang mang về đại nghĩa của Thiền pháp!"*

Ngài Suzuki đã là Thiền Sư thì chẳng từng học Thiền nhiều năm tại Thiền Đường đó sao? Như thế bản thân Ngài đã học, hiểu và hành Thiền như thế nào mà không thể nói ra cái hiểu, cái hành đó, lại khuyên người muốn hiểu Thiền phải vào Thiền Đường mà học? Viết hàng mấy ngàn trang để Luận về Thiền, lại bảo rằng người đọc *dầu có đem hết tâm*

trí nghiên ngẫm thiên cỏ luận của Ngài vẫn không khỏi hoang mang về đại nghĩa của Thiền pháp? Thiền Sư còn tự nhận: “Mục đích của bài luận này không nhằm chứng minh suông Thiền là cái gì không thể hiểu được, và như thế không ích gì bàn nói đến. Chủ tâm của tôi, trái lại, là thử tận lực làm sáng tỏ ra, dấu kết quả phải thiếu sót và lệch lạc”! Ngài đã tận lực mà còn tự cho là phải thiếu sót, lệch lạc. Vậy thì người muốn học Thiền, hiểu Thiền sẽ trông chờ vào điều gì khi dẫn thân nghiên cứu, tìm hiểu qua 3 Quyển Thiền Luận dày cộp kia?

Chính vì vậy mà trong tập này sẽ trích một số đoạn luận chưa đúng về Đạo Phật trong các quyển THIỀN LUẬN của Thiền Sư Suzuki, VÔ MÔN QUAN của Ngài Vô Môn, CỘI NGUỒN TRUYỀN THỪA của Thiền Sư NGUYỆT KHÊ, CHÂN THIỀN ZEN của Taisen Deshimaru... là những vị Thiền Sư coi như cây đa cây đề trong làng Thiền đã viết. Cuối cùng là sẽ đưa ra quan niệm Thiền của Đạo Phật dựa vào kết quả đã đối chiếu với một số chính Kinh, nhằm phân biệt rõ: Thế nào là Thiền của Đạo Phật hướng dẫn, và Thiền được đào tạo qua pháp môn Tu Thiền.

Nếu không có thêm một luồng dư luận khác để làm sáng tỏ, thì rất có thể nhiều thế hệ sau sẽ tiếp tục hiểu lầm. Vì thế, tập này được viết nhằm mục đích nêu lên một số ý kiến, để người đọc có dịp so sánh sự khác biệt giữa hai phương pháp Tu Thiền và Tu Phật, hầu tiện cân nhắc trước khi chọn pháp môn để tu tập.

Người viết cũng rất mong nhận được những ý kiến phản biện và những đóng góp của những vị thông hiểu Phật Pháp để làm sáng tỏ thêm. Trân trọng.

(Tháng 10-2010)

Tâm-Nguyện

CHƯƠNG I

PHẢN BIỆN MỘT SỐ ĐIỂM TRONG THIỀN LUẬN CỦA NGÀI SUZUKI.

Đọc THIỀN LUẬN (viết năm 1927) của Ngài Suzuki, ta thấy được một sự tổng hợp rất nhiều Bộ Kinh Phật, và thuyết giải miên man về THIỀN. Qua phần mở đầu dài hơn 30 trang, ta thấy Ngài nói về THIỀN như sau: *“Thiền là nghệ thuật kiến chiếu vào thể tánh của chúng ta; nó chỉ con đường từ triền phược đến giải thoát. Đưa ta đến yên nguyên của cuộc sống uống ngụm nước đầu nguồn. Thiền cởi bỏ tất cả những gì ràng buộc chúng ta, những sanh linh hữu hạn luôn luôn quần dưới ách khổ lụy trong thế gian này. Ta có thể nói Thiền khai phóng tất cả năng lực nội tại và tự nhiên tích tập trong mỗi người chúng ta, nguồn năng lực ấy, trong hoàn cảnh thường, bị co rút lại, và vụn tẻo đi, đến không vùng thoát đâu được”* (tr,9 Q.Thượng).

Ngài cho rằng THIỀN *“sẽ mở mắt Huệ Nhãn mà khi còn vô minh ta chưa bao giờ mơ tưởng đến”*... Sau đó là đưa ra Khổng Tử, Thiên Chúa, nhà văn Adreyev, Tứ Diệu Đế, Mạnh Tử, Oscar Wild để dẫn chứng cảnh Khổ của cuộc sống và kết luận rằng *“Thiền sẽ giải quyết những vấn đề trên bằng cách trực tiếp kêu gọi đến ánh sáng của chứng nghiệm bản thân thay vì kiến thức của sách vở. Cần phải dẹp bỏ tri thức, vì tri thức tạo ra đủ thứ vấn đề mà không bao giờ tự giải quyết được nên dẹp bỏ để nhường chỗ cho một cái khác siêu đẳng hơn, minh triết hơn”*. (tr.15 Q. Thượng).

Lý lẽ thì nghe có vẻ rất thích đáng. Nhưng ngay dẫn chứng đầu tiên của Ngài ta đã thấy có vấn đề. Ngài đưa Sư Nhật Liên và bốn quy tắc của Nhật Liên Tông - là một phái tu của Nhật - (Chú thích của Ngài về Sư Nhật Liên: Sư nhiều lần bị ám hại và tù đầy vì tư tưởng quá khích và hiếu chiến)! Bốn quy tắc đó là:

“Giáo ngoại biệt truyền.

Bất lập văn tự.

Trực chỉ nhân tâm.

Kiến Tánh thành Phật”

Và cho rằng khi Thiền mới du nhập trung Quốc thì “đa số các nhà học Phật đều sa đà trong những cuộc tranh luận siêu hình về giáo pháp vô thượng, hoặc chỉ phụng trì giới hạnh hay suốt ngày ngày ngật đắm say trong phép Quán Vô Thượng. Do đó Bồ Đề Đạt Ma và môn đồ tuyên xưng bốn danh ngôn Thiền kể trên”. (tr.18 Q.Thượng.)

1/- Nếu quả thật Sư Nhật Liên có những tính cách như Thiền Sư Suzuki ghi lại trên, thì hoàn toàn không phù hợp với tính cách của đệ tử Phật gia!. Con nhà Phật thì lúc nào cũng phải “thu thúc lục căn”, chỉ lo “nội quang phản chiếu”, lo đối trị với các tính xấu của mình, gọi là “độ sinh”. Không có nhìn ngó, phê phán người khác. Thái độ “quá khích, hiếu chiến” đi gây sự với người khác hoàn toàn trái với lời Kệ trong bài Tụng Vô Tướng mà Lục Tổ dạy mọi người tại gia hay xuất gia cũng phải y theo đó mà tu hành:

“Nếu thấy người lầm lỗi

Ắt mình lỗi chẳng sai

Người lỗi, ta không lỗi

Ta lỗi bởi chê bai”

Kinh VIÊN GIÁC nói về việc tu hành, thành Phật qua bài KỆ:

“Nếu người đoạ Thương, Ghét

Cùng với tham, Sân, si

Chẳng cần tu gì khác

Cũng đều đặng Thành Phật”

Như vậy, đối chiếu với chính Kinh ta thấy: Người không trừ Thương, Ghét, Tham, Sân Si, lại quá khích, hiếu chiến thì đâu thể thành Phật như phái này vẫn tôn xưng giáo chủ của mình là Phật Nhật Liên?

2/- Đọc SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIẾU THẤT hay gọi là THIẾU THẤT LỤC MÔN được cho là của Tổ ĐẠT MA gồm có: Tâm Kinh tụng, Pháp Tướng Luận, Nhị Chủng nhập, An tâm Pháp Môn, Huyết mạch Luận và Ngộ Tánh luận. Trong đó không thấy 4 câu nào tương tựa như quy tắc của Nhật Liên Tông nói trên.

Riêng câu “*Trực chỉ nhân tâm*” ta đã thấy không đúng với Đạo Phật. Trong Đạo Phật, cái CHÂN TÂM là quan trọng nhất. Phật cho rằng: vì mọi người không thấy được cái CHÂN TÂM, tức là Cái BỔN THỂ TÂM, mà phải triển miên chịu Khổ và bị Sinh Tử Luân Hồi. Cái Nhân Tâm –

tức cái Tâm của con người, được nhà Phật gọi đó là cái VỌNG TÂM. Chính nó là thủ phạm gây ra bao điều phiền não, sinh tử luân hồi. Người tu Phật phải TRỰC CHỈ CHÂN TÂM mới KIẾN TÁNH THÀNH PHẬT được. Còn trực chỉ Nhân Tâm chỉ thấy đó là cái vọng tâm, cái tâm phàm, thì làm sao Kiến Tánh? Nguyên tắc quan trọng nhất của việc tu hành thì Phái này đã sai, đã chỉ nhằm hướng, thì người hành trì theo đó sẽ về đâu?

3/- Con đường “Đốn Giáo” là phải “TRỰC CHỈ CHÂN TÂM” để “KIẾN TÁNH THÀNH PHẬT” thì trong tất cả các pháp môn Tu Thiền ta không hề thấy nói gì đến. Không hề bảo phải Trực chỉ vào Cái TÂM. Chỉ giao cho “Công án”. Phương pháp hướng dẫn thì không có giảng nói, chỉ đưa lên, đưa xuống “Phát Tử”, “gậy”, nhưng Ngài Suzuki coi đó là phương pháp “chỉ thẳng”!

Nếu “gậy”, “phát tử” mà “chỉ thẳng” được, thì lẽ ra số người chứng đắc phải nhiều như cát bụi, vì người học Thiền rất đông. Tại sao người ngộ rất hiếm hoi? Có người phải đợi Thầy “sập cửa cho gậy chân” thì mới “hoát nhiên đại ngộ”? Hơn nữa, nhà Thiền đâu có giải thích như thế nào là “đại ngộ” thì người tu học vin vào đâu để biết mình đã đạt tới tình trạng đó? Người thế gian muốn đi tìm ngọc thì trước đó còn phải học để phân biệt giữa đá, sỏi và ngọc. Phải biết nơi nào có Ngọc để tìm. Có vậy lúc gặp ngọc mới biết chắc là nó. Người Thầy dạy Thiền chỉ “đưa ngón tay lên”. Chưa kịp hỏi gì đã hét, đánh... thì học trò Ngộ cái gì? Ngộ như thế nào? Làm sao biết rằng đó là Ngộ? Bảo rằng lúc đó thấy “đất trời đổ sụp” thì chỉ người nói biết. Lấy gì kiểm chứng để biết đúng, sai, thật, giả?

4.- Về câu “Bất lập văn tự”, ta thấy Lục Tổ HUỆ NẴNG giải thích trong Pháp Bảo Đàn Kinh: *“Người chấp “không” thường có ý chê Kinh, nói rằng chẳng dùng văn tự. Đã chẳng dùng văn tự lẽ ra họ chẳng nói lên thành lời mới phải, vì lời nói ra tức là cái tướng của văn tự. Lại nói Chánh đạo chẳng lập văn tự, mà hai chữ “chẳng lập” đó cũng là văn tự! Hễ thấy người ta nói thì chê lời nói của người là chấp trước văn tự”.* (PBĐK tr. 136). Tổ Sư Thiền của họ đã chỉ trích người chê văn tự. Nhưng hình như các Thiền Sư về sau không có đọc PHÁP BẢO ĐÀN Kinh để thấy những lời thuyết giảng, dặn dò của Tổ Sư họ, nên xem ra họ toàn làm ngược lại!

* Thiền Sư Suzuki cho rằng *“Thiền nhằm chỉ hướng, không bao giờ giải thích, không viện đến lối trình bày quanh co mà cũng không quy nạp”...* (19 Q.Thượng) Nhưng lại đưa ra rất nhiều câu chuyện của các

vị Lâm Tế, Huỳnh Bá, Vân Môn Văn Yển, Mục Châu, Tô Đông Pha để giải thích về “con đường hiện thực của Thiền”. Ngài cho rằng “Thiền đối xử với những cái cụ thể chớ không phải những suy diễn trừu tượng nhằm chỉ thẳng vào căn bản cái tánh ta mà trí thức thường không đưa ta đến đó được”. Chẳng lẽ “nhắm vào căn bản của tánh ta” lại có thể dùng phát tử hay hét, đánh mà Tánh Ta sẽ bật ra? Rồi Ngài dùng những đoạn văn của Hòa Thượng Từ Minh và Viên Ngộ để giải đáp câu hỏi về Thiền và nói rằng “tôi mong đem đến bạn đọc một ý niệm dầu rất mơ hồ về đạo thiền theo như tinh thần đã được truyền tại Viên Đông trên ngàn năm”. (tr.38 Q.Thượng).

Lẽ ra người đã tự xưng là THIỀN SƯ, có thể viết đến mấy quyển sách dày để luận về THIỀN thì phải hiểu rõ về Thiền và diễn đạt một cách rõ ràng để người đọc có thể qua đó hiểu mà thực hành, đi đến kết quả. Đâu thể chỉ nêu ra “Một ý niệm mơ hồ về Đạo Thiền”?!

Ngài cho rằng: “Bắt đầu từ Bồ Đề Đạt Ma truyền đến Tổ Huệ Năng thì Thiền không còn là của Ấn Độ nữa mà hoàn toàn là của Trung Hoa để đưa đến sự NGỘ”.

Quan niệm về NGỘ của nhà Thiền hình như khác rất xa với quan niệm NGỘ của bên Phật gia. Với pháp môn Tu Thiền, chỉ cần Khai hay giải được một CÔNG ÁN thì được gọi là NGỘ. Nhưng cũng không thấy tài liệu nào nói về cái NGỘ đó như thế nào. Chỉ thấy người được cho là Ngộ có hiện tượng: Trò đánh lại thầy. Hai thầy trò cùng hét. Cười vang. Thậm chí còn hung hăng hơn lúc chưa Ngộ! Ít thấy lưu lại bằng thơ, Kệ. Trái lại, trong Đạo Phật, cụ thể như Lục tổ Huệ Năng được đánh giá bằng THẤY TÁNH, và tất cả 33 vị Tổ đều có Kệ để lưu lại.

Trong phần chú thích trang 381 Quyển Thượng nói về một nữ đệ tử của Lang Nha Thiền Sư mà Ngài Suzuki đã cho là “chứng đạo” do Quán Công Án:

“Có một cô được giao cho Công Án “Tùy tha khứ” (theo nó mà đi) để tham quán. Cô cứ theo đó mà hành, chuyên tâm đến nỗi một hôm lửa cháy nhà của cô, cô cũng kêu “Tùy tha khứ”. Hôm khác, cô quăng con xuống sông, người lảng giềng kêu bà, báo nguy, cô cũng bảo: “Tùy tha khứ”. Chồng cô chiên bánh, liệng miếng bột vô chảo kêu tiếng xèo. Cô giật mình như tỉnh cơn mê, rồi nhấc chảo dầu đổ xuống đất, tay phủi, miệng cười, hét to “tùy tha khứ”.

Và đây là kết luận của Ngài Suzuki: “Chồng cô tưởng cô điên, đầu
ngờ cô vừa chứng đạo”!

Người chứng đắc của Đạo Phật là chứng cái Vô Ngã, cái thoát pháp.
Tổ Đạt Ma viết: *Rắn biến thành lỏng cũng không đổi vảy. Phàm Phu
thành Thánh cũng cũng đổi mặt*”. Tức là trước và sau khi chứng họ
vẫn hoàn toàn là một con người bình thường. Từ Đức Thích Ca cho
đến Tổ cuối cùng là Lục Tổ, ta đâu có thấy người nào có hành vi, nói
năng bất thường?! Còn bà này rõ ràng không bình thường, không
biết gì khác ngoài lập đi lập lại Công Án! Một người tu hành mà
không biết mạng sống con người là quan trọng. Cố ý giết một con
côn trùng nhỏ mà còn phạm Giới Sát, huống là giết một mạng người.
“Hùm dữ còn không ăn thịt con” vậy mà một người mẹ, lại là một bà
mẹ tu hành lại đang tâm giết con của mình! Xem ra bà ta chẳng còn
biết phân biệt phải, trái, đúng, sai! Thế mà Thiền Sư Suzuki còn bảo
bà ta chứng đạo thì chắc ta cũng nên xem lại cái hiểu Đạo Phật của
chính Ngài!

* Nơi khác, Ngài đưa lời bình của Nam Tuyên Thiền Sư trong bộ
Nam Tuyên Lục, cho rằng vì Ngài Huệ Năng “chẳng hiểu Phật Pháp,
chỉ hiểu Đạo” nên được truyền Y Bát. Lời bình này của Ngài Nam
Tuyên là không chính xác. Sở dĩ Lục Tổ Huệ Năng được truyền Y Bát
vì Ngài THẤY TÁNH. Pháp Bảo Đàn Kinh đã viết rất rõ ràng. Cái Tánh
đó được diễn tả qua lời Kệ: “BỒ ĐỀ BỒN VÔ THỌ. MINH CẢNH DIỆC
PHI ĐÀI, BẢN LAI VÔ NHẤT VẬT. HÀ XỬ NHÁ TRẦN AI”.

Sở dĩ Lục Tổ HUỆ NĂNG nói rằng Ngài “không hiểu Phật Pháp” là ý
ngài muốn nói về cái Hiểu Phật Pháp qua văn tự của những kẻ do
học của người khác mà hiểu. Do đó Ngài không cần Hiểu Phật Pháp
theo cách đó, mà chỉ cần hiểu cách thức trực tiếp là Thấy Tánh,
cũng gọi là Đắc Đạo. Cho nên, nếu cứ theo nguyên Văn mà bàn luận
và hiểu đạo thì Kinh đã cảnh báo: “Y KINH GIẢI NGHĨA TAM THẾ
PHẬT OAN”. Có nghĩa là nếu cứ Y theo lời kinh mà giải nghĩa thì làm
oan cho Chư Phật ba đời vậy!

* Để biện giải và chứng minh vì sao “*Thiền tự nhận là trao truyền
cốt tủy của Phật Giáo – Tâm ấn – thay vì những tín vật – hình
tượng- như đã được chép giữ lại bằng văn tự, cần tước bỏ những
cái rườm rà đắp thêm vào và bọc kín chân tinh thần Phật giáo làm*

cho cái sanh lực nguyên thủy của nó bị che mất, và khiến người ta nhận lầm cái phụ làm cái chánh”. (45 Q.Thượng). Lý lẽ thì nghe rất kêu, nhưng chỉ có một phần đúng, là người tu Phật nếu thiếu THIỀN ĐỊNH thì không sinh được Trí Huệ. Chính cái Trí Huệ sẽ là ngọn đuốc để soi đường để người tu có thể tránh được nhầm lẫn hầu đi đến đích, để cho rằng vì sao THIỀN TÔNG được thừa nhận như một thành phần tất yếu. Nhưng đâu phải vì thế mà “cần phải tước bỏ những tín vật, hình tượng như đã được chép, giữ lại bằng văn tự”, cho rằng đó là “những cái rườm rà đắp thêm vào và bọc kín chân tinh thần Phật Giáo?”

Những thứ đã được chép, giữ lại bằng văn tự mà Ngài cho là rườm rà đó chính là KINH, là những quyển sách ghi chép những gì Đức Phật giảng dạy cho chư đệ tử từ lúc vừa giác ngộ cho đến cuối đời, về cách thức tu hành. Từ phát tâm, cho đến cách quán, soi, cách thức để kiểm chứng kết quả hành trì vv... mà các Đại Đệ Tử gom lại sau khi Phật Nhập diệt. Kinh điển được Đạo Phật xem là la bàn, là bản đồ để chỉ con Đường tu Phật. Người tu không nương theo, không dò từng bước trong đó thì biết mình đang ở nơi nào trong Phật Đạo? Đang tiến bộ hay đã lạc ra ngoài từ bao giờ rồi? Phật ngôn có câu: “*Ly Kinh Nhất tự đồng ma thuyết*”. Có nghĩa là chỉ cần rời Kinh một chữ thôi là cũng như ma thuyết giảng, hướng là còn đề xuất chê, bỏ Kinh! Pháp Bảo Đàn Kinh, trang 136, Lục Tổ dạy: “*Chúng người phải biết, tự mình mê còn dung được, sao dám chê bai Kinh Phật? Chẳng nên chê Kinh mà phải mang tội chướng vô cùng!*”

* Các Thiền Sư xem nhẹ Kinh, chỉ cố sù ý việc “Truyền Tâm Ấn” thôi. Vậy thì cái Tâm Ấn đó nếu thiếu văn tự trong Kinh sách để đối chiếu thì ai biết nó là cái gì? Có đúng theo tinh thần Đạo Phật hay không? Hay do ai bịa ra? Cách truyền như thế là đúng hay sai? Và truyền tới, truyền lui mà không có văn tự ghi lại để làm bằng và có cơ sở mà kiểm chứng cho rõ ràng thì liệu có “tam sao thất bản”?

* Việc “Truyền Tâm Ấn” của Đạo Phật có nghĩa là người thầy đã Thấy được cái Bản Thể Tâm, hướng dẫn lại cho đệ tử cách thức hành trì, để người đệ tử cũng Thấy được cái Bản Thể Tâm của chính họ. Vì thế nên gọi là “Dùng Tâm Ấn Tâm”. Cách truyền của nhà Thiền, đúng ra phải nói là “dùng Công Ấn, ấn Công Ấn” mới đúng, vì vị Thầy trong Tu Thiền đâu có bao giờ giảng dạy về cái Chân Tâm? Đâu có kêu đệ tử tìm Tâm? Chỉ kêu đệ tử “Tham Công Ấn” thôi. Giải được Công ấn

thì cho là Chứng Đắc. Do vậy, theo tôi, nhà Thiền dùng từ Truyền Tâm Ấn là hoàn toàn không đúng với thực tế và vay mượn của bên Phật gia.

* Thiền Sư Suzuki cho rằng: *“Thật không gì lắm, hơn là nghĩ rằng những mối đạo lớn trong thế gian này, do các đấng giáo chủ trao truyền cho hậu thế, là một cái gì đã được tâm luyện đến mức tinh vi nên hàng đệ tử chẳng phải làm gì hơn là nhận lấy cả hai: giáo chủ và giáo lý như một di sản thiêng liêng, một kho tàng không nên để cho bất cứ công phu chứng nghiệm cá nhân nào xâm phạm vào. Vì nghĩ vậy tức không đếm xỉa đến công phu tu chứng của mỗi người chúng ta”.* (47 Q.Thượng).

Điều này thì Ngài nói đúng. Giáo pháp của Phật không phải là chiếc bánh đã làm sẵn, đệ tử chỉ việc cho vào miệng rồi nuốt, mà là để chỉ cách thức hành trì, rồi do công phu của mỗi người sẽ tự đạt lấy cho bản thân. Nếu dùng một thí dụ hết sức cụ thể thì Đức Thích Ca chỉ để lại một công thức là: GIỚI - ĐỊNH - HUỆ, BÁT CHÁNH ĐẠO... để tẩy chất nhơ đã bám vào Tâm của mỗi chúng ta từ vô lượng kiếp. Mỗi người phải tự hành trì để tẩy rửa cho mình. Tùy theo nó dư nhiều hay ít. Tùy theo sự siêng năng tẩy rửa mà Cái Tâm của mỗi người sẽ sạch trong thời gian lâu hay mau. Nói cách khác là mỗi người phải tự PHÁ VÔ MINH. Phật đâu có phá giùm cho ai, hay nhờ ai phá giùm được? Ngay cả Kinh có dạy cách thức để phá Vô Minh, nhưng người đọc mà không trực tiếp Hành thì Vô Minh đâu có tự biến mất? Do đó đâu thể nói là Đạo Phật *“không đếm xỉa đến công phu tu chứng”* của mỗi người chúng ta. Đạo Phật dạy TƯ TU, TỰ ĐỘ, đó chẳng phải là nói về công phu tự tu chứng sao?

Kinh nói một cách, nhưng Ngài lại luận ra cách khác, nhằm tôn vinh pháp môn Tu Thiền.

* Ngài khen ngợi một đạo tâm siêu đẳng của Nhật, (Sư Thân Loan, đệ tử của Sư Pháp Nhiên) vì ông này thú nhận: *“Tôi không cần biết sau này tôi xuống địa ngục hay nơi nào khác, nhưng vì sư phụ tôi dạy tôi niệm hồng danh Phật thì tôi cứ theo đó mà vận hành”* (tr.49 Q.Thượng). Lời nói đó chứng tỏ vị Sư này không có đọc Kinh nên không thấy lời dặn dò của Phật trong Kinh Đại bát Niết Bàn: *“Ngay đối với lời nói của Như Lai, nếu có lòng nghi ngờ thì cũng không nên thọ trì”*. Vì cứ nhắm mắt tin Thầy thì không phải là thái độ của một người có Trí Huệ! Trong kinh có ghi rõ ba điều kiện tất yếu cho người tu Phật là GIỚI - ĐỊNH - HUỆ! Như vậy, ông Sư này chỉ có GIỚI

những thiếu ĐỊNH, HUỆ là sự sáng suốt quan trọng nhất đối với người tu.

* Ở trang 70, Ngài định nghĩa: “NIẾT BÀN chẳng khác gì hơn là Giác Ngộ. Giác Ngộ là đạt Niết Bàn”. Trong khi Phật dạy có 4 giai đoạn: Khai, Thị, Ngộ và Nhập mà Giác Ngộ chỉ mới là giai đoạn thứ 3, còn phải Nhập nữa thì mới đạt tình trạng Niết Bàn. Chính Ngài đã trích dẫn Kinh Hoa Nghiêm nói về Diệu Nguyệt Bồ Tát giải thích cho Thiện Tài đồng tử về người khát nước đi tìm nước. Có người chỉ hướng có giếng nước. Dù anh ta đi đúng hướng, đến bên giếng nước, nhưng đâu đã hết khát nếu chưa trực tiếp uống? Như thế thiết nghĩ đã quá rõ cho việc Ngộ và Nhập của Đạo, tức là cái Thấy và cái Chứng khác nhau rõ ràng.

* Ngài cho rằng những lời Đức Thích Ca tuyên bố sau khi xả Thiền: *“là cái gì tuyệt hậu, tối cực mà 49 năm tích cực du hóa sau ngày thành đạo đều nhằm luận giải sự Giác Ngộ ấy mà rồi vẫn chưa nói được tiếng nói cuối cùng, rồi tất cả những trâm tư sau này của Long Thọ, Mã Minh, Thế Thân và Vô Trước, tất cả không biện minh được hết lời, cạn ý”*. (tr. 74 Q.Thượng). Nếu chẳng biện minh được thì làm sao có đến 32 vị Tổ sau đó tiếp nối bước đường Giác Ngộ của Phật? Con đường của Đức Thích Ca cách đây hơn 2.550 năm vẫn được chư đệ tử tiếp tục. Còn con đường Tu Thiền chỉ được thời gian ngắn, chưa đầy vài trăm năm mà con cháu nhà Thiền: *“khi được hỏi về gia phong tông chỉ thì ngơ ngác chẳng thể trả lời*. Đó là những bằng chứng hiển nhiên để cho ta so sánh về lợi ích của việc truyền thừa qua văn tự và “bất lập văn tự” vậy!

* Nơi trang 70 Thiền Sư đã giải sai khi cho rằng *“Kể ra thì La Hán và Bồ Tát chỉ là một”*.

Trong Đạo Phật, đã có một danh xưng thì đã có một nghĩa, nói lên hành trì nhất định của danh xưng đó. Không thể trùng lấp, lẫn lộn. La Hán được Kinh viết là Quả Vị cao nhất của hàng Thinh Văn. Thinh Văn tức là những người chỉ cần NGHE rồi tin tưởng, thực hành. Bồ Tát là những người có quán sát, tư duy, đã biết được Con Đường Độ Sinh và bắt đầu bước vào Con Đường đó, để sau khi độ hết chúng sinh thì cũng sẽ thành Phật. Thinh Văn, theo Kinh viết thì không thể thành Phật nếu không qua giai đoạn Bồ Tát. Đọc Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA ta thấy Phật nói là giảng Kinh này là vì hàng Thinh Văn, để đưa họ đến Bồ Tát Đạo. Nếu Thinh Văn, La Hán đã là Bồ Tát thì Phật còn giảng cho họ làm chi!

* Nơi trang 72, Ngài cho rằng “*Nếu vì công lực của Giác Ngộ mà sa môn Cổ Đàm được chuyển hóa thành Phật, vậy, nếu tất cả chúng sanh đều sẵn đủ tri giác Bát Nhã, và đủ khả năng Giác Ngộ - nói một cách khác, nếu tất cả đều là Bồ tát - vậy lý đương nhiên tất cả Bồ tát đều là Phật, hoặc sẵn sàng để thành Phật khi gặp thời tiết*” .

Lại thêm một luận không đúng. Vừa nói rằng “*chúng sanh đã sẵn đủ tri giác, tất cả đều là Bồ tát, sẽ “thành Phật khi gặp thời tiết”*” thì trang 75 lại viết: “*Chúng La Hán không phải là vấn đề chuyên học, mà đó là cái gì hốt nhiên xảy đến trong chớp mắt, sau bao nhiêu năm tinh chuyên tu tập!*” Câu: “*Sau bao nhiêu năm tinh chuyên tu tập*” đã nói lên rằng: không phải “chúng sanh đã sẵn tri giác, đều là Bồ tát thì đương nhiên “*sẽ thành Phật khi gặp thời tiết*” như Ngài luận. Vì đã đành ‘Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đều có khả năng để Thành Phật’, nhưng đều phải qua cả một quá trình hành trì, tu tập. Kệ Viên Giác viết:

PHẬT TÁNH TUY SẴN CÓ
PHẢI TU MỚI HIỂN HIỆN
CŨNG NHƯ VÀNG SẴN CÓ
PHẢI LỘC QUẶNG MỚI THÀNH”

Tức là dù vàng nằm sẵn trong quặng, nhưng muốn lấy được vàng, phải qua quá trình gạn lọc. Quặng đâu phải là vàng khối. Chẳng lẽ Ngài Suzuki không biết điều đó? Chính câu Ngài trích đã viết rõ: “*Vì công lực của Giác Ngộ mà được chuyển hóa thành Phật*”. Như vậy, Chúng sanh nào mà có công lực của Giác Ngộ, hay là phải qua quá trình gọi là Tu tập mới thành Phật, chớ đâu phải như bông hoa mà đương nhiên đủ ngày tháng hay gặp thời tiết là nở! Nếu luận như Ngài, Đức Thích Ca nói rằng: “*Chúng sinh là Phật sẽ thành*” thì chúng sanh đương nhiên là phải thành Phật, cần gì phải học hỏi, phải tu hành?!

Ngài viết: “*Thời gian chuẩn bị có thể kéo dài nhiều năm dai dẳng, nhưng đến một lúc nào đó thì chớp nhoáng cơn khùng hoảng vỡ bùng, và người ta thành La Hán, hoặc thành Bồ Tát, hoặc thành Phật luôn nữa!*”

Rõ ràng Ngài chưa hề phân biệt được các Quả Vị trong Đạo Phật, và chưa hiểu Lý Nhân Quả. Ngài không biết rằng làm Hạnh Bồ Tát thì mới được kết quả của Bồ Tát. Làm Hạnh Phật thì mới được thành Phật. Các quả vị có tên riêng biệt ắt phải có quá trình chuẩn bị riêng

biệt. Đâu thể trong chớp nhoáng mà một lúc có thể thành cả 3 quả vị: La Hán, Bồ Tát, Phật? Vì nếu cả 3 là một thì cần gì phải đặt ra 3 tên? Và lý do gì không chọn cái cao nhất để thành?

* Ngài luôn bài bác tri thức, trong khi đó, lời Phật được Ngài trích đã nói ngược lại: *"Ta đã gội sạch hết ô trược (asava). Ta đã giải thoát tâm (ceto vimutti) và trí (panna vimutti); tại đây, trong thế giới hữu hình, ta đã tự mình tỏ rõ, đến đích, và làm chủ chánh pháp; ta đã ngộ nhập trong pháp, đã giải hết ngờ vực, đã gạt bỏ hết điên đảo, đã trọn đầy tín lực, ta đã ứng dụng vào thế gian, đã làm những gì phải làm, đã chặt đứt mối dây trói buộc vào vòng tái sinh; ta đã ngộ pháp như thực vậy"*.

Nếu không dùng tri thức thì làm sao tỏ rõ, làm sao ngộ nhập, giải hết ngờ vực, gạt bỏ hết điên đảo? Nếu không dùng ngôn ngữ thì làm sao diễn tả được Phật đã phải làm những điều như thế để gọi là "ngộ pháp như thực" kể trên?

* Nơi trang 199, Quyển Thượng, khi nói về Kệ phó pháp của các Tổ, Ngài cho là: *"Để phù hợp với quan điểm Thiền "được Phật truyền riêng tâm ấn ngoài giáo lý văn tự" các sử gia Thiền còn đấy lui cuộc truyền thừa trước cả Thích Ca Mâu Ni; vì theo truyền thuyết lưu hành giữa hàng Phật Tử ban sơ thì ít nhất có đến 6 cổ Phật ra đời trước Phật Thích Ca và mỗi vị đều có lưu lại một bài Kệ phó pháp được khẳng khẳng lưu giữ trong Thiền sử. Mà nếu 6 vị quá khứ Phật có kệ thì tại sao chư Tổ sau, tất cả từ Thích Ca đến Đạt Ma lại không có? Nên tất cả đều có lưu lại kệ phó pháp, trước có lời mở đầu như vậy: "Nay ta trao lại người kho tàng con mắt của chánh pháp, người khá giữ lấy và ghi nhớ luôn luôn". Chắc hẳn đó toàn là sáng tạo lông bông của những sử gia Thiền đầu tiên, hẳn vì khích lệ bởi lòng tin quá nhiệt thành đối với mối đạo chánh thống nên đã cực luyện ngọn bút tưởng tượng đến cao độ như vậy!"*

Thật ra, việc Kệ phó pháp trước Phật Thích Ca có thật hay không thì chúng ta không thể biết được, vì không thể kiểm chứng. Có điều đã là Kệ thì nếu người chưa đắc pháp khó thể viết ra được một bài Kệ có tính cách Thoát được. Xin đối chiếu Kệ của Sư Thần Tú và Lục Tổ sẽ thấy. Dù Sư Thần Tú, bản thân là người học cao hiểu rộng, nhưng vẫn không thể "sáng tác" ra cái Thấy Tánh được. Đó là chỗ khác nhau nói lên trình độ của người tu. Do đó, các nhà Thiền sử nếu chỉ "sáng tạo lông bông", chỉ cần "cực luyện ngọn bút" mà làm được Kệ, chắc trình độ cũng chẳng phải tầm thường! Thiền Sư Suzuki có lẽ

không hiểu điều đó. Không hiểu Ngài đã có lần nào thử “*cực luyện ngài bút*”, sáng tác ra bài Kệ nào để có cơ hội tự so sánh rồi kết luận là ai cũng làm được Kệ chưa?

Vấn đề thông hiểu Phật Pháp được chứng tỏ qua bài kệ đặc pháp đã được chứng minh qua chính lời của Thiền Sư kể: Sau khi Thần Tú tịch thì Bắc Tông không tìm ra được người kế thừa đành mai một. Có nghĩa là, cái hiểu đạo dù chỉ gói gọn trong 4 câu Kệ, nhưng người đặc pháp là đã nắm vững đường lối tu hành, có thể truyền lại cho thế hệ sau. Người không đặc pháp không làm được điều đó. Người đặc pháp dù không có thể hiện gì khác biệt với người không đặc, nhưng một điều chắc chắn là họ đã Tứ đại giai không. Khi thể hiện thì Lục Hòa, Thân, Khẩu, Ý ba nghiệp thanh tịnh. Vì thế, ta chưa từng thấy các bậc chân tu đi gây sự hay tranh chấp với người khác. Ngược lại, phía Bắc Tông thời đó, hết sai người đi trộm pháp, (Thầy Tăng Chí Thành) đến sai Thầy Tăng Chí Triệt mang dao đi chém Lục Tổ, và chém 3 dao mà không đứt mới buông dao sám hối! (Pháp Bảo Đàn Kinh)!. Phái Bắc Tông vẫn không ngừng tranh chấp. 16 năm, sau khi Lục Tổ nhập diệt, Thần Hội mới đứng lên chấn hưng pháp môn thì cũng vu cho vua bắt đày đi! Qua đó ta có thể so sánh trình độ tu học của tín đồ hai Tông Nam, Bắc!

* Nơi trang 251, Thiền Sư Suzuki viết: “*Thần Tú tịch năm 706 trước Huệ Năng 7 năm. Trường phái của Sư gọi là Bắc Tông, đối với Nam Tông của Huệ Năng rất hưng thịnh ở Phương Bắc hơn Huệ Năng ở phương Nam nhiều lắm. Nhưng từ khi Mã Tổ và Thạch Đầu tích cực phát huy đạo Thiền ở Phương Nam và đặt xong tại đó cơ sở Thiền pháp thì Bắc Tông không tìm ra người thừa tiếp đành mai một hẳn đến nỗi những gì nay ta được biết về Thần Tú đều do tài liệu của phái đối lập và Nam Tông. Thế chính Huệ Năng, chứ không phải Thần Tú được hậu thế thừa nhận là Tổ Thứ Sáu của Đạo Phật Thiền Trung Hoa*”.

Việc truyền Y Bát, là trao lại quyền làm Tổ kế tiếp rất quan trọng đối với Đạo Phật thời bấy giờ. Vì Phật Pháp chưa phổ cập, Chánh, tà chưa phân, vì thế rất cần có dấu ấn để người muốn tu học nương theo, khỏi sợ nhầm lẫn. Khi trao Y Bát, Ngũ Tổ đã nói: “*Người làm Tổ Thứ Sáu. Hãy giữ gìn và nhớ lấy đạo tâm của mình. Phải quảng độ chúng hữu tình và lưu truyền cái chánh pháp cho đời sau*”. Đó là việc truyền thừa chính thức được ghi vào lịch sử của đạo Phật. Đâu

có đờ hậ thế nhìn nhận hay không? Ngài luận như thế chứng tỏ chưa đánh giá đúng ý nghĩa của việc truyền Y Bát.

Về việc “*không Thiền không có Ngộ, không Ngộ chẳng phải là Thiền*” (tr.276 Q. Thượng) ta thấy đó là một sự khác biệt lớn giữa THIỀN của đạo Phật và Thiền của Đạo Thiên. Với đạo Phật, THIỀN chỉ là một trong Lục Độ, mục đích là để sinh ra sự sáng suốt để thấy hướng đúng mà tu hành gọi là TRÍ HUỆ, vì vậy THIỀN không có gì lớn lao, ghê gớm, “kinh thiên động địa” như phía các Thiền gia nghĩ, chỉ là một trong chuỗi việc làm hỗ tương với nhau, gồm 6 việc: BỐ THÍ, TRÌ GIỚI, NHẪN NHỤC, TINH TIẾN, THIỀN ĐỊNH, TRÍ HUỆ. Người tu cứ kiên trì làm các việc này, cứ vệt hết lớp che chắn này đến lớp khác thì ánh sáng sẽ rọi vào. Ta nghĩ sao nếu có người chỉ Thiền Định mà thiếu Giới, thiếu Nhẫn Nhục và không Thí Xả những tính xấu, ác đi. Lại thiếu cả Trí Huệ thì lấy gì soi đường mà tiến tu?

Thiền gia thì chăm bẵm vào môn THIỀN, tập trung tất cả vào một Công Án, nên chỉ có mỗi một Công Án mà có người phải mất 8 năm, như Nam Nhạc Hòa Thượng chỉ để trả lời câu: “Ở đâu đến? Mà cái gì đến”. Trong khi đó bên Phật Gia còn rất nhiều nghi vấn cần khai thông, phải đâu chỉ riêng chữ VÔ hay một vài Công Án? Và cũng không cần đến nhiều năm như thế. Bằng chứng là Lục Tổ chỉ mất có 8 tháng, và Ngài cũng không có Ngồi Thiền, chỉ có chẻ củi, giã gạo thôi!

Nếu chỉ dựa theo Ba Gậy mà Lục Tổ đánh Thần Hội, cho đó là “Đốn Giáo” thì ta thấy hoàn toàn sai. Bởi sau khi bị đánh 3 gậy, Thần Hội theo hầu Lục Tổ rất nhiều năm, phải đâu bị đánh đã Thầy Tánh mà cho gậy đó là “Đốn”? Hơn nữa, suốt thời gian hoàng Pháp, Lục Tổ đã thuyết giảng, biện luận rất nhiều, đệ tử Ngài thu gom lại thành quyển PHÁP BẢO ĐÀN KINH, Trong đó, ngoài 3 gậy đánh Thần Hội để khai mở cho y, Ngài đâu có la hét, đánh đập ai? Trái lại, Ngài dạy: “*Mỗi sự lý phải hiểu tới tận chỗ chơn, cả thấy sự lý phải hiểu tới tận chỗ chơn*”, và mỗi từ, mỗi pháp Ngài đều giảng giải hết sức rõ ràng.

Trong khi Lục Tổ được các phái Thiền phong tặng là “Tổ Sư Thiền” thì dạy: “*Mỗi sự lý phải hiểu tới tận chỗ chơn*”, thì những đệ tử Thiền Tông của Ngài chết sống chỉ biết cột cái tâm vào chữ VÔ! Cách tu hành đó phải chẳng rơi vào lời Tổ cảnh báo: “*Bằng đối với mọi vật lòng không nghĩ đến, khiến cho niệm tưởng dứt đi, tức là bị pháp ràng buộc. Ấy gọi là biên kiến!*”

Nói về THIỀN thì hai câu đầu trong Bài Kệ VÔ TƯỚNG của Lục Tổ đã chỉ rõ :

“Lòng bình đẳng đâu cần giữ GIỚI.

Làm việc ngay há đợi TU THIỀN !”

Hoặc: ““Chư Thiện tri Thức. Sao gọi là THIỀN ĐỊNH? Ngoài là tướng là THIỀN. Trong không tán loạn là ĐỊNH. Ngoài Thiền, trong Định, ấy là THIỀN ĐỊNH”. Cái chứng ngộ của Lục Tổ là: “Chư thiện tri Thức, trong niệm niệm tự mình thấy Bốn tánh thanh tịnh, tự mình tu, tự mình hành, tự mình thành Phật Đạo”. Đâu có quá bí hiểm, hay đôi khi lại quá đơn giản như Huệ Lăng Trường Khánh phát biểu: “ Hễ hiểu cây trụ trượng là gì tức không còn phải học Thiền nữa”! (Tr. 34 Q.Thượng) như phía Thiền Tông. Có lẽ ngay cả mục đích Tu hành của Đạo Phật các vị đó còn không nắm vững cho nên mới dám phát biểu như thế. Việc Thoát Sinh Tử, Thoát Phiền Não đâu có liên quan gì tới cây trụ trượng? Thiền Định là thời gian dừng lắng cái tâm để suy nghĩ tìm ra cách thức để Thoát Phiền Não, vậy mà chỉ cần biết cây trụ trượng là không cần Thiền nữa sao? Có thể câu nói này đã gây cho biết bao nhiêu Thiền Sinh thời tốn không ít công sức vô ích! Quả là chỉ có những kẻ không rõ lý Nhân Quả, không biết lời nói của mình sẽ gây hại cho nhiều người khác mới dám mạnh miệng như thế.

Thiền Sư Suzuki cũng trích Kinh để nói rằng “Cuối cùng Phật xác định lại lý tự giác, tức sự Chứng Đạo của Phật, như sau:

“Đó cũng như nhìn thấy bóng mình trong gương hoặc trên nước, cũng như nhìn bóng mình trong ánh trăng hoặc ánh đèn. Lại nữa, cũng như nghe tiếng nói của mình dội lại trong thung lũng; hễ có vọng cầu thì có vọng tưởng phân biệt phải trái; hễ có phân biệt phải trái thì không thoát khỏi thế kẹt hai đầu, tự nhiên chấp cái phải nên tinh thần không thể “tịnh” được. Tịnh có nghĩa là lắng sạch hết sở cầu, có nghĩa là đi sâu vào định, từ đó phát sanh Thánh Tri Tự Giác, và đó tức là Như Lai tạng”.

Ngài cũng trích Kinh: “Trong kinh, Thích Ca Mâu Ni chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thành Phật, bằng cách vượt ngoài cả hai thiên chấp “Có” và “Không” (nasty – asty- vikalpa). Cái lầm căn bản là ở đó – chấp cả hai – cần phải xả trừ trước hết để đạt cảnh giới tự giác. Lầm bởi không nhận thức được tướng Không

(sunya), tướng vô Sanh (anutpada) tướng Vô Bất (advaya) và tướng vô Tự Tánh (nihsvabhavalakshana) của muôn vật”.

Câu trên đủ chứng minh là cái tâm mong cầu chứng đắc khi Tham Công Án của các Thiền Sinh là không đúng với tinh thần tu Phật. Đức Thích Ca đã nói rõ: Hễ có vọng cầu thì có vọng tướng phân biệt, hễ có phân biệt thì không thoát khỏi thế kẹt giữa hai đầu, tự nhiên chấp cái phải nên tinh thần không thể tịnh được”. Đã không tịnh thì làm sao tâm trí có thể trong sáng để thấy được điều gì? Chính vì vậy ta thấy Kệ gọi là “chứng đắc” của Ngài Vô Môn chỉ có 20 chữ Vô. Đắc chữ VÔ bằng 20 chữ Vô, chứng tỏ Ngài đâu có thấy được gì?

Mặt khác, dù cho các Thiền Sinh có thể đắc được chữ VÔ, thì lẽ nào tất cả những sự hiểu biết về Sinh Tử, Vô Thường, Vô Ngã, Phật Tánh, Có, Không, Hư Không, Niết Bàn, Phật Quốc, Mê, Ngộ, Chân Vọng vv... được hiểu hay đạt đến bằng cách tham mỗi một Công Án, hay mỗi chữ VÔ? Và sự chứng ngộ của một Công Án lại còn đưa người chứng nó cao hơn cả Phật, Tổ? Đó là điều mà người có chút hiểu biết ắt là không chấp nhận được, vì tính cách phi lý của nó!

Nơi trang 109, Quyển Thượng, Thiền Sư Suzuki nói rằng “*Người Ấn tinh vi trong việc phân tích nội tâm, tương xứng trong thi hứng tuyệt vời. Người Trung Hoa mãi mãi là đứa trẻ con bụi đời, vóc dáng nặng nề, không bao giờ dám bay bổng*”. Nhưng nơi trang 10 của Quyển hạ, Ngài lại nói về “*ngón tay trở của Thiên Long chỉ cho thấy vẻ huyền bí của toàn vũ trụ và trong tiếng hét của Lâm Tế chúng ta nghe bản hòa âm thiên nhạc của khối tinh cầu*”! Xem ra đứa trẻ con cục mịch Trung Hoa và Thiền Sư Suzuki lại có một sức tưởng tượng còn bay bổng siêu đẳng hơn các triết gia Ấn Độ rất nhiều! Không biết có phải do Ngài quá ái mộ Thiền nên để trí tưởng tượng tha hồ nhảy múa, quên xem lại mục đích của Đạo Phật để thấy những vẻ huyền bí hay hòa âm thiên nhạc tưởng chừng như nghe thấy được đó chẳng dính dáng gì đến Sinh Tử, Phiền Não mà người tu Phật cần Thoát?!

Thật vậy, trong khi Đức Thích Ca sau khi đắc đạo rồi thì bỏ ra hết cuộc đời còn lại để thuyết giảng. Những gì Ngài giảng được các Đại Đệ Tử gom lại thành 12 Bộ Kinh còn lưu truyền đến muôn đời. Trong đó, Ngài giải thích hết sức rõ ràng, từ lý do vì sao cần phải tu hành. Phải Phát Tâm như thế nào? Cách sắp xếp đồ chúng. Soi quán

những gì vv... Mỗi mỗi đều tách bạch, để dù Ngài nhập diệt từ lâu nhưng người sau nương đó mà hành trì thì cũng thành tựu được. Trong khi đó, đọc hầu hết các Thiền Sư trong Thiền Tông, ta thấy các ngài không hề giảng hay nói câu nào, như Thiền Sư Suzuki đã tổng hợp lại: *Chỉ là la, hét, đánh, sập cửa cho đệ tử gãy chân, nói vu vơ, hỏi ngược lại, nói nhại, hoặc chỉ cần đưa ngón tay lên.* Vậy mà Thiền Sư Suzuki hết lời khen, cho đó là "*chỉ thẳng*"! Hiện tượng được cho là Ngộ của Thiền Sinh xem ra cũng quá dễ dàng. Chỉ cần dám đánh lại thầy, chửi Tổ, mắng Phật là kể như đã chứng đắc! Thậm chí có vị cả đời chỉ "đưa một ngón tay lên" mà cũng là Thiền Sư! Chỉ cần mạnh dạn có những thái độ, cử chỉ khác người thôi! Có lẽ chính vì vậy mà họ có pháp đâu để giảng dạy? Do đó phải chăng cần: hét, đánh hay quăng phất tử, tích trượng khi có người hỏi pháp để dấu dốt?!

Tu Phật là SỬA CÁI TÂM DÍNH MẮC ĐỂ ĐƯỢC GIẢI THOÁT. Người tu theo Đạo Phật phải TU TÂM, phải chuyển hóa nó để trở thành một con người tốt đẹp hơn chớ đâu phải để trở thành những con người nổi bật bằng những lời lẽ, cử chỉ bất bình thường! Do đó, chúng ta có thể hoàn toàn đồng ý với nhận xét của những người khích bác giới Tu Thiền từ xưa, mà Thiền Sư Suzuki đã viết lại. Bởi đúng là "*Thiền như thế đã đi lạc quá xa so với hiểu biết thông thường về lời dạy của Phật được chép lại trong các Bộ Kinh*". Vì người tu Phật chân chính là phải Thân, Khẩu, ý, ba nghiệp thanh tịnh. Phải có đức Từ, Bi, Hỷ, Xả. Phải trừ Ngã chấp, Pháp chấp. Phải thu thúc Lục Căn mà xem ra các Thiền Sư tu theo như những gì đã trích lại trong các tập sách ta không thấy có được phần nào những đức tính cao đẹp đó!

* Thiền Sư Suzuki không thắc mắc gì về các Công Án mắng Phật, chửi Tổ, dù Ngài có đọc kinh HOA NGHIÊM, nhưng không để ý đến phần Kinh nói về THIỆN TRI THỨC như sau: "*Này Thiện Nam Tử. Thiện Tri Thức như từ mẫu, vì xuất sanh Phật chủng. Như từ phụ, vì lợi ích rộng lớn. Như nữ mẫu, vì thủ hộ chẳng cho làm ác. Như giáo sư, vì dạy sở học của Bồ tát. Như Đạo sư, vì hay chỉ đường Ba La mật. Như lương y, vì hay chữa bệnh phiền não. Như tuyền sư, vì tặng thuốc nhất thiết trí. Như dũng tướng, vì dẹp trừ tất cả sự bố úy. Như người đưa đò, vì làm cho ra khỏi đàng sanh tử. Như lái thuyền, vì đến bờ sở trí huệ.*

Này Thiện nam tử! Ta lược nói tất cả Bồ Tát hạnh, tất cả Bồ Tát Ba la Mật, tất cả Bồ tát hạnh, tất cả Bồ tát tổng trì môn, tất cả Bồ tát tam

muội môn. Tất cả Bồ Tát thần thông trí, tất cả Bồ Tát hồi hướng, tất cả Bồ Tát nguyện, tất cả Bồ Tát thành tựu phật pháp đều do sức của thiện tri thức, đều dùng thiện tri thức làm căn bản. Đều nương thiện tri thức mà sanh. Đều nương thiện tri thức mà ra. Đều nương thiện tri thức mà trụ. Đều do thiện tri thức làm nhân duyên. Đây là do Thiện Tri Thức mà phát khởi”.

Công ân của Thiện tri Thức to tát như vậy, lẽ nào học xong lại quay ra mặt sát họ để trả? “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”. Mỗi chữ đều nhờ Thầy mà có được. Ân nghĩa đó họ còn chưa trả, thì Nhân Thừa còn chưa đạt. Người đời còn bảo nhau: “Kính Thầy mới được làm thầy”, mà họ chửi cả Tổ, chê cả Phật chỉ bằng: “*Que cứt khô*”, “*ba cân mè*”, thậm chí có vị còn cho rằng “*Nhắc đến chữ Phật thì phải súc miệng*”... thì làm sao còn đòi làm Thánh, làm Phật?

Thiền Sư Suzuki cũng có chiếu Sáu Cửa vào Động Thiếu Thất mà không thấy Tổ Đạt Ma dạy trong PHÁ TƯỚNG LUẬN:

Hỏi: *Nếu có người dốc lòng cầu đạo thì nên tu theo pháp nào mới thực là cực kỳ tinh yếu?*

Đáp: *CHỈ MỘT PHÁP QUÁN TÂM THẬU NHIẾP CÁC PHÁP* mới thực là cực kỳ tinh yếu

Hỏi: *Sao một pháp nhiếp trọn các pháp được?*

Đáp: *Tâm là gốc của muôn pháp. Tất cả muôn pháp duy một Tâm sanh. Nếu hiểu được Tâm ắt muôn pháp sẵn đủ trong đó, cũng ví như cây lớn có đủ thứ cành, nhánh, trái, bông, nhưng tất cả đều do một gốc sanh ra, nếu chặt gốc ắt cây chết.*

Nếu hiểu tâm tu đạo ắt được tinh lực nên dễ thành.

Không hiểu tâm mà tu đạo ắt nhọc công mà vô ích.”

“*Nếu muốn tìm Phật, hãy cần Thấy Tánh.*

Tánh tức là Phật.

Nếu chẳng Thấy Tánh thì chạy lạt, giữ giới đều vô ích cả”

Khi truyền pháp cho Lục Tổ Huệ Năng, Ngũ Tổ dạy: “*Nếu chẳng biết Bản tâm thì học pháp vô ích. Bằng biết Bản Tâm và thấy Bản Tánh mình tức gọi là trượng phu, là Phật, là thầy cõi trời và cõi người vậy”*

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh Lục Tổ dạy: *Muốn thấy Phật phải ngó vào trong Tánh mình mà tìm, đừng ngó ra ngoài thân mà kiếm”*

Tổ Đạt Ma và Lục Tổ Huệ Năng được Thiền Tông phong là Tổ Sư Thiền đều dạy: *“Muốn Thành Phật thì phải THẤY TÁNH hoặc THẤY BỒN THỂ TÂM. Muốn Thấy Tánh thì “Phải NGÓ VÀO TRONG TÁNH MÌNH MÀ TÌM”*. Phải nhờ vào Trí Huệ. Phương tiện là Trí Bát Nhã, là Nội quang phản chiếu, là Thiền Quán... Trong khi đó, phương tiện của các Phái Thiền chỉ có “đưa ngón tay lên”. Cầm cây tích trượng hay phát tử đưa xuống, đưa lên..Thậm chí Tổ Pháp Diễn ở Ngũ Tổ Sơn còn bảo: *“Chỉ cần biết “sao gọi cái này là bàn tay” thì đã có Thiền và thành Thiền”!* Xem ra lời dạy của Tổ Sư, kể cả lời Phật, cũng chẳng có chút giá trị gì đối với các Thiền Gia!

Phái Tu Thiền chỉ cần đắc mỗi một Công Án (Chưa biết là có thật sự đắc hay không) thì chẳng những Thành Phật, mà còn “cao hơn cả Phật” Trong khi đó, Đại Thừa Kim Cang Kinh Luận viết về Quả Phật như sau:

“Phật dạy Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: “Quả Phật có ra là từ chỗ giữ gìn trai giới thanh tịnh. Quả Phật từ chỗ luôn chơn thật không thối lui mà được. Quả Phật từ chỗ tu hành bình đẳng, không biết oán, thân mà được. Quả Phật từ chỗ hạ mình xuống tầm cầu minh sư mà được. Quả Phật từ chỗ Từ, Bi, Nhẫn Nhục mà được. Quả Phật từ chỗ Tinh tấn tu hành, Giải Thoát Phiền não mà được. Quả Phật từ chỗ khó làm hay làm, khó Xả hay Xả, khó Học hay Học mà được. Cho đến Quả Phật là từ chỗ gieo trồng tất cả giống Trí Huệ mà được”.

Như vậy, ta nghĩ thế nào khi Thiền Sư Suzuki đồng tình với những kẻ mắng Phật, chửi Tổ? Theo Nhân thừa thì đó là những người bất kính, vong ân, huống chi đây là những người tu lễ ra phải “Thân, Khẩu, Ý Ba Nghiệp thanh tịnh”? Tu chỉ có một nghĩa là SỬA. Như vậy các Thiền Sư đang Sửa cái gì để gọi là Tu Thiền?

Có lẽ là ta phải đồng ý về nhận xét của những người khích bác Thiền mà Thiền Sư Suzuki đã trích: *“Thiền không phải là Phật Giáo: đó là một thứ đạo hoàn toàn xa lạ với tinh thần Phật Giáo, là một biến chứng mà ta thường thấy nảy sinh trong lịch sử của bất cứ tôn giáo nào. Thiền là một cái gì bất thường, lớn mạnh giữa những dân tộc mang những nếp cảm nghĩ khác hẳn với dòng Phật Giáo chánh truyền* “Bởi những gì nó diễn ra rõ ràng là như thế.

Tóm lại. Hẳn mọi người khi đọc THIỀN LUẬN của Ngài Suzuki thì ai cũng đinh ninh là sẽ được chỉ bảo kinh nghiệm hành Thiền của Ngài để chính mình cũng sẽ thực hành và thành công. Nhưng đọc hết cả 3 quyển, ta chỉ thấy Ngài xưng tán về Công Án của pháp môn Thiền

và có công phu sưu tầm, ghi lại hầu hết những đối thoại về Thiên của các Thiền Sư từ Tổ Đạt Ma về sau cho tới khi Thiên du nhập và ảnh hưởng tới nước Nhật ra sao.

Ngài cũng trích đăng rất nhiều bộ Kinh và cũng có giải thích một số từ ngữ trong Kinh, để chứng tỏ là cũng có đọc Kinh. Nhưng điều chắc chắn là Ngài chưa hề thực hành, nên không thấy rằng trong đó có cả kho tàng cho ai biết khai thác, theo lời Kinh dạy: *“Chỉ cần thọ, trì, đọc, tụng, giải, nói, biên chép, y pháp tu hành thì xuất sanh chư Phật”*. Vì thế, dù trích rất nhiều Kinh, nhưng Ngài cho rằng: *“đã thật sự Thiền thì cần vứt bỏ những thứ rườm rà bao bọc chung quanh”* - là những bộ Kinh của Đạo Phật - để cho rằng chỉ cần THIỀN thôi!

Ngài ca tụng phương pháp hướng dẫn của các Thiền Sư:

** Có một ông Tăng hỏi: Phật là ai? Một Thiền Sư chỉ vào Phật điện, không thêm lời giải, không viện một dẫn chứng.*

- Tham vấn về Tâm, một ông Tăng hỏi: *Rốt cuộc thế nào là Tâm?*

Sư đáp: *Tâm.*

Bạch, con không hiểu.

Hay có người hỏi: *Lời dạy căn bản của Phật là gì?*

Sư đáp: *Gió phe phẩy trong cây quạt này mát làm sao!*

Thiền Sư Suzuki bình: *Trả lời gì kỳ cục vậy? Rõ ràng Tứ Diệu Đế, căn bản của Phật Pháp không có chỗ dùng nào hết trong pháp dạy Thiền. Cả điệp khúc bí hiểm: “Tâm gọi là Tâm vì chẳng phải là Tâm” của kinh điển Bát Nhã Ba La Mật vẫn không còn là điều đáng thắc mắc lo âu!*

Xem ra Ngài đồng tình với việc không dùng tới Kinh sách. Ngay cả Kinh Bát Nhã Ba La Mật được viết là: *“Tam thế chư Phật y Bát Nhã Ba La Mật cố, đắc Tam Miệu tam Bồ Đề”*, có nghĩa là ba đời chư Phật đều do Trí Huệ Ba La Mật mà đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì Ngài cho là *“chẳng đáng thắc mắc, lo âu”!* Thiền Sư mà chẳng trả lời được câu hỏi “Phật là ai”, chỉ biết chỉ tay vào chánh điện. Trong chánh điện chỉ có Tượng, làm gì có Phật? Lời dạy căn bản của Phật không bằng *“gió phe phẩy trong cây quạt”!*

Như thế, hẳn ta đã rõ: Thiền không có chút gì liên quan đến Đạo Phật, dù các Thiền Sư thời xưa vẫn sống trong Chùa, mặc pháp phục của Đạo Phật, hưởng dụng của Thường Trụ! Tự họ đã tách ra thành một con đường riêng rẽ, bởi vì nói đến Đạo Phật là phải nói đến Giới,

Bát Chánh Đạo, Thân, Khẩu, Ý, Ba Nghiệp thanh tịnh... So lại, ta thấy cách Tu Thiền như trong tập này ghi lại không giống chút gì với cách tu Phật, từ cái PHÁT TÂM, cho đến cách hành trì và sự Chứng Ngộ.

· Người tu Phật Phát Tâm đi tu vì ý thức Sinh tử, vì muốn Thoát Sinh Tử. Cái Hành của người Tu Phật là phải Giữ Giới, phải đi trong Bát Chánh Đạo. Phải làm Lục Độ, trong đó có Thiền Định. Phải trừ Ngã Chấp, Pháp Chấp. Công năng là Soi Quán. Chứng đắc là THẤY TÍNH hay thấy được BỒN THỂ TÂM.

· Người tu Thiền thì phát tâm tu vì MUỐN CHỨNG ĐẮC. Công Năng chỉ là THAM QUÁN một Công Án. Chứng đắc của họ là khai được Công Án.

· Cách dạy của các Thiền Sư rất là lạ. Không hề giải thích một chữ nào. Chỉ đưa lên, đưa xuống cây chổi bằng lông đuôi ngựa gọi là Phát Tử hay cây thước tre, mà Thiền Sư Suzuki cho đó là “chỉ thẳng”.

· Cái NGỘ của nhà Thiền cũng xuất phát từ những lý do cực kỳ bí ẩn! Thầy chưa hề giải thích cho đệ tử thế nào là Ngộ. Vừa toan mở miệng hỏi đã bị đánh, bị đập. Đột nhiên một ngày nào đó, sau khi bị thầy đóng sập cửa cho gãy chân bồng Ngộ! Bị Thầy xáng cho mấy bạt tay, choáng váng, chưa biết làm gì, thì có người kêu: “sao không lay thầy đi?”. Người đó toan lay bồng... Ngộ! Một chú tiểu thấy ai hỏi gì Thầy cũng chỉ đưa ngón tay lên nên bắt chước Thầy. Thế là chú ta bị Thầy chặt phăng ngón tay đi. Sau đó nhìn ngón tay cụt bồng... Ngộ!

So với cái Ngộ Đạo của Đức Thích Ca ta thấy có một sự khác biệt hoàn toàn. Đức Thích Ca đi tìm con đường để Thoát Sinh Tử Luân Hồi. Đến lúc Ngài gặp được thì gọi là Ngộ Đạo. Nhà Thiền đi tìm chữ VÔ cũng cho là Ngộ Đạo! Mà lại thấy mình còn cao hơn cả Phật! Tìm chữ VÔ, thấy được chữ đó bồng trở thành “*thầy của cõi trời, cõi người!*” “*Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ!*”! Dạy nhau tham Công Án, chẳng dính dáng gì đến cái Tâm cũng cho là Truyền Tâm Ấn!

Đọc xong các quyển Thiền Luận ta thấy kết luận đúng như Thiền Sư Suzuki viết: “*Dẫu có đem hết tâm trí nghiền ngẫm thiên cảo luận này vẫn không khỏi hoang mang về đại nghĩa của Thiền Pháp!*” Rốt cuộc thì Ngài muốn nói gì trong hơn ngàn trang luận về Thiền? Và ta càng hoang mang hơn khi đọc câu: “*Thiền khước từ tất cả, cả ý định mô tả hoặc định nghĩa Thiền*”. Thiền vốn không lời. Vậy Thiền khước

từ hay chính Thiền Sư khước từ? Vừa luận Thiền, vừa bảo Thiền không thể định nghĩa được. Vậy thì lấy căn bản nào để đánh giá thế nào là một Thiền Sư? Ngài đã làm gì để trở thành một Thiền Sư khi chính Ngài cũng chẳng hiểu về Thiền? Có lẽ câu hỏi đó dành cho người muốn tham khảo tự trả lời vậy.

CHƯƠNG II

Về Quyển CHÂN THIỀN ZEN của Thiền Sư Taisen Deshimaru.

Phái Tào Động do dòng THANH NGUYÊN HẠNH TỬ là một người đặc pháp với Tổ Huệ Năng. Theo đồ biểu của dịch giả Trúc Thiên thì ta thấy: Từ Ngài HẠNH TỬ Thanh Nguyên (năm 740) cho tới Ngài Tào Sơn là người lập ra Phái Tào Động (840-869) là cách nhau hàng trăm năm.

Lối dạy về Thiền của phái Tào Động cũng giống như bên Phái Lâm Tế: là cũng “Đả Thiền”, tức là dùng gậy hay “thẻ tre” đánh lên người đang Ngồi Thiền. Thẻ của Tào Động được giải thích: Trước hết là những lời giáo huấn được viết lên đó (tr. 107). Sau đó là những cú đập của thẻ Thiền là để kéo những người đang bị rơi vào trạng thái hôn trầm hoặc tán loạn trở lại, gọi là để duy trì cường độ chăm chú của người Ngồi Thiền.

Nhưng việc “Đả Thiền” của Phái Lâm Tế thì hoàn toàn khác. Thiền Sư Taisen kể: *Năm ông 17 tuổi. Ngày nọ ông đến một tu viện Phái Lâm Tế, thăm Đại Sư A... (về sau ông này trở thành chưởng môn phái Lâm Tế). Ông được đại sư giới thiệu đến Thiền Viện Kamakura gần Tokyo. Nghỉ hè sau đó, ông đến Thiền Viện này.*

Nhưng kỷ luật ở đó quá nghiêm khắc, 2 giờ sáng là phải thức dậy để tọa Thiền. Các vị Sư thì không ông nào nói năng đúng đắn, lại thêm một vị sư trẻ sử dụng gậy hết sức mạnh bạo, mà cây gậy thì to, dài, khác hẳn thẻ roi của thiền Tào Động. Ở đó muỗi lại nhiều vô số, khiến trong buổi tọa thiền ông ta phải động đậy để xua. Thế là cứ

nhúc nhích thì vị sư lại giáng cho một gậy tá hỏa tam tinh. Đôi lúc ông ta lại ngủ gục, thế là có dịp cho sư nọ phang thẳng tay! Hai vai của ông ta rướm máu. Ông ta chán nản muốn bỏ đi, nhưng lỡ hứa ở lại 1 tuần nên đành chịu trận.

Vào một buổi sáng cuối tuần, khi vị sư (có lẽ cũng đang mớ ngủ) giáng cho ông ta một gậy, nhưng thay vì đánh vào vai lại trúng vô đầu. Thế là ông nổi nóng, đứng dậy, giật phắt cây gậy, quật cho vị sư kia tới tấp. Mọi người đang ngồi thiền nhón nháo đứng cả dậy, vây quanh ông để khuyên can, nhưng ông vung gậy đánh tứ tán rồi chạy đi”.

Ông trở lại đạo thất của Đại Sư A... và nói là không thích Thiền, muốn bỏ đi. Vị đại sư còn đang ngạc nhiên thì lúc đó vị sư bị đánh cũng đến than van về vụ tai tiếng ông ta đã gây ra cho đạo tràng. Vị Đại Sư phá lên cười: “Đấy mới thật là Chân Thiền”.

Quả thật ta khó mà nghĩ ra ai mới là Chân Thiền? Người đánh hay người bị đánh! Và nếu cho rằng cứ ngồi cho muỗi đốt, rồi ăn gậy mà thành Phật thì ta chưa thấy chính Kinh nào nói đến!

Thiền Sư Deshimaru, là Tổ đương thời của phái Tào Động viết quyển CHÂN THIỀN ZEN. Trong quyển này ta lại thấy một số điều đáng lưu ý như sau:

I- Ông tự xưng mình là Tổ thứ 84 tính từ Đức Thích Ca (tr. 179) là sai, vì trong Đạo Phật chỉ được tính có 33 vị Tổ mà thôi. Trong PHÁP BẢO ĐÀN KINH có viết: Đến đời Lục Tổ Huệ Năng thì do những người tranh chấp Y Bát, sẵn sàng giết người có nó để chiếm đoạt để lên làm Tổ. Vì thế, Ngũ Tổ đã dặn Ngài phải dấu đi không truyền nữa”. Cho nên, dù Phái Tào Động xuất phát từ gốc là Hạnh Tư Thiền Sư là người đặc pháp với Lục Tổ. Nhưng Lục Tổ không hề truyền Y Bát cho Ngài Hạnh Tư được làm Tổ kế vị, vì thế các nhánh về sau không thể theo đó mà tính tiếp. Bởi Lục Tổ có rất nhiều đệ tử đặc pháp, phải riêng đâu Hạnh Tư Thiền Sư? Do đó, Đúng hơn là phái này nên xếp lại thứ tự của mình cho khớp với lịch sử. Chỉ được quyền xếp thứ tự của riêng Phái mình, tính từ người đặt cái tên Tào Động mà thôi. Gom chung với chư Tổ quá khứ để mọi người tưởng lầm phái của mình chính thức được Truyền Y Bát là sai. So với chánh pháp là Vọng Ngũ.

II.- THIỀN CỦA PHÁI TÀO ĐỘNG :

Đây là một trong NGŨ PHÁI THIỀN nổi tiếng một thời, chuyên Tu và dạy THIỀN.

THIỀN được Thiền Sư Taisen giải thích như sau: *“Nếu có ai hỏi “Thiền là gì?”, tôi trả lời: “Thiền không gì khác hơn là ngồi yên”.*

TỌA THIỀN của Phái Tào Động là:

** Tọa Thiền không mục đích, không vì cái gì cả.*

** Nhờ Tọa thiền, các hoạt động của vỏ não, của chất xám êm lắng xuống, và trung não mới có thể vận hành, phát triển, cho phép đạt đến trí huệ vô hạn. Như vậy Tọa Thiền là chân lý tuyệt đối chứ không phải chân lý tương đối. thực hành tọa Thiền, đó là nhắm thẳng đến cõi Ngộ.*

** Tọa Thiền là tĩnh lặng tuyệt đối, tĩnh lặng mọi tư tưởng, Tọa thiền là Vô Niệm. Tọa thiền là thực nghiệm Bồ Đề, Trí Huệ tối thượng (57).*

** “Chân Thiền của Phật chính là tọa thiền. Vậy tọa thiền là gì? Đó là ngồi xếp bằng, thân thật ngay ngắn, tâm không suy nghĩ điều gì, dù là nghĩ về Phật hoặc về giác ngộ. Có thái độ này, tâm ta sẽ trùng khít với chân tâm của chư Phật. Không suy nghĩ đến sinh tử, đến nghiệp quả hoặc luân hồi” .*

** “ Không làm gì hết, chỉ ngồi đó là Thiền. Ngồi tự nhiên là thực hành tuyệt đối. Như vậy, tư thế ngồi tự nhiên là con đường đưa đến thành Phật”.*

So sánh với THIỀN của Đạo Phật ta thấy như sau:

Ai cũng biết Đức Thích Ca sau 6 năm tu học với Lục Sư ngoại đạo mà không thành công. Ngài đã quyết định trải tòa cỏ để ngồi tĩnh tọa dưới cội cây Bồ Đề. Sau 49 ngày đêm thì Ngài đắc đạo. Hành động tĩnh tọa sau này gọi là Thiền Định. Kinh sách thì không đề cập đến Đức Thích Ca đã làm gì trong 49 ngày Ngồi Thiền Định đó, nhưng dựa vào lời Ngài hân hoan tuyên bố ngay sau khi cho là Đắc Đạo *“Ta lang thang trong vòng luân hồi qua bao nhiêu kiếp, tìm mãi mà không gặp kẻ làm nhà. Hỡi kẻ làm nhà, từ đây ta đã gặp được người rồi. Người không được làm nhà nữa. Bao nhiêu cột kèo của người đã gãy vụn, rui mè của người cũng tan nát cả rồi. Trí Ta đã đạt đến Vô Thượng Niết Bàn, ta đã hoàn toàn giải thoát”*... thì ta thấy rằng trong thời gian ngồi tĩnh lặng đó Ngài đã tập trung tư tưởng mà tư duy, tìm thủ phạm đã “làm nhà”, tức là đã xây nên ngôi nhà Sinh Tử, cái mà Ngài đã phải hy sinh, bỏ cả ngai vàng, vợ đẹp, con xinh

để đi tìm cho bằng được. Cuối cùng, nhờ 49 ngày đêm Thiền Định đó Ngài mới tìm ra. Qua đó, ta thấy, Ngài đâu có ngồi đó, diệt hết tư tưởng mà có thể phát hiện ra điều mình cần khám phá?

Do Kinh sách không ghi lại rõ là Đức Thích Ca đã làm gì trong lúc NGỒI, nên những phái tu học về sau mạnh ai nấy giảng giải theo cách hiểu của mình. Phái Tào Động cho là: *“Ngồi xếp bằng, thân thật ngay ngắn, tâm không suy nghĩ điều gì, dù là nghĩ về Phật hoặc về giác ngộ. Có thái độ này tâm ta sẽ trùng khít với chân tâm của chư Phật”*.

Qua khẳng định này, ta thấy Thiền Sư Taisen chưa hiểu thế nào là Phật và cách thức tu hành để Thành Phật, cho nên cũng không thể nào hiểu được thế nào là Tâm của Chư Phật. Theo Ngài, *“không suy nghĩ gì hết, bỏ cái tâm trống không thì đó là trùng khít với Tâm của Chư Phật”*. Như thế, hóa ra cỏ cây gỗ đá không có tâm, không biết suy nghĩ thì đồng với chư Phật? Chư Phật không phải Vô Tâm. Các Ngài có đến TỬ VÔ LƯỢNG TÂM. Và Tâm của các Ngài thì thanh tịnh, đâu có phải là chỉ trống không? Và cái tâm ngổn ngang, đầy phiền não như ta, nếu chỉ bỏ trống không trong thời gian Ngồi Thiền, thì khi xả Thiền nó cũng trở lại phiền não, đâu thể rỗng rang được?

Theo Đạo Phật, trong Tâm của mỗi con người có hai trạng thái được gọi là PHÀM THÁNH ĐỒNG CƯ. Phiền não, xao động, nghĩ ác, thương, ghét, hờn, thua... thì đó là cái Tâm Chúng Sinh, hay là Phàm Tâm. Và cái gọi là Bản thể Tâm hay cái Chân Tâm thì thanh tịnh, như như. Vì thế, người tu phải tìm cách “Điều phục” hay là “Diệt độ chúng sinh” hay là “chuyển hóa cái tâm” để nó từ trạng thái PHÀM trở về với trạng thái thanh tịnh, hay là THÁNH, gọi là tu hành. Đâu phải cứ NGỒI lặng im không suy nghĩ mà nó sẽ tự thánh hóa?

Với kiểu ngồi bất động, ta thấy Lục Tổ có Kệ:

“Lúc sống ngồi, chẳng nằm

Khi chết, nằm, chẳng ngồi

Gốc là cục thịt thúy

Làm chi vậy mệt ôi” !

Có nghĩa là cái Thân này do Tứ Đại hợp thành, chỉ là đồng thịt hôi nhơ. Nếu lúc sống nó cứ ngồi trơ ra đó, gọi là ngồi hoài không nằm. Rồi khi chết đi thì nằm một đồng, không ngồi được nữa, thì cả đời làm như vậy chỉ mệt thôi. Chẳng sinh ích lợi gì. Ý Ngài chê kiểu Ngồi

Thiền mà Kinh Duy Ma Cật gọi là “*ngôi sống ở đờ*”. Bây giờ Thiền Sư Taisen lại cũng dạy người tu: “*không suy nghĩ gì hết, bỏ cái tâm trống không*”, giống y như những gì mà Lục Tổ và Kinh đã chê trách!

Cách hướng dẫn Ngôi Thiền của Thiền Sư Taisen: “*Tọa Thiền là tĩnh lặng tuyệt đối, tĩnh lặng mọi tư tưởng*”, trong khi đó, Lục Tổ dạy:

*“Có tình hiểu biết đương nhiên động
Không động là loài chẳng có tình
Học đạo nếu tu hạnh chẳng động
Giống loài chẳng động tức không tình
Muốn tìm cảnh thiệt tâm không động
Trong lúc động mà Tánh chẳng lay
Chẳng động, thiệt rỗng tâm chẳng động
Không tình đâu có giống Như Lai”*

Có nghĩa là con người là giống hữu tình đương nhiên là phải động. Nhưng làm sao để trong lúc động mà không ảnh hưởng đến cái Tánh, gọi là Động mà không Động. Do vậy mà phải tu học. Lời Lục Tổ dạy quá rõ: *Nếu tu để trở thành không động như cây cỏ, là loài vô tình. Nếu thật sự không có tình thì chẳng phải là giống Như Lai.*

Nơi khác trong Pháp bảo Đàn Kinh, Lục Tổ nói về những người dạy Thiền sai: “*Chư thiện tri Thức, lại có người dạy ngôi xem cái tâm, quán tưởng Tâm, Cảnh vắng lặng, ngôi yên chẳng dậy, bảo theo đó mà lập công phu. Người mê chẳng hiểu, cố chấp làm theo rồi thành điên dại. Số người lầm như thế chẳng phải ít. Truyền dạy nhau như vậy thiệt là lầm to”!* Trong khi đó, tất cả những phái Thiền, kể cả Phái Thiền Tào Động, cũng xưng Tổ Đạt Ma và Lục Tổ là “Tổ Sư Thiền”, nhưng lại không biết, không thấy lời cảnh báo này của hai vị Tổ Sư mình! Xem ra hình như các phái dạy TU THIỀN chỉ muốn mượn danh của hai Tổ như là một thứ nhãn mác để lừa người ngưỡng mộ hai vị, để họ vì tin các Ngài rồi theo họ để học mà thôi. Bởi những gì họ giảng dạy đâu có giống chút nào với lời của Hai Tổ?

Về Dứt hết tư tưởng, trong Pháp Bảo Đàn Kinh, có bài kệ:

*Ngọa Luân tài rất hay
Dứt được cả tư tưởng
Đối cảnh lòng không động*

Bồ Đề ngày vượn lớn”

Lục Tổ Huệ Năng thì :

Huệ Năng tài chẳng hay

Không dứt cả tư tưởng

Đối cảnh lòng động hoài

Bồ Đề đâu vượn lớn”

Tức là Ông Ngọa Luân nào đó, dứt được cả tư tưởng, đối cảnh lòng không động thì cho rằng mình rất hay, Bồ Đề ngày càng vượn lớn. Ngài Huệ Năng thì cho rằng Ngài chẳng có hay, chẳng dứt tư tưởng, đối cảnh lòng vẫn động và Bồ Đề không có vượn lớn”. Có nghĩa là người chẳng biết thế nào là tu hành thì dứt hết tư tưởng, đối cảnh không động, thấy rằng mình tu hành ngày càng cao. Ngược lại, Ngài Huệ Năng không dứt tư tưởng bởi vì Ngài lúc nào cũng Quán Sát, Tư Duy. Nếu dứt tư tưởng làm sao tư duy, để phân rõ đúng, sai, chân giả? Đối cảnh Ngài vẫn động, có nghĩa là thấy người đời còn mê lầm thì Ngài càng tìm cách để giảng giải cho họ thoát được cảnh mê. Có nghĩa là Ngài lúc nào cũng động, là làm công việc nối tiếp con đường “*tát cạn vực nước mắt của chúng sinh đang đau khổ*” của Chư Phật. Và người thật tâm tu hành thì không nhằm vào quả vị, vào cao, thấp, hơn, thua... nên đâu có thấy mình tu ngày càng cao mà cho là Bồ Đề vượn lớn?

Thiền Sư Taisen định nghĩa về GIÁC NGỘ như sau:

** Tọa Thiền chính là giác ngộ. Giác ngộ chỉ là tọa Thiền (44).*

** Giác Ngộ không phải là một trạng huống đặc dị của tâm thức, đó không phải là cái chiếm hữu, nắm bắt. Giác Ngộ là một tâm trạng bình thường vốn có. Khi đã vào thế chỉ quán, chú ý hoàn toàn vào tâm hết vọng niệm thì đó là Giác Ngộ. (tr.77)*

** Nếu liả bỏ thân Tâm, quên đi bản ngã và đặt tất cả vào đại lực của Phật thì lúc đó không cần dụng tâm cũng có thể thoát vòng sinh tử, giác ngộ thành Phật.*

Trước hết ta thấy Thiền Sư đã giải thích sai về Tọa Thiền và Giác Ngộ. Ngài cho rằng; “*Tọa thiền là Giác Ngộ, Giác Ngộ là Tọa Thiền*”, trong khi đó hai từ này nói về hai việc hoàn toàn khác nhau. Tọa Thiền nói về hành động của cái Thân, ngồi xếp bằng trong tư thế kiết già hay bán già. Còn Giác Ngộ là nói về tình trạng dứt hết mê lầm của cái Trí. Có thể nhờ Tọa Thiền, nhiếp niệm tư duy, gọi là

Thiền Quán mà đưa đến kết quả là Giác Ngộ như Đức Thích Ca. Nhưng Tọa thiền dứt khoát không phải là Giác Ngộ. Bởi thực tế đã chứng minh: có biết bao nhiêu người Tọa Thiền, mà được bao nhiêu người Giác Ngộ?

Ngài cho rằng: *“Nếu lìa bỏ thân tâm, quên đi bản ngã và đặt tất cả vào đại lực của Phật thì lúc đó không cần dụng tâm cũng có thể thoát vòng sinh tử, giác ngộ, thành Phật”*. Đó là lời giải thích của người không hiểu ý nghĩa của từ Phật. Nếu Phật là Đức Thích Ca thì Ngài đã nhập diệt mấy ngàn năm rồi, ta biết đại lực Ngài là gì? Ở đâu? làm cách nào đặt tất cả vào đó? Thân tâm này làm sao lìa bỏ? Kinh Phật thì cho là *“hàng phục rồi dùng lại”*, Ngài bảo lìa bỏ, thì lìa cách nào? Trong chính Kinh dạy: VẤN-TƯ-TU, tức là nghe pháp xong rồi phải Tư Duy để hiểu cho rõ, cho chính xác, sau đó mới bắt tay vào hành trì. Đâu có nơi nào dạy đem Tâm của mình đặt vào đại lực của Phật để thành Phật?

Muốn “Đỗ khuôn”, hay gọi là “đúc tượng” Phật, thì Tổ Đạt Ma dạy: *“Người cầu đạo giải thoát phải lấy thân mình làm lò, lấy Pháp làm lửa, lấy Trí Huệ làm tay thợ khéo, lấy Ba Giới tu tịnh, Sáu Ba La Mật làm khuôn phép, nấu chảy và rèn luyện chất chân như Phật tánh ở trong Thân cho thấm nhập khắp tất cả các hình thức giới luật; y lời đó mà vâng làm, mỗi mỗi không hờ hợt, thì tự nhiên thành tựu hình tướng của chân dung”*. Phải đâu chỉ cần NGỒI THIỀN là khỏi cần tu hành? Hơn nữa. Kinh viết, Đức Thích Ca nhờ Ngồi Thiền mà Đắc Đạo, đâu có nói Ngài thành Phật nhờ Ngồi Thiền? Nếu chỉ cần Ngồi Thiền mà Thành Phật, khỏi cần tu hành, thì Kinh còn dạy làm các hạnh: Giới, Định, Huệ, Lục Độ, Bát Chánh Đạo, Tứ Vô Lượng Tâm, Tứ Nhiếp vv... để làm chi?

Thiền Sư Taisen giải thích: *“Giác Ngộ là một tâm trạng bình thường vốn có. Khi đã vào thế chỉ quán, chú ý hoàn toàn vào tâm hết vọng niệm thì đó là Giác Ngộ”*. Giác Ngộ giải thích theo kinh là sự bừng tỉnh khi dứt hết mê lầm. Đó không phải là một tâm trạng bình thường, vì nếu bình thường thì lẽ ra mọi người đều đã giác ngộ, cần chi phải giữ Giới, phải Thiền Định, phải có Trí Huệ? Vào thế Chỉ Quán tức là chỉ mới dừng mọi vọng niệm để quán sát, tư duy. Đó mới chỉ là hành trình để tiến tới Giác Ngộ, chưa thể gọi đó là Giác Ngộ.

Nếu thiền Sư Suzuki ca ngợi *“ngón tay của Câu Chi”* hay việc đưa lên đưa xuống cây phát tử, cho đó là phương tiện *“chỉ thẳng”* của nhiều Thiền Sư, thì Thiền sư Taisen ca tụng Ngồi Thiền. Ông nói: *“Chỉ*

trong mỗi việc đơn giản là ngồi yên cũng đã hàm tàng muôn vàn bí mật". Ông nói : "Tọa Thiền là tĩnh lặng tuyệt đối, tĩnh lặng mọi tư tưởng. Tọa thiền là Vô Niệm. Tọa thiền là thực nghiệm Bồ Đề, Trí Huệ vô thương (tr.57).

Thiền Sư Taisen cũng hiểu lầm nghĩa của Vô Niệm. Lục Tổ dạy: "**VÔ NIỆM là trong khi niệm lòng không động niệm**". Và "**Chư Thiện Tri Thức. Đối với các cảnh mà tâm chẳng nhiễm gọi là Vô Niệm. Trong các niệm tưởng của mình, Tâm thường liả cảnh, chẳng vì đối cảnh mà sanh tâm. Bằng đối với trăm việc tâm chẳng nghĩ đến, các niệm tưởng đều bỏ hết, và nếu một niệm dứt tuyệt thì chết liền và phải chịu đầu sanh chỗ khác. Ấy là một điều lắm to, người học đạo khá suy nghĩ lấy đó**". Như vậy ta thấy lời Tổ hoàn toàn khác với lời hướng dẫn của Thiền Sư Taisen.

Đối với Thiền Tào Động, "*thực hành Tọa Thiền là giác ngộ*" (tr.73).

Thiền Sư Taisen đã vật chất hóa cái Giác Ngộ và cho rằng vị trí nó là ở Trung Não. Ngài cho rằng: "*chỉ cần Tọa Thiền, chất xám êm lắng xuống và trùng vào mới có thể vận hành, cho phép đạt đến trí huệ vô hạn...*" Trí huệ thuộc về tư tưởng, đâu thể có vị trí hay màu xám như Ngài diễn tả ? Ngài cũng không biết rằng trí huệ do Tư Duy mà có, chẳng phải do tư thế Ngồi Thiền. Bằng chứng là Lục Tổ, đâu có Ngồi Thiền ngày nào mà Trí Huệ vẫn sáng suốt nên được truyền Y Bát.

Thiền Sư Taisen cho rằng: "*Hiệu quả của Tọa Thiền đặt căn bản trên sự đứng đắn của tư thế. Tư thế sai lệch có thể nguy hiểm hoặc ít ra cũng vô hiệu*".

Nơi trang 66 thì Thiền Sư Taisen giải thích: "*Tọa Thiền là thực hành việc trầm tư chiêm nghiệm trong tư thế ngồi. Chính nhờ trầm tư trong tư thế tĩnh tọa mà đức Thích Ca đã chứng ngộ*".

Chính Ngài đã viết: "*chính nhờ trầm tư trong tư thế tĩnh tọa mà Đức Thích Ca đã giác ngộ*". Nhưng khi hướng dẫn Thiền thì lại dạy: "*Tư thế cho đứng đắn, Ngồi để tâm trống không, không suy nghĩ gì hết*". Rõ ràng Ngài đã không làm giống như Đức Thích Ca đã làm, là trầm tư trong tư thế tĩnh tọa như chính câu Kinh Ngài đã trích. Chứng tỏ Ngài đã mâu thuẫn với chính lời mình nói. Và chỉ Tĩnh tọa mà thiếu trầm tư thì làm sao giác ngộ?

THIÊN ĐỊNH được Kinh VIÊN GIÁC giải thích: “THIÊN ĐỊNH LÀ CHỈ QUÁN, VÀ CHỈ QUÁN SONG TU”. Ngồi yên lặng mới là CHỈ. Thiếu QUÁN. Do đó chưa thực hành đúng cách của THIÊN ĐỊNH.

Con đường Thành Phật theo chính Kinh dạy là phải “Thấy chúng sinh”, rồi phải “Điều Phục Chúng Sinh”. Phải “Độ tận chúng sinh” thì mới thành Phật. Cách hành Thiền của Thiền Sư Taisen lại bảo “Tư thế Ngồi tự nhiên là con đường đưa đến thành Phật”. Thậm chí nơi trang 115 Ngài còn dạy là: *“Trong tọa Thiền, trong khi ăn, trong lúc ngủ. nếu chuyên tâm thì nghiệp chướng có thể tiêu trừ, có thể thành Phật...”* là hoàn toàn không đúng với chính Kinh. Đã gọi là tu TỨC LÀ PHẢI SỬA. Trước đó phải biết tại sao cần SỬA. SỬA ở đâu? Sau đó bắt tay vào thực hành, thì mới gọi là Tu hành. Thiền Sư chưa biết THIÊN chỉ có công dụng là sinh Trí Huệ, tức là để mở ra cái Trí hiểu biết, vì thế Ngài cũng không biết cả việc phải TU như thế nào, chỉ một mực đề cao THIÊN, cho đó là tất cả!

Đạo Phật được gọi là Đạo để ĐỘ KHỔ hay là để “Trừ Phiền Não”. Muốn “trừ Phiền Não” thì phải biết nó ở đâu? Vì thế mà cần THIÊN ĐỊNH là để tập trung cả Thân lẫn Tâm để tư duy. Trong khi đó, Phái Tào Động dạy “cứ Ngồi, tâm để trống không, không suy nghĩ điều gì”. Chỉ Ngồi suông, thì xả Thiền có hiểu biết được gì thêm?

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh Lục Tổ dạy: *“Chư Thiện Tri Thức. Đạo phải là thông lưu, sao lại làm cho nó ngưng trệ? Tâm không trụ pháp thì Đạo thông lưu. Còn tâm trụ pháp ấy là mình trói lấy mình. Bằng nói rằng thường ngồi chẳng động thì cũng như Xá Lợi Phất ngồi im lặng trong rừng mà bị Duy Ma Cật quở vậy”*.

Dù các phái Thiền đều là đệ tử truyền đời của LỤC TỔ HUỆ NẴNG, nhưng cách hiểu, cách hành về Thiền đã khác hẳn với những gì Ngài truyền dạy được ghi lại trong PHÁP BẢO ĐÀN KINH. Theo Kinh Lăng Nghiêm, tu hành quyết định phải đủ 3 điều: *Thứ nhất, Dùng Giới Luật nhiếp phục tự tâm. Thứ 2, Nhơn Giới Tâm mới sinh Định. Thứ 3, Nhân Định, Tâm Phát Huệ*. thì Với Thiền Sư Taisen thì *“chỉ cần Ngồi Thiền”*. Nhưng Ngồi Thiền của phái Tào Động do Ngài hướng dẫn cũng không giống như bên Phật Đạo. Do đó, không thể tự xưng rằng Phái Thiền của mình là CHÂN THIÊN được.

Trong Pháp bảo Đàn Kinh, Lục Tổ dạy: *“Nếu chẳng biết cái ý chỉ của pháp, tự mình lầm con khá, sợ e lại khuyên dạy người khác”*. Nhưng hình như các Thiền Sư không hề đọc chính Kinh, cũng không đọc tích “Con chồn Hoang” của Bách Trượng, nói về một giảng sư chỉ hạ

sai một chuyển ngữ mà phải đọa làm chôn 500 kiếp. Do đó các Ngài không hề biết gì để sợ.

Phật dạy: *“Ly Kinh nhất tự đồng ma thuyết”*, nhưng đa phần sách của các Thiền Sư viết thì chẳng có chút gì liên quan tới chính Kinh, thậm chí như Ngài Suzuki còn đề nghị “tước bỏ” Kinh đi! Vì thế, những người muốn tu học thời nay cần rất thận trọng, bởi nếu không đọc Chính Kinh làm sao ta biết được rằng việc Truyền Y bát đã kết thúc từ thời Lục Tổ Huệ Năng? Thiếu hiểu biết về lịch sử của Đạo cho nên thấy Thiền Sư Taisen là người của dòng Tào Động, xuất phát từ gốc của đệ tử Lục Tổ thì cho đó là dòng Chánh Pháp, cứ theo đó mà tin. Có mở Kinh ra để kiểm chứng thì ta mới biết Thiền Sư Taisen đã nói ngược lại với những gì chư Tổ dạy.

Đa phần chúng ta vào Đạo do Tin người đi trước. Nói về niềm tin thì Đức Phật có dặn dò: *“Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy ta đã nghe thấy có người nói một lần rồi. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy đã được truyền lại từ xưa. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy được truyền từ phương xa tới. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy được viết ra từ trong Kinh sách. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì chính ta suy diễn và nói ra như thế. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy hợp với thành kiến của ta. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì tính cách có thể chấp nhận của các điều ấy. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì sự kính trọng của ta đối với người đã nói ra điều ấy.*

Nhưng tự các con, các con đã hiểu rõ ràng có một điều gì đó đúng với đạo lý, không bị chê trách, được các bậc thiện tri thức thiện tâm tán đồng và có thể mang lại hạnh phúc an vui. Các con phải thực hành điều đó”. Phật đã dặn dò kỹ như thế, nhưng nếu ta không đọc Chính Kinh làm sao biết để thực hành theo?

Trong Đạo Phật, người Thầy rất là quan trọng. Dù ta có thành tâm đến mấy, nhưng quả vị của ta sẽ tùy thuộc vào trình độ của người hướng dẫn. Kinh VIÊN GIÁC dạy: *“Này Thiện Nam! Có loại chúng sanh có thể chứng được VIÊN GIÁC. Song, nếu chúng gặp Thiện Tri Thức là Thịnh Văn hóa độ, thì chúng thành Tiểu Thừa. Còn gặp Thiện Tri Thức, là Bồ Tát hóa độ thì chúng thành Đại Thừa. Nếu gặp Như Lai dạy tu đạo Vô Thượng Bồ Đề, thì chúng thành Phật Thừa”*. Đó là nếu may mắn gặp những người Thầy chân chính. Dù họ chưa tu hành đến nơi đến chốn cũng không đến nỗi làm hư mất tâm Bồ Đề của người học. Nguy hiểm hơn hết là gặp phải tà sư: *“Có những chúng sanh đi tìm Thiện Tri thức chỉ dạy đường lối tu hành, nhưng*

lại gặp ngoại đạo tà sư dạy bảo nên chúng nó sanh ra tà kiến, hiểu ngộ không chơn chánh. Đây không phải là lỗi tại chúng sanh đó, mà lỗi tại tà sư".(V.G.)

Dù là lỗi tại tà sư, nhưng người lãnh hậu quả, chịu thiệt thòi lại là người nghe pháp! Nhưng người mới phát tâm tu hành làm sao phân biệt ai là tà sư, ai mới là người giảng dạy đúng chánh pháp, vì pháp sư nào xem ra cũng tu lâu năm, giảng pháp thao thao, uy tín lừng lẫy, được đông đảo người tin nhận? May quá, cũng không phải là hết cách, bởi thời này Kinh sách đã được các vị tu hành đi trước dịch ra tiếng Việt, tái bản liên tục, không sợ thiếu... Lời Phật từ cách đây mấy ngàn năm vẫn còn nguyên giá trị, tại sao ta không mở ra để tự đọc, tự hiểu? Có người cho rằng không nên đọc Kinh, vì "*Kinh cao lắm, để các vị tu hành đọc, ta cứ sống thiện, ăn hiền ở lành là được rồi!*" Họ không biết Phật dạy: "*Giác Ngộ không cần tuần tự. Ly huyền không cần phương tiện*". Tức là không cần phải lần lượt theo thứ tự, từ thấp lên cao, mà mọi người đều có thể dùng phương tiện "Đốn Giáo" của Đạo Phật là "Trực chỉ Chân tâm" rồi tu ở đó. Tổ Đạt Ma đã dạy: "**TỨC TÂM TỨC PHẬT**", "**MUỐN TÌM PHẬT THÀ TÌM TÂM**". Như vậy tại sao cứ loanh quanh làm những việc khác, tìm thứ chi khác, cho phí thời giờ vốn hữu hạn của chúng ta ?

Không có Kinh cao, thấp, chỉ có Kinh liễu nghĩa và Kinh Bất liễu nghĩa đòi hỏi người đọc phải có một trình độ tu hành nhất định. Phật đã dặn dò: "*Y Kinh liễu Nghĩa, bất Y Kinh vị liễu nghĩa*", vậy tại sao ta không chọn Kinh liễu nghĩa mà đọc rồi thực hành theo đó? Và phải chăng, thà tự mình đọc, rồi hiểu nhầm, tu nhầm rồi tự chịu hậu quả lấy, còn hơn là để người khác đọc Kinh rồi giảng lại cho nghe, để rồi đôi khi họ cũng chỉ Y theo văn tự mà giải nghĩa, rơi đúng vào lời cảnh báo là: "*Y Kinh giải nghĩa tam thế Phật oan*"?! Hoặc họ cũng chẳng cần đọc Kinh, tự sáng tác ra đường lối tu hành nào đó, thầy trò xưng tán nhau, rồi cứ thế truyền lần xuống, như trường hợp giảng dạy của các Thiền Sư vừa trích ở các phần trước, thì ta nghĩ sao? Bỏ bao nhiêu thì giờ, công sức để tu hành mà kết quả lại trở thành "báng Phật, nhạo Pháp"! Đời người lại qua mau. khi biết được thì đã muộn. Lúc đó ai sẽ đền cho ta?

CHƯƠNG III

Về Quyền

CỘI NGUỒN TRUYỀN THỪA và TUYỆT ĐỐI LUẬN CỦA THIỀN SƯ NGUYỆT KHÊ

Mở đầu, ta thấy Thiền Sư Nguyệt Khê định nghĩa về Thiền cũng như giải thích nguồn gốc Thiền đã có từ trước Đức Thích Ca, do một người tên là Phất Đương La sáng lập.

Sau khi phân tích về sự khác nhau của các môn Thiền, Ngài cho rằng “Bất Lập Văn Tự Thiền” là của Tối Thượng Thừa, gọi là “Giáo Ngoại Biệt truyền” do Đức Thích Ca đích thân truyền cho Ngài Ma Ha Ca Diếp, sau đó Bồ Đề Đạt Ma mang vào Trung Quốc. Phái Thiền này chỉ chú trọng phương pháp thực hành, chẳng lập văn tự lý luận nên gọi là Thiền Tông, khác hẳn với các phái Thiền kia.

Tuy nhiên, có một nghi vấn lớn mà những người Tu Thiền từ thời đó đến nay, do nghe quá nhiều lời ca tụng về Pháp Môn Tu Thiền nên mãi ngưỡng mộ mà không thắc mắc: Nếu từ Tổ đầu tiên là Ma Ha Ca Diếp đã có “Đốn Ngộ”, thì tại sao mãi cho đến khi Thiền được truyền sang Trung Quốc - chính xác là từ các Đệ Tử nhiều đời sau của Lục Tổ - mới nảy sinh ra pháp môn Thiền Tông? Chẳng lẽ bao nhiêu đời Tổ, kể cả Đức Thích Ca cũng không thấy được giá trị siêu việt của môn Thiền, phải đợi đến du nhập vào Trung Hoa thì người Trung Hoa mới khám phá ra? Đọc lịch sử phát triển Đạo Phật, ta thấy từ thời Tổ Đạt Ma, kể cả Lục Tổ Huệ Năng, không có Tổ nào dạy riêng môn Tu Thiền, mà Thiền lúc nào cũng phải đi kèm với 5 Độ còn lại cho đủ Lục Độ. Qua đó, ta thấy phải chăng việc cố ý mượn sự tích Đức Thích Ca đưa cảnh Sen lên trước chúng, Ngài Ma Ha Ca Diếp mỉm cười rồi được truyền Y Bát, gọi đó là “Đốn Ngộ” rồi gán ghép, cho đó là tông chỉ của Thiền Tông, hẳn không ngoài dụng ý tự đề cao pháp môn, trong khi sự thật là nụ cười của Ngài Ca Diếp và lối hướng dẫn của Thiền Tông chẳng liên quan gì đến nhau.

Thật vậy, Ngài Ma Ha Ca Diếp phải đâu mới gặp Phật vài tháng, hay hôm trước hôm sau mà nhìn thấy cảnh hoa và mỉm cười mà được trao Y Bát? Cái cười đó nói lên sự hiểu biết, thâm nhập Phật Pháp của cả một quá trình theo hầu Đức Thích Ca từ khi Ngài mới bắt đầu ra giảng đạo, đến lúc gần nhập diệt thì mới được giao Y Bát, để thống lãnh đồ chúng và người sau muốn nương Giáo Pháp của Phật, thì nhận ra người kế thừa để theo đó mà tu học, vì thuở đó người giảng đạo cũng đã tràn lan. Trong khi đó, người đến tham vấn Thiền chẳng hiểu gì về Thiền, nhưng chưa kịp hỏi gì thì đã bị đánh, bị hét,

vậy thì “Đốn Ngộ” ở chỗ nào? Đâu thấy kể lại có ai bị đập mà lập tức “Ngộ”? Vị Thầy có nói câu nào? có giải thích thế nào là Ngộ cho Thiền sinh đâu? Như vậy họ hiểu gì rồi thời gian sau đó bỗng “*hoát nhiên đại ngộ*”? Cái Ngộ đó có giống như của Đạo Phật hay không? Vì Thiền Tông chỉ được phát triển sau khi Lục Tổ tịch diệt hàng 100 năm. Lúc đó Y Bát đã mất dấu từ lâu, thì liệu Chánh Pháp có bị “tam sao thất bản”? Vì có văn tự, Y Bát đâu để nối truyền hầu kiểm chứng?

Theo Thiền Sư Nguyệt Khê, có thể căn cứ vào Pháp Thiền để phân biệt cao thấp. Ngài cho rằng “*Tiểu Thừa dứt Lục Căn, phá Ngã Chấp, lọt vào Pháp Chấp. Trung Thừa phá Pháp Chấp lọt vào Không Chấp, Đại Bồ Tát phá Không Chấp (vô thi vô minh) rồi đạt đến cảnh giới tuyệt đối của thật tướng. Phương pháp của Thiền Tông là chẳng nhờ tất cả kinh nghiệm lý luận để đạt đến mà chỉ là một phương pháp trực tiếp chứng nhập gọi là “Đốn Ngộ Thành Phật” (tr. 17).*

Điều này Ngài đã diễn giải không đúng vì các điểm sau đây:

1/- Kinh viết: Nghĩa của Bồ Tát là Bồ Đề Tát Đỏa tức là nói về vị “*đã giác ngộ còn giác ngộ cho chúng sanh*”. Do vậy, Công việc của Bồ tát là “Độ Sinh”, như lời nguyện của Địa Tạng Vương Bồ Tát: “*Ngày nào còn một chúng sinh chưa được độ, con thể chưa ngồi vào ngôi Vô Thượng Chánh Giác*”. Qua đó, ta có thể hiểu: Bồ Tát thành Phật là nhờ “Độ Sinh”, không phải do “Trừ KHÔNG CHẤP”. Chính Hàng Thịnh Văn bị Phật quở trách là vì CHẤP KHÔNG. Người chấp Không thì “trên không thấy có Phật, dưới không thấy có Chúng Sinh. Thịnh Văn sau khi chuyển qua thành Bồ Tát thì con phải thấy Chúng Sinh rồi làm công việc “Độ Sinh”, đâu phải chỉ cần phá Không Chấp là “trực tiếp chứng nhập” và “đạt cảnh giới tuyệt đối của thật tướng” như Ngài luận!

2/- Trong Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất, Tổ Đạt Ma dạy:

“*Phàm vào đạo có nhiều đường, nhưng nói cho cùng thì không ngoài hai đường này: Một là LÝ NHẬP. Hai là HẠNH NHẬP.*

“*LÝ NHẬP là mượn “giáo” để ngộ vào “Tông”*

Tức là cái LÝ rất cần. Người tu phải nắm vững Nghĩa, Lý trước khi bắt tay vào hành trì. Lý là bản phát thảo về những gì cần hiểu, cần hành, sau khi đã gạt bỏ những cái sai. Hành là áp dụng cái Lý vào cuộc sống. Trong Kinh Phật có chê trách hàng THINH VĂN tức là những người tu mà mới NGHE là đã theo đó mà làm, chẳng cần

phân biệt đó là phương tiện hay sự thật. Trong Kinh, Phật nhiều lần ca ngợi Phương. Vì thế, trong TỨ Y, Ngài đã phải dặn dò: “Y NGHĨA BẤT Y NGŨ”. nhắc chúng ta Y THEO NGHĨA LÝ MÀ LÀM, đừng y theo CHỮ. THIỀN TÔNG lại bảo chẳng nhờ kinh nghiệm lý luận thì các Ngài chưa kịp phân biệt thì đã biết đâu là đúng hay sai đã vội dùng phương pháp trực tiếp chứng nhập”? Nghe nói Phương Pháp trực tiếp chứng nhập ai mà chẳng thích, vì cuộc sống qua mau, biết được phương pháp nào đã đúng lại ngần, gợn để thực hành theo thì còn gì bằng! Tiếc thay, phương tiện đó lại chỉ là “ngón tay”, là “phất tử” đưa lên đưa xuống!

3/- Cái KHÔNG là nói về Quả vị cuối cùng của A LA HÁN, là thuộc về quả vị của Thịnh Văn, không phải là của Bồ tát.

4/- Trong các giai đoạn tu hành thì Ngộ là giai đoạn thứ 3 (Khai, Thị, Ngộ, Nhập). Sau khi Ngộ còn phải Nhập thì mới gọi là Thành Phật. Ngộ mới chỉ là Cái Thấy, cái Biết. Sau cái Thấy, Biết là cái thực hành để thực sống với cái Thấy, cái Biết đó mới gọi là Nhập. Ta có thể dùng một thí dụ nôm na là: Ngộ như là người đang khát biết rằng mình cần phải uống nước, và Nhập nói về tình trạng đã hết khát. Hai từ không thể chỉ là một. Do đó, “Đốn Ngộ” không thể “Thành Phật” được.

Người được họ tôn xưng là Tổ Sư Thiền Tông thì dạy như thế, nhưng Thiền Sư Nguyệt Khê lại cho là Thiền Tông “chẳng nhờ tất cả kinh nghiệm lý luận để đạt đến, chỉ là một phương pháp trực tiếp chứng nhập”. Họ từ đâu xuất hiện để khẳng định như thế? Nếu vẫn nhận Tổ Đạt Ma là Tổ Sư thì chẳng phải là họ tự phế bỏ lời dạy của Tổ hay sao?

Nơi trang 19, Ngài cho rằng “*Phật Thích Ca Mâu Ni phát minh được Thiền Bát Nhã và dùng nó để phá tan hầm sâu vô minh, triệt để chứng ngộ vào Vô Dư Niết Bàn, nên gọi là Kiến Tánh Thành Phật*”. *Phật Thích Ca đặt tên pháp Thiền này gọi là Pháp Bản Trụ, chẳng do tạo tác mà có, và phủ nhận chẳng do tự mình phát minh*”.

Ngài cho rằng “*Pháp Thiền ra đời là do nhu cầu tự nhiên của loài người, trước khi chưa có loài người Phật Tánh đã sẵn sàng và Pháp Thiền cũng đã là bản trụ. Bao nhiêu Cổ Phật trước đời Phật Thích Ca đều nương theo đường này mà đạt đến chỗ chơn như rốt ráo, vô lượng Chư Phật – sau đời Phật Thích Ca cũng sẽ nương theo đường này để đạt đến giác ngộ cuối cùng. Ngoài pháp này ra chẳng có pháp nào khác, nên đường lối dù sẵn có, nếu chẳng có Phật Thích*

Ca chỉ thị thì chúng sanh ắt phải quanh quẩn trong ngã rẻ mà quên việc trở về nhà". Trong khi đó, một đoạn của BÁT NHÃ TÂM KINH - được gọi là cốt tủy của giáo pháp Phật - viết: Tam Thế chư Phật Y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc Tam Miệu Tam Bồ Đề", tức là Ba đời chư Phật (Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai) đều nương Trí Bát Nhã mà đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác, đâu có chữ nào nói nhờ nương pháp Thiền? Đã đành thiếu Thiền Định thì không thể có Trí Huệ, nhưng Thiền Định chỉ là phương tiện để sinh Trí Huệ. Trí Huệ cũng mới chỉ là ngọn đuốc soi đường để hành giả tiếp tục hành trì trên con đường tu tập, đâu thể đốt giai đoạn, chỉ cần Thiền Định là có thể Thành Phật ngay? Kinh dạy con đường tu hành, thành Phật là: "Muôn người đi mà ít người đến được", do thiếu kiên nhẫn, vì việc tu hành đòi hỏi phải lâu ngày cần khổ. Nếu Thiền Tông có thể bằng phương tiện trực tiếp chứng nhập gọi là "Đốn Ngộ Thành Phật", và nếu phương pháp này hữu hiệu, thì chỉ riêng Ngài Nguyệt Khê, theo tài liệu ghi lại là thì số người theo học với Ngài có hơn 500.000 người, hẳn nay ta đã phải có 500.000 vị Phật? Nếu không phải như thế thì liệu những gì chư Thiền Sư khẳng định được bao nhiêu phần trăm đúng với thực tế?

Riêng về THIỀN ĐỊNH, Kinh Viên Giác giải thích rõ ràng như sau:

THIỀN ĐỊNH là "CHỈ", "QUÁN

Và CHỈ, QUÁN SONG TU"

Phải Quán cái gì? Quán như thế nào? Trước đó phải làm gì? thì ta thấy Kinh VIÊN GIÁC chỉ rõ:

I.- QUÁN THÂN NÀY NHƯ HUYỄN

II.- QUÁN TÂM NHƯ HUYỄN

PHẬT có nghĩa là GIẢI THOÁT. Giải Thoát khỏi Phiền Não, Sinh Tử đã, đang và tiếp tục hoành hành trên THÂN, TÂM con người. Trên con đường tu tập thì phải nhờ vào phương tiện THIỀN ĐỊNH để tập trung cả Thân và Tâm mà tư duy, tìm cho ra cách thức để tháo gỡ những vướng mắc làm cho phải Phiền Não. Người tu phải Giới Hạnh đầy đủ, từ lúc bắt đầu ý thức cuộc đời là KHỔ cho tới lúc nương pháp môn của Đạo đều có trình tự. Chính Thiền Sư Nguyệt Khê, nơi trang 25 đã viết "*Trước khi Tổ Đạt Ma đến, Thiền pháp Trung Quốc phần nhiều thuộc Trung, tiểu, Nhị Thừa. Kẻ nghiên cứu giáo tướng về lối tu ngày càng phức tạp và chi ly, học giả ít được chứng ngộ. Khi Tổ Đạt Ma đến, chuyên truyền pháp môn Tâm Địa của Như Lai, pháp ấy giản dị*

trực tiếp, thấu thoát ra ngoài cương yếu của giáo môn, chỉ thẳng Tâm người, thấy Tánh, thành Phật”.

Rõ ràng, Ngài viết rằng Tổ Đạt Ma đã: “Truyền pháp môn Tâm Địa của Như Lai. Chỉ thẳng Tâm người, thấy Tánh, Thành Phật”. Đó chẳng phải là Đốn giáo hay sao? Như vậy, Ngài nghĩ sao khi Thiền Tông tự xưng Tổ Đạt Ma là Sơ Tổ của mình lại không “*truyền Pháp Môn Tâm Địa của Như Lai. Chỉ thẳng Tâm người, Thấy tánh Thành Phật*” giống như vậy, mà chỉ cho quán Công Án? Công Án này có thể là câu: “Ai niệm Nam Mô A Di Đà Phật”, “chữ Vô”. Đâu có công Án nào chỉ cái Tâm, cái Tánh? Hoặc như Ngài Nguyệt Khê hướng dẫn, là “phá hằm sâu vô minh” một cách chung chung. Ngài nói là ở trên tầng trời thứ 28. Làm sao đi đến đó? Phá cách nào? Chẳng lẽ chỉ cần nghe người khác nói là “hằm sâu Vô Minh”, rồi tập trung nhìn vào nó - mà Ngài cũng đâu có nói nó ở đâu để nhìn cho đúng hướng? Chẳng lẽ nhìn đâu cũng gặp nó? Và chỉ cần nhìn, là tự nó sụp đổ tan tành, rồi chỉ cần “ồ” lên một tiếng là Thành Phật?! Cả 33 vị Tổ, ta có thấy vị nào Ồ lên đâu?!

Từ xưa đến nay, người tu Phật, kể cả Thiền Tông, đều Muốn tìm cái TÁNH. Nhưng nhiều người đã chê Kinh, không đọc, nên không biết Tánh là gì? Ở đâu? Muốn tìm nó phải làm gì? Vì thế nên có kẻ kêu Ngồi Thiền, người bảo Tham Công Án. Nhưng nếu ta có đọc Kinh thì sẽ thấy thì vị trí của PHẬT TÁNH đã được Lục Tổ chỉ rất rõ: “*Chúng người hãy chú tâm mà nghe cho rõ. Những người mê muội đời sau nếu biết Cái Tâm Chúng Sanh tức là Thấy đặng Phật tánh. Bằng chẳng biết Cái tâm Chúng Sanh thì muôn kiếp tìm Phật khó đặng. Nay ta dạy các người phải biết Chúng Sanh ở Tâm mình thì thấy Phật Tánh ở Tâm mình. Muốn cầu thấy Phật thì phải biết Cái Tâm Chúng Sanh*”. Như thế thì đủ hiểu: Các Thiền Sư có ai nói về Cái Tâm đâu mà đòi dạy người khác Thấy Phật Tánh, hoặc “thẳng đến quả Phật”?

Các Thiền Sư chưa hề giải thích: Thế nào là Phật? Phải làm thế nào để Thành Phật? Trong khi Kinh Lăng Nghiêm dạy rất rõ ràng: “Các ông tu đạo Bồ Đề nếu không xét rõ gốc rễ của Phiền Não thì đối với căn trần và cái Tâm hư vọng này không thể biết được cái “điên đảo” ở chỗ nào. Cái chỗ ở còn không biết, thì làm sao hàng phục được giặc phiền não để chứng Quả Phật”. Quả Phật, như lời Kinh dạy, muốn đạt đến “*phải hàng phục được giặc phiền não*”. Thiền Sư

Nguyệt Khê chẳng nói gì tới thiền nào, mà cho là: chỉ cần tập trung nhìn Vô Minh là sẽ Thấy Tánh. Như vậy phải chăng là Vọng ngôn?

Nơi trang 26 Thiền Sư Nguyệt Khê viết: *“Thiền Tông khi ngộ đạo chẳng nhờ tu tập, nếu còn tu thì chẳng phải triệt ngộ”*

Việc “Ngộ Đạo” chỉ có nghĩa là hành giả thấy được con đường, tức là thấy những việc cần hiểu, cần hành để đi đến Giải Thoát, rồi sau đó phải đi (Hành) cho đến khi đạt được tình trạng Giải Thoát, vì mục đích của Đạo Phật là Giải Thoát. Nếu chỉ thấy mà không Làm (Hành) thì làm sao đến nơi? Chính vì vậy mà cần có giai đoạn gọi là TU TẬP để chuyển từ CÁI THẤY, CÁI CHỨNG sang CÁI NHẬP. Vì thế, Thiền Tông phủ nhận tu tập thì rõ ràng họ đã tưởng tượng sự chứng đắc, Thành Phật. Bởi vì từ chúng sinh Mê lầm, muốn phá mê cho nó phải nhờ TRÍ HUỆ. Nhưng muốn cho nó trở lại tình trạng thanh tịnh buổi đầu thì sau đó phải bằng hành động cụ thể. Phải đâu vừa thấy mặt mình bị dính dơ, không cần rửa mà nó tự sạch? Điều đó đối với thế gian không hợp lý mà cũng hoàn toàn khác với Đạo Phật chân chính.

Đạo Phật luôn đề cập đến từ TU TÂM tức là SỬA cái TÂM, bởi theo Đạo Phật, Thánh, Phàm, Mê, Ngộ... đều ở đó. Tu Phật là CHUYỂN CÁI TÂM từ tình trạng MÊ LẦM trở thành HẾT MÊ hay là GIÁC NGỘ. Như thế, người muốn tu theo Đạo Phật bắt buộc phải biết Cái TÂM MÊ đó là mê cái gì? Mê như thế nào? Ngộ là Ngộ làm sao? Làm gì để chuyển Mê thành NGỘ? Phải đâu chẳng cần hiểu gì về MÊ, NGỘ, PHÀM, THÁNH... mà có thể “thẳng chứng quả Phật”. Nếu thế, Đức Thích Ca còn đặt ra Lục Độ, Vạn Hạnh, Bát Chánh Đạo, Giới, Định, Huệ để làm gì? Chẳng lẽ người khai đạo lại không sáng suốt bằng những Thiền Sư đời cháu chắt cách xa Ngài hơn ngàn năm?

Nói về gia phong Tông Chỉ của các pháp THIỀN ta thấy Thiền Sư Nguyệt Khê viết:

- Dùng “Gậy”, bắt đầu từ Lục Tổ đánh Thần Hội.
- “Hét” bắt đầu từ Mã Tổ tiếp Bách Trượng.
- Mã Tổ dựng phát trần, quăng phát trần
- Bí Ma giơ chìa
- Hòa Sơn đánh trống
- Thạch Củng giương cung
- Tuyết Phong đá cầu

- La Hán vẽ chữ
- Đại Tỳ hãm khoai
- Đức Sơn vào cửa liễn đập
- Lâm Tế vào cửa liễn hét "Là cái gì"?
- Bá Trượng "Chớ vọng tưởng"
- Vô Nghiệp, Triệu Châu: uống trà
- Vân Môn: Ăn bánh

So với chính Kinh ta thấy những cách hướng dẫn này chẳng hề liên quan gì đến Đạo Phật. Nhưng Thiền Sư Nguyệt Khê lại so sánh những lối tiếp cơ như thế là tương ứng với "Nụ cười" của Ngài Ca Diếp thì quả là hết sức gượng ép. Ngài Ca Diếp nở nụ cười, vì hiểu được ý nghĩa của Cành Hoa Sen mà Phật muốn nói với đại chúng: *Loài Hoa Sen, sống trong bùn mà vẫn nở hoa thanh khiết. Giống như Người tu Phật, nhờ vào công năng tu tập theo Đạo mà sống giữa phiền não không bị phiền não làm ô nhiễm*". Chẳng phải là Quả Vị, chẳng phải Tây Phương, Đông Phương với vàng bạc, trân châu, mã não... là phương tiện mà Phật đặt ra để dẫn dắt chúng sinh buổi đầu. Thì Nụ Cười đó là "Đốn Giáo" chỗ nào? Còn các Thiền Sư: đánh, hét, quăng phát tử, đá cầu, giương cung... nói lên được điều gì cho những người chưa biết gì về đường tu đến tham vấn? Nụ Cười và những lối hướng dẫn đó liên quan gì đến nhau, mà gán ghép, cho là "giáo ngoại biệt truyền", "Đốn Giáo" như nhau?

Trong CHƯƠNG HAI, Thiền Sư Nguyệt Khê nói về YẾU CHỈ THIỀN TÔNG

Thiền Sư Nguyệt Khê không cực đoan như Thiền Sư Suzuki là bài bác văn tự. Ngài chép lại lời Phật dạy trong Kinh Lăng Già: *"Dù ngôn thuyết là vọng tưởng của chúng sanh, nhưng cũng chẳng thể phế bỏ ngôn thuyết, nếu chẳng thuyết tất cả pháp, thì giáo pháp sẽ bị hoại. Nếu giáo pháp hoại thì chẳng còn Chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, vậy ai thuyết cho ai? Đại Huệ! Đại Bồ Tát chớ nên chấp trước ngôn thuyết, chỉ dùng phương tiện tùy nghi rộng thuyết kinh pháp, vì phiền não và hy vọng của chúng sanh chẳng đồng, nên Chư Phật vì sự hiểu biết mỗi mỗi khác nhau của chúng sanh mà thuyết pháp khiến là Tâm (Thức thứ Tám), Ý (Thức thứ Bảy), và Ý THỨC (Thức thứ Sáu), vì TÂM, Ý, Ý THỨC chẳng thể đạt đến chỗ tự giác Thánh Trí vậy".*(tr. 56)

Ngài cũng trích lời Tổ Sư Đình Uyển: “*Chư Tổ truyền Pháp, ban sơ tu hành gồm tam tạng giáo thừa, sau Tổ Đạt Ma chuyên truyền Tâm Ấn, phá chấp giáo để hiển Tông, gọi là giáo ngoại biệt truyền, chẳng lập văn tự. Nhưng đối với sự chẳng lập văn tự người hiểu lầm rất nhiều, thường cho là bỏ cả văn tự, lấy im lặng, tĩnh tọa làm Thiền, ấy thật là con dê cậm của Thiền Môn. Vả lại, muôn pháp lăng xăng, đâu chỉ là văn tự chẳng lập thôi? Họ chẳng biết đạo tức là phải thông, sao lại cố chấp một gốc!*”(tr. 62)

Trích lời Tổ là như vậy, nhưng đến phần Luận của Ngài ta lại thấy: “*Tam tạng, 12 Bộ Kinh là do Phật Thích Ca giả lập, cũng do Phật phủ định: Giả lập là vì độ chúng sanh, phủ định là vì khỏi làm hại cho chúng sanh. Nếu giả lập mà chẳng thể phủ định thì chẳng phải là Phật; nếu phủ định mà chẳng thể giả lập cũng chẳng phải là Phật. Vì hay giả lập cũng hay phủ định cho nên Phật Pháp mới được viên dung vô ngại, thuần túy trọn vẹn mà chẳng có chỗ khuyết điểm.*”

“*Phật từng thuyết “Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã” rồi ngay đó phủ định liền; Phật từng thuyết “Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên” rồi cũng ngay đó phủ định liền” Phật từng thuyết “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác” rồi cũng ngay đó phủ định liền, nói giả, chẳng thật, bất khả đắc. Phật thuyết pháp như thế mới chẳng bị kẹt nơi danh tướng, dẫn dắt vào nơi tuyệt đối mà chẳng có gì cả. Hoặc có người muốn dựa theo kinh điển pháp môn để vấn nạn Phật, mà chẳng biết những kinh điển, những pháp môn đó Phật đã mỗi mỗi tự phủ định rồi! Phật vừa nói liền phá, cho đến chẳng lưu lại một chữ, chẳng còn dấu tích gì thì đâu còn gì để cho họ chỉ trích ư? Nên người vấn nạn Phật muốn báng Phật cũng như dùng nắm tay đánh hư không như ngược mặt phun nước miếng lên trời, mong chẳng tự làm nơ cho Minh cũng chẳng được. Được hiểu như thế rồi mới có thể học Phật tham thiền!”*

Lý luận hoàn toàn sai. Không phải là Phật nói rằng có quả vị, có chứng đắc rồi bảo là không có chứng đắc. Nói rồi phủ định tất cả. Nhưng bởi vì người đời vẫn quen ôm giữ. Ở thế gian thì tham luyến tiền bạc, danh vọng, của cải. Khi vào tu hành thì tham công đức nhiều ít, Quả vị thấp, cao. Chính vì vậy, Phật dạy tu hành là phải tìm công đức Vô Vi. Công đức này do Xả Chấp mà được. Do vậy nên phải tu, phải hành, phải chứng đắc, rồi mới “Đắc cái Vô Sở Đắc”. Bởi nếu

còn có chứng đắc, chứng tỏ là CÒN CÁI NGÃ, mà tu hành theo Đạo Phật phải chứng cái VÔ NGÃ.

Rốt ráo của đường tu là đắc “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Người đắc được quả vị này “*Do vì không ngã, không nhờn, không chúng sanh, không thọ giả, mà tu tất cả pháp lành liền đặng vô thượng chánh đẳng chánh giác*” (Kinh Viên Giác). Phải đâu Phật nói rồi phủ định, hay chẳng cần tu tập gì cả như Ngài Nguyệt Khê luận? Hơn nữa, Đạo Phật có Niết Bàn, Phật Quốc, sao lại cho rằng chẳng có gì cả? Nếu tu hành gian khổ để rồi đến nơi chẳng có gì cả thì tu làm gì?

Có lẽ Thiền Sư Nguyệt Khê chưa từng đọc Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA để thấy 3 Lần trong Phẩm NHƯ LAI THỌ LƯỢNG, Phật bảo các Bồ Tát và đại chúng: Thiện Nam Tử! Các ông phải tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai”. Lẽ nào những lời nói chắc thật như thế lại nói xong rồi phải phủ định vì sợ bị vấn nạn? Nếu đã sợ bị vấn nạn thì trước lúc Nhập Niết Bàn Phật đã không kêu đệ tử thông báo để ai còn thắc mắc về Phật Pháp thì Ngài sẽ giảng giải nốt cho! Lý lẽ của Đạo Phật đã được gọi là Chân Lý mà nói xong rồi phải phủ định sao? Đâu có trang nào, kinh nào nói như thế. Có lẽ Ngài đã hiểu lầm câu nói của Đức Thích Ca: “*Suốt 49 năm đó ta có nói gì đâu!*” Chẳng phải là Đức Thích Ca chối bỏ những gì đã thuyết, vì 12 Bộ Kinh vẫn còn lưu lại cho đến thời này người tu Phật mới có để tham khảo, học hỏi, có bị hủy bỏ bao giờ đâu mà Ngài cho là chẳng lưu lại một chữ, chẳng còn dấu tích gì? Cái “TA KHÔNG CÓ NÓI”, là ý Phật muốn nói về cái nói nhằm đề cao cái TA CHÚNG ĐẮC của những người tu hành về sau. Bởi đa phần người tu đến một giai đoạn nào đó thì thấy Mình Chứng Đắc, Mình làm pháp Sư. Mình giảng pháp cho mọi người, đâm ra kiêu mạn. Về phần Đức Thích Ca, Ngài chỉ truyền lại một phương pháp để mọi người cùng thực hành, không phải để người sau hiểu lầm rồi tôn thờ Ngài như một vị thần linh theo như những phương tiện Ngài dùng trong khi thuyết giảng. Đạo Phật cũng đâu có sợ bị vấn nạn? Trong chính Kinh, kinh nào cũng có phần các Bồ tát hay đại chúng hỏi Phật. Chúng ta mới vào đạo, không biết gì để thắc mắc, nhưng nhờ vào những câu hỏi, trả lời đó mà cũng được sáng tỏ thêm.

Hầu hết người đến tham vấn Ngài Nguyệt Khê, đều hỏi về dụng công khi tham thiền, mục đích người hỏi là làm sao để kiến

Tánh, không ai hỏi về con đường tu Phật. Tất cả những câu trả lời của Ngài Nguyệt Khê luôn là “*chẳng nên dứt niệm, nên khởi một niệm hướng vào nguồn gốc chẳng sanh chẳng diệt, ngay đó nhìn thẳng, tới lúc hăm sâu vô minh phá tan liền thấy Phật Tánh*”. Với những người hỏi pháp, Ngài đều chỉ dạy độc nhất câu đó. Câu này là lặp lại lời nguyên văn của Thiết Nham Hòa Thượng khi Ngài đến hỏi pháp (tr. 153)!

Về cách thức tu hành, ta thấy Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Cách tu hành cũng như lóng nước. Nước đục để yên tĩnh trong một cái bình, để cho lâu thì những bụi cát từ từ chìm lắng, mà nước trong hiện ra; hễ càng yên tĩnh thì nước càng trong. Đây là dụ cho giai đoạn thứ nhất, mới hàng phục được phiền não khách trần. Đến chừng lọc bỏ cặn đục chỉ còn toàn là nước trong là dụ cho giai đoạn thứ hai, đoạn trừ căn bản vô minh. Tức là trước hết phải hàng phục Phiền Não, sau đó là trừ Căn Bản Vô Minh.*

Muốn trừ Căn Bản Vô Minh thì cũng phải biết nó là gì? Ở đâu? Trừ bằng cách nào? Muốn Tu Phật thì ít ra cũng phải hiểu Phật là gì? Phải làm gì để Thành Phật. Tu như thế nào? Tu ở đâu? Đâu phải làm gì cũng là Tu? Các Thiền Sư dường như chẳng hiểu gì về con đường Tu Phật. Chưa hề nói đến Phiền Não. Không nói gì đến “Điều Phục”. Không biết đến cái TÂM. Cũng chẳng nói đến Giới, Hạnh, cứ: hét, ném tích trượng, giơ chìa, đánh trống, đập, ăn bánh, uống trà... cuối cùng sẽ dắt người tu học về đâu? Những lối hướng dẫn đó hoàn toàn không phải là của Đạo Phật chính thống, mà là sản phẩm được cải biên bởi những người đề xướng ra THIỀN TÔNG thời đó, không có chút gì khế hợp với Kinh điển vẫn đang lưu hành của Đạo Phật. Đọc Ngài Suzuki, Taisen kể cả Ngài Nguyệt Khê, ta thấy lối hướng dẫn Thiền giống như nhau. Cũng mơ mơ, hồ hồ, dựa vào lời Phật trong Kinh, nhưng đều giải thích theo cách khác, tưởng đó là cao hơn, đốn hơn, quả vị cao hơn... nhưng tiếc là không ai có thể nương theo đó mà tu tập thành công.

Ngài Nguyệt Khê đã tịch năm 1965. Nhục thân còn để lại, được sơn son, thếp vàng, thờ ở Diện Di Đà trong Chùa Vạn Phật, được những người ngưỡng mộ so sánh với Lục Tổ Huệ Năng, vì họ so ra trong các Tổ từ xưa đến nay chỉ có Lục Tổ để lại nhục thân, sau này là Ngài. Họ cũng không biết rằng ở Việt Nam ta tại Chùa Đậu còn có hai Thiền Sư cũng để lại nhục thân. Đó là

Thiền Sư Vũ Khắc Minh và Vũ khắc Trường. Dù vậy, theo tôi, việc để lại nhục thân không quan trọng cho bằng để lại con đường cho người sau có thể theo đó mà tu hành thành công. Lục Tổ Huệ Năng vừa để lại nhục thân, vừa để lại Quyển Pháp Bảo Đàn Kinh được những người tu Phật xem có giá trị như Chính Kinh. Qua đó có những nét chính mà người tu Phật có thể theo đó mà học, mà hành, không bị lạc vào tà ma, ngoại đạo. Ngài Nguyệt Khê có viết sách để lại, trong đó tôi đọc được quyển CỘI NGUỒN TRUYỀN THỪA, và ĐẠI THỪA TUYỆT ĐỐI LUẬN, nhưng theo nhận xét của tôi thì không có chút giá trị nào đối với con đường tu hành so với những Chính Kinh của Đạo Phật được.

Ngài cho rằng: *“Trên hết của 28 tầng trời tức là cảnh giới của vô thí vô minh. (37) và một số người tu hành sau khi đạt đến cảnh giới này thì phần nhiều buông bỏ, quay lại, hoặc dậm chân tại chỗ, không bước tới, lấy cố là không thể tư duy được nữa... Duy chỉ có Đức Thích Ca, sau khi đạt đến cảnh giới đó thì biết vẫn còn chưa đạt đến chỗ tốt cùng rốt ráo, bèn chứng nhập ngay cảnh giới tuyệt đối của chân như, vượt ra ngoài Ba Cõi và 28 tầng trời cho nên gọi là “Niết Bàn” cũng gọi là “Thành Phật”.*

Nghĩa của Niết Bàn là “Ra Khỏi rừng Mê”. Rừng Mê này cũng ở trong cái Tâm Mê của mỗi người. Đâu có phải ở cảnh nọ cảnh kia ngoài không gian, khỏi tầng trời thứ 28 như Ngài tưởng rồi diễn giải làm cho người đọc thêm điên đảo?!

Muốn trừ VÔ MINH thì Kinh dạy phải dùng TRÍ HUỆ để chiếu phá. Nội hai từ “chiếu phá”, ta thấy đó là nói về sự soi sáng để làm tan bóng tối Vô Minh. Ngài Nguyệt Khê lại bảo là *“Một mai tìm đến được thì lập tức lòi ra mà đập”* (tr.102 Đại Thừa Tuyệt Đối Luận).

Vô Minh là từ mà Phật nói về cái Mê muội, đâu phải là một cục gì đó có tướng để có thể “lòi ra mà đập”? Và không hiểu Ngài dùng cái gì để đập? Rồi Ngài vượt lên 28 tầng trời, Ba Cõi bằng cách nào? Trong khi Tổ Đạt Ma cũng đã giải thích là Ba Cõi, hay Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới chính là Ba Món Tham, Sân và Si trong Tâm của mỗi chúng ta!

Hầu hết các Thiền Sư ít nhiều gì cũng đòi thay đổi những nguyên tắc tu hành của Đạo Phật. Thiền Sư Suzuki thì đòi “tước bỏ” Kinh đi. Thiền Sư Nguyệt Khê thì cho là: *“Nay con người*

chui đầu vào kinh điển sách vở, ôm chấp văn nghĩa thì điều tai hại chẳng phải là nông cạn ư? (Vì thế) chuyện không lập văn tự, truyền riêng ngoài giáo mới được kiến lập vậy. Nếu có thể mượn văn tự và ngữ ngôn tương đối để chỉ thị, chứng nhập vào cảnh giới tuyệt đối của chân như thì văn tự của kinh điển chỉ là mớ bả láp mà thôi!” (tr. 52-53) Ngài ca tụng những người coi thường Kinh điển: “Cho nên một số Tổ Sư của Thiền Tông đối với người học vấn uyên bác của thế tục cố nhiên không xem trọng, ngay cả 3 tạng và 12 Bộ Kinh điển cũng chẳng xem trọng, thậm chí ngay cả tư tưởng và văn tự mà các ngài xem qua cũng không có giá trị gì cả”(tr.248). Trong khi Phật dạy: “LY KINH NHẤT TỰ ĐỒNG MA THUYẾT”!

Giới của Đạo Phật quan trọng đến nỗi Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân viết: “Vì thử một trăm hay một ngàn vị A La hán được vào Niết bàn, thì từ vị A La hán đầu tiên cho đến vị A La Hán cuối cùng đều do công đức trì Giới mà được thành tựu đạo quả”, thì Ngài Nguyệt Khê đòi sửa đổi: “*Giới luật của Phật Giáo cho đến hiện tại vẫn là quy củ xưa của mấy ngàn năm trước phần nhiều đều biến thành bối văn, hoặc không có cách nào tuân thủ theo. Cho nên chúng ta chủ trương cần phải sửa đổi thêm hoặc bổ sung, đem những cái vụn vặt phiền phức biến thành đơn giản, vòng vo thối nát biến thành kiện toàn, sau đó uy lực của giới luật bị mất mới có thể về nguồn, chỗ tôn nghiêm của Tăng già mất mát mới có thể cứu vãn được khiến cho ma quỷ thấy mà xa lánh rút lui, người lành thấy mà khởi lên lòng kính trọng, đây là điều kiện chủ yếu để phục hưng Phật Giáo!” (tr.319)*

Đạo Phật sở dĩ tồn tại hàng bao nhiêu ngàn năm cũng nhờ GIỚI LUẬT. Người tu Phật được kính trọng cũng bởi có GIỚI, vì không SÁT, ĐẠO, DÂM, VỌNG NGỰ, và TỬU. Thế mà Ngài Nguyệt Khê cho đó là “không thể nào tuân theo”. Nếu làm theo Ngài, chẳng lẽ Phật Giáo được phục hưng, mọi người nhìn thấy mà “Khởi lên lòng kính trọng” đối với những người phá giới, tự do Sát, Đạo, Dâm, Vọng Ngữ, Tửu? Như thế so với Đạo Phật chân chính là TU TÂM tức là SỬA CÁI TÂM MÊ LÂM bằng GIỚI, HẠNH, để thanh lọc cả THÂN, TÂM, thì Thiền Sư Nguyệt Khê khuyến khích người tu bỏ GIỚI để về đâu?

PHẬT là từ để nói về tình trạng thanh tịnh, giải thoát ở trong TÂM. Tổ Đạt ma dạy: *“Phật ở trong Tâm như trầm hương ở trong cây. Phiền não hết thì Phật theo tâm ra. Vỏ mục hết thì hương theo cây ra. Mới biết ngoài cây không có hương, ngoài Tâm không có Phật. Nếu ngoài cây có hương, ấy tức là hương của cây khác. Nếu ngoài Tâm có Phật, ấy tức là Phật ngoài của ai khác”*. Vì vậy cho nên mới nói “TỨC TÂM TỨC PHẬT”. Các Thiền Sư chẳng hề dạy tìm Tâm, mà còn dám cho là *“thẳng đến quả Phật”* thì quả là Đại Vọng Ngữ !

Tôi tin rằng dù người tu học chưa một lần mở Chính Kinh để đối chiếu. Nhưng một điều chắc chắn là con người ngày càng tiến bộ, không dễ tin vào những điều không thể áp dụng vào thực tế. Bởi nếu thực hành theo Đạo Phật chân chính thì kết quả là Thoát Khổ hiện tiền. Còn những người Tham, Quán Công Án thì kết quả về đâu không biết, nhưng Nhận Thừa thì chắc chắn cũng không xong, vì tu học xong, quả vị chẳng thấy, chỉ thấy cái Ngã càng lớn, dám đánh Thầy, mắng Tổ, chửi Phật! Thân, Khẩu, Ý, Ba Nghiệp không thanh tịnh mà thành Phật được thì quả là Phật đó chẳng giống ai! Không giống hình ảnh Phật trong Kinh, cũng không giống một người phàm phu mà giữ đúng Nhân thừa vậy.

CHƯƠNG IV

BÌNH LUẬN NHỮNG CÔNG ÁN TRONG VÔ MÔN QUAN

Quyển VÔ MÔN QUAN do thiền Sư VÔ MÔN thu thập và viết lời bình. Trong đó là 48 Công Án nổi tiếng đương thời.

Thiền Sư VÔ MÔN pháp danh HUỆ KHAI, sinh năm 1183 vào khoảng cuối đời Tống. Tham học với Thiền Sư Nguyệt Lâm tại chùa Vạn Thọ. Nguyệt Lâm là môn sinh đời thứ 8 của Dương Kỳ thuộc dòng Lâm Tế.

Trong lời mở đầu, ta thấy viết: *“Ngài được Nguyệt Lâm giao cho tham chữ VÔ. Qua 6 năm công phu vẫn chưa khai thông được. Ngài phấn chí, thể quyết không ngủ cho đến khi nào*

vỡ lẽ mới thôi. Sau vì quá buồn ngủ, ngài lững thững ngoài hành lang, mệt mỏi tựa đầu vào cây cột, bỗng nghe tiếng trống ngọ đánh, bất giác lĩnh ngộ”.

Ngài mừng quá, chạy đến tìm gặp Nguyệt Lâm, toan trình điều sở ngộ. Nguyệt Lâm vừa trông thấy vụt hỏi: “Chạy đi đâu mà như bị ma đuổi vậy?”. Ngài liền quát một tiếng. Nguyệt Lâm cũng quát một tiếng. Hai bên cùng ứng đáp như thế. Sau đó Ngài ứng khẩu đọc bài kệ rằng:

“VÔ VÔ VÔ VÔ VÔ

VÔ VÔ VÔ VÔ VÔ

VÔ VÔ VÔ VÔ VÔ

VÔ VÔ VÔ VÔ VÔ”

Đắc Công Án VÔ bằng bài Kệ 20 chữ VÔ! Chẳng ai hiểu Ngài thấy được nghĩa lý gì của Công Án đó! So với Kệ của chư Tổ nói về TÂM và PHÁP thì ta thấy sự chứng đắc của nhà Thiền thật quá mơ hồ! Thật, giả, đúng, sai chỉ có người đắc biết!

Tu, nghĩa tiếng Việt là SỬA. Kết quả của việc tu hành là cả một thời gian học hỏi, rèn luyện Thân, Tâm. Người thận trọng còn khuyên “Dục tu Tiên đạo, tiên tu Nhân Đạo. Dục tu Phật Đạo, tiên tu Tiên Đạo” Có nghĩa là trước khi tu Đạo Tiên thì phải tu Đạo Làm Người. Trước khi tu Đạo Phật thì nên tu Đạo Tiên"! Phải đâu chỉ cần khai được một CÔNG ÁN là ngang nhiên thành thánh, thành Phật?

Cũng vì không hiểu được thế nào là Tu Phật, Thành Phật, cho nên Ngài Vô Môn đã rơi vào cái TƯỞNG CHỨNG và TƯỞNG RẰNG PHẬT LÀ MỘT VỊ THẦN LINH, Chứng Đắc còn cao hơn cả Phật, Tổ, nên ngay lời Tựa ta đã thấy đầy vẻ kiêu mạn: “*Nếu có kẻ gan dạ không màng chi nguy vong, một đạo vô thặng thì Na Tra tám tay giữ lại không nổi, mà dù cho đến Tây Thiên 28 vị, Đông Độ Sáu Tổ cũng chỉ còn cách nép mình xin tha mạng”.*

Trong Đạo Phật chân chính, Thành Phật có nghĩa là “*Thành tựu con đường Giải Thoát*”. Không phải là thành “*Ông Phật*”,

hiểu theo đại đa số - là thành "một vị thần linh, có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, ngồi trên tòa Sen, cứu nhân độ thế" - Người tu theo Đạo Phật, khi chứng đắc là "đắc cái VÔ NGÃ", tức là KHÔNG CÓ TA. Kinh dạy: "khi có tư tưởng mình đã chứng Thánh, Thành Phật nầy sinh, thì phải diệt ngay tư tưởng đó đi". Vì thế nên gọi là "Phùng Phật Sát Phật", hay "Vô sát bất hiện thân". Có nghĩa là nếu không giết những tư tưởng đó đi, thì người nầy sinh tư tưởng đó không thể hiện thân Phật được.

Thế nhưng, qua lời bình của Ngài Vô Môn, ta thấy là Ngài đã hiểu theo nguyên nghĩa của văn tự, mà không hiểu được Ý của câu "Phùng Phật sát Phật". Vì vậy, Ngài mới có câu "Tây Thiên 28 vị, Đông Độ 6 Tổ cũng chỉ còn cách nép mình xin tha mạng"!

Một bên, theo Đạo Phật chính thống là SOI VÔ, là diệt trừ những cái khởi tăng ngã mạn, cái thấy mình chứng Thánh, Thành Phật. Nhờ đó mà trừ được cái NGÃ CHẤP, PHÁP CHẤP, được Giải Thoát. Một bên - theo nhà Thiền - là Soi Ra, cao, thấp, hơn thua với ngoại pháp! Do đó, phía Thiền Tông chẳng những CÓ TA CHỨNG ĐẮC, mà còn có TA oai phong hơn cả chư Tổ!

Nói về KỆ chứng đắc thì ta thấy 33 vị Tổ luôn chỉ đề cập đến 3 điều quan trọng cho việc tu hành. Đó là: TÂM, PHÁP và TÁNH. Còn Tham Công án, như chữ VÔ chẳng hạn, chỉ là "phá nghi tình", mà có vị cổ đức đã nói: "Nghĩ lớn, ngộ lớn, nghĩ nhỏ, ngộ nhỏ, không nghĩ thì không ngộ". Cái Ngộ đó chỉ nói lên sự hiểu biết về một khía cạnh nào đó mà người Tham Công Án đang muốn khám phá. Chỉ một chữ VÔ làm sao rõ nghĩa hết tất cả các Pháp của Đạo? Còn Hữu, Phi hữu phi vô, Tứ cú, bách phi, Nhân Quả, Bát Chánh Đạo, Giới, Định, Huệ, Niết Bàn, Tứ Quả, Tứ Nhiếp, Tứ Vô Lượng Tâm vv... vớt đi đâu? Vậy mà chỉ thấy một chữ VÔ thôi, nhà Thiền cũng đã thấy mình hơn cả Phật, Tổ!

Nhà Thiền cũng hiểu lầm về Kệ Truyền Pháp mà Đức Thích Ca trao cho Ngài Ca Diếp. Theo lời Kệ, ta thấy Phật nói: "Ta có chánh pháp nhãn tạng. Niết Bàn diệu tâm, pháp môn ấy

mẫu nhiệm vô cùng, chẳng lập văn tự, ngài giáo lý biệt truyền. Vậy người khá giữ gìn chánh pháp này rồi sau sẽ truyền lại cho Anan kế hậu”.

“*Chánh pháp nhãn tạng. Niết Bàn diệu tâm*” tức là con mắt để thấy Chánh Pháp. Chánh pháp này liên quan đến Niết Bàn nơi Tâm vi diệu. Nói lên cái đặc pháp đó đưa đến sự an lạc nơi tâm của người chứng đắc. Tâm đó tất nhiên không còn là cái Phàm Tâm, mà đã trở thành cái “Tâm Vi Diệu”, tức là cái CHÂN TÂM.

Nghĩa của “Đạo Phật” là “Con Đường Giải Thoát”. Con đường này không nằm ở ngoài cái tâm, nên sự chứng đắc của Đạo Phật cũng gọi là “Đắc cái Tâm”. Vì thế, những pháp mà người tu phải học để thành tựu đạo quả đã được Phật, Tổ chỉ rõ:

- Bát Nhã Tâm Kinh, khẳng định là “*Tam Thế chư Phật Y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc tam miệu tam Bồ Đề*”. Tức là Ba đời Chư Phật đều nhờ Trí Huệ qua bờ bên kia để đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bờ bên này là Phàm Tâm. Bờ bên kia là Chân Tâm. Trí Huệ này thuộc về cái Chân Tâm, nên gọi là Trí Huệ Qua Bờ Bên kia.

- Tổ Đạt Ma dạy: “**Muốn tìm Phật thà tìm Tâm**”, “**Tức Tâm tức Phật**”

- Ngũ Tổ cũng dạy: “**Nếu không thấy Tâm thì học pháp vô ích**”.

- Trước lúc nhập diệt, Lục Tổ dạy: Chúng người hãy chú tâm nghe cho rõ. “*những người mê muội đời sau, nếu biết cái Tâm chúng sanh, tức là thấy đặng Phật Tánh. Bằng **chẳng biết cái tâm chúng sanh thì muôn kiếp tìm Phật ắt khó đặng**. Nay ta dạy các người phải biết chúng sanh ở Tâm mình thì thấy Phật tánh ở Tâm mình. **Muốn cầu thấy Phật thì phải biết cái Tâm chúng sanh**”.*

- Muốn đến bờ Niết Bàn thì Kinh Tâm Địa Quán dạy: “*Các vị còn ở trong phàm phu địa, không quán Tự Tâm, nên phải trôi gạt trong bể sinh tử. **Chư Phật, Bồ Tát vì Quán được***

Tâm, nên qua được bể Sinh tử, đến bờ Niết Bàn. Pháp của Như Lai ba đời đều như thế.

Chư Tổ, chư Phật đều dạy giống nhau, là phải THẤY CÁI TÂM. Phần "*Bất Lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền*", nói về việc ấn chứng và trao Y Bát. Phần này không viết thành văn bản, mà người trước chỉ ấn chứng và trao Y bát cho người sau, để thay mình cầm nắm Chánh Pháp. Các Thiền Sư không hiểu được tầm quan trọng của "*Chánh pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu Tâm*", nên không quan tâm đến. Chỉ nhắm vào hiện tượng CƯỜI của Ngài Ca Diếp. Cho rằng nhờ Ngài Cười mà được truyền Y Bát, nên cho Cái Cười đó chính là: "*Đốn Ngộ, là "giáo ngoại biệt truyền"*". Chính vì vậy nên pháp họ truyền chẳng giống chút nào với việc truyền pháp của Đức Thích Ca. Không dính líu, nhắc nhở gì đến CÁI TÂM, mà cũng chẳng dính dáng gì đến Nụ Cười. Chỉ giao cho đệ tử Quán Công Án. Công Án này đôi khi rất là rất mơ hồ: Là chữ Vô, hay toàn pháp soi ra, nhìn ngoài, đôi khi không liên quan gì đến Phật Pháp.

Sau đây là những Công Án và lời bình của người viết tập này.

Công Án THỨ NHẤT

CON CHÓ CỦA TRIỆU CHÂU

*** Công Án:**

Một ông Tăng hỏi Hoà Thượng Triệu Châu:

- Con chó có Phật tính không?

Sư đáp:

- Không.

Lời giải:

Một câu hỏi chứng tỏ ông Tăng hoàn toàn "*ngoại quang phản chiếu*", không giống với con đường "*nội quang phản*

chiếu" mà người tu Phật chân chính cần phải đặt trọn thân tâm để nghiền ngẫm.

Nếu ông Tăng kia đã được Thầy hướng dẫn rằng người tu cần phải "Minh Tâm Kiến Tánh", "Kiến Tánh Thành Phật", để ngày đêm tự Tham, Quán, hẩn phải chỉ nghĩ đến việc đó để hỏi Thầy rằng "Mình có Phật Tánh Không?". "Muốn Thấy phải làm gì?". Lại đi thắc mắc chuyện của con chó, không biết nó có Phật Tánh hay không?! Con chó có Phật Tánh hay không can gì đến thầy, giúp gì cho thầy trên con đường tu học đây!?

Phụ Bản I

Ngài Vô Môn cũng đã lạc đề khi bàn giải. Cái Không ở đây là cái "*không có Phật Tánh của con chó*", không phải là cái Cửa Không của Thiền Môn, vì Cửa Không của Thiền Môn không ăn nhập với câu hỏi và câu trả lời trên đề tài! Vậy mà cũng cho rằng cứ Tham chữ Không này thì có lúc sẽ: "*đoạt đao của Đại Quan Vũ, gặt Phật giết Phật, gặt Tổ giết Tổ, đứng đứng với bờ sanh tử, rong chơi trong chốn lục đạo, tử sinh!*" Ngay cả thấy được cái KHÔNG của Thiền môn thì liệu có thể rong chơi chốn lục đạo, tử sinh chưa? Bởi Phật dạy: Giai đoạn đầu, vì chúng sinh chấp lầm những Hiện Tượng, gọi chung là cái pháp CÓ, cho đó là thật, rồi tranh dành nhau, tạo nghiệp nên phải Khổ. Vì thế, Ngài phải đưa ra cái thực tướng của các pháp, để chỉ cho con người thấy: Những pháp thấy có vẻ là THẬT CÓ đó, cuối cùng rồi cũng sẽ về KHÔNG.

Nhưng KHÔNG cũng đâu phải là chỗ về của người tu Phật? Vì mọi người vẫn đang tiếp tục sống trong CẢNH CÓ. Phải giải quyết các pháp Có liên quan với cái Thân Giả Tạm, cho đến lúc nó hết Duyên, hết Nghiệp. Đâu phải tu hành, cho rằng Các Pháp là Không rồi vất bỏ cái Thân đi? Vì thế, Pháp cuối cùng mà người tu Phật phải thấy là CON ĐƯỜNG TRUNG ĐẠO, vượt lên cả CÓ và KHÔNG, thì mới đưa đến Giải Thoát. Chưa thấy được Con Đường Trung Đạo mà đã cho rằng mình Thoát Sinh Tử. Đó là chỗ đoạn kiến của đa số người tu Thiền thời xưa.

Rõ ràng, vì không đọc chính Kinh, chưa hiểu rõ lời Phật, nên thầy trò cứ truyền nhau những cái khởi tăng thượng mạn. Không dạy trừ Ngã Chấp, Pháp Chấp lại dạy nhau đi sát ngoại Phật. Chẳng trách càng tu càng thêm lớn cái Nhân, Ngã. Quán việc của con chó thì sẽ hiểu việc của con chó. Sao không Quán về đề tài của Phật, Tổ xem các Ngài đã tu hành như thế nào để Thành Phật? Mình sẽ phải học gì? Hành gì, để gọi là tu hành? Như thế có phải là lợi lạc cho con đường tu hơn không!

Kết luận: Trò ngoại soi, Người Thầy cũng lộ rõ là không hiểu Phật Pháp nên không biết để nhắc nhở cho đệ tử quay vô! Người bàn cũng lạc đề nốt!

CÔNG ÁN THỨ HAI:

CON CHỒN HOANG CỦA BÁCH TRƯỢNG

*** Công Án:**

Mỗi khi Hoà Thượng Bách Trượng giảng pháp, có một lão già thường theo tăng chúng vào nghe. Chúng lui, lão cũng lui. Bỗng một hôm lão không lui.

Sư bèn hỏi:

- Người nào đứng đó ?

Lão già đáp:

- Thưa tôi vốn chẳng phải người. Xưa, thời Phật Ca Diếp, tôi đã ở núi này, nhân có học tăng hỏi: "Bậc tu hành còn rơi vào nhân quả không? Tôi đáp: "Không rơi vào Nhân Quả". Bèn bị đọa làm thân chồn hoang năm trăm kiếp. Nay xin Hoà Thượng cho một lời chuyển ngữ để tôi thoát kiếp chồn hoang.

Bèn hỏi:

- Bậc đại tu hành còn rơi vào nhân quả không?

Sư đáp:

- Chẳng mê mờ nhân quả.

Lão già nghe xong đại ngộ, sụp lạy nói:

- Tôi đã thoát thân chồn hoang, còn ở sau núi, dám xin Hoà Thượng xếp đặt cho theo lệ tăng chết.

Sư bảo thầy duy na bạch chùy bảo tăng chúng ăn xong sẽ làm lễ táng tăng.

Tăng chúng đều bàn :

- Mọi người đều an lành. Niết Bàn đường không có ai đau ốm, sao lại có chuyện như vậy?

Dùng ngọ xong, chỉ thấy Sư dẫn tăng chúng đến sau hốc núi, dùng trượng khều ra một xác chồn hoang rồi đem hỏa táng.

Tối đến, Sư thượng đường kể chuyện lại cho mọi người nghe, Hoàng Bá mới hỏi :

- Người xưa vì đáp sai một lời chuyển ngữ mà bị đọa làm thân chồn hoang năm trăm kiếp. Giả như câu nào cũng không đáp sai thì sao?

Sư nói :

- Lại gần đây ta nói cho nghe.

Hoàng Bá lại gần, tát Sư một chưởng. Sư vỗ tay cười nói:

- Tưởng râu tên Hồ thì đỏ, lại gặp tên Hồ đỏ râu.

Lời giải:

Đây là một bài học của người tu chưa hiểu Phật Pháp mà mang ra giảng cho người. Nếu người nghe, tin rằng "Bồ tát không rơi vào Nhân Quả" rồi tha hồ gây Nhân xấu thì tội đó, nghiệp đó ai lãnh? Chính vì vậy mà người dạy như thế phải đọa tới năm trăm kiếp làm chồn!

Vì "không mê mờ Nhân Quả", nên bậc tu hành vẫn tinh tấn, làm đủ các Hạnh mà không tính đếm những quả vị lớn nhỏ mình sẽ đạt được. Các vị vẫn Làm mà vẫn Giải Thoát vì những công phu tu học như nước từng giọt dần tích tụ sẽ đầy. Kết quả là điều đương nhiên phải đến, tỷ lệ thuận với sức tinh tấn của hành giả, không cần phải chờ đợi, thắc mắc.

Kết luận: Đây là Công Án mà những người giảng pháp nên Tham, vì mục đích là nhắc những người làm Pháp Sư cẩn thận trọng trong mỗi câu chuyển ngữ khi mang lời Phật bình theo ý phàm. Vì ở địa vị người giảng sư, mọi lời nói dễ làm cho người nghe tin tưởng là đúng, là cần nghe theo, để lấy đó làm khuôn mẫu mà hiểu, mà hành.

Tội chông mê cho người rất nặng, vì một người nghe, tin rồi truyền cho người khác... Thế hệ trước tiếp nối thế hệ sau..., cứ thế mà nhân lên không có điểm dừng. Vì thế, người đã làm Thầy, khi giảng pháp, mỗi câu chuyển ngữ đều phải cẩn thận tham khảo, đối chiếu với Kinh sách. Thấy chắc chắn đúng thì mới nên phổ biến, để khỏi mang tội khinh pháp, làm lợi ích cho người nghe, và chính mình cũng không bị quả báo.

CHƯƠNG IV

CỘI NGUỒN NGÔI THIÊN

BÌNH LUẬN NHỮNG CÔNG ÁN TRONG VÔ MÔN QUAN

* CÔNG ÁN THỨ BA

NGÓN TAY CỦA CÂU CHI

* Công Án:

Hoà Thượng Câu Chi hễ có ai tham hỏi, chỉ giơ một ngón tay lên. Có chú tiểu, hễ ai hỏi Sư dạy pháp yếu nào, cũng giơ ngón tay lên. Sư nghe được bèn lấy dao chặt đứt ngón tay chú tiểu. Chú đau đớn la khóc mà chạy. Sư bèn gọi lại, chú vừa quay đầu thì Sư lại giơ ngón tay lên. Chú tiểu bỗng lĩnh ngộ.

Khi sắp tịch, Sư nói với tăng chúng rằng:

- Ta thụ được của Thiên Long chỉ một ngón Thiên mà cả đời dùng không hết.

Nói xong Sư tịch.

Lời giải:

Bài này Ngài Vô Môn đã hạ được một câu đúng đắn: "*Chỗ ngộ của Câu Chi cũng như của chú tiểu không phải ở ngón tay*". Nhưng ngộ cái gì? Ngộ như thế nào thì người đọc tự tìm hiểu lấy, Ngài cũng không giải ra được!

Không biết ngón tay của Thầy có đăng ký độc quyền nhãn hiệu hay không? Nhưng phải chăng vì việc truyền đạo mơ hồ nên "Thầy sao, trò vậy", đâu có ngôn ngữ mà học, mà bắt chước?!. Ngày trước, Thầy của Hòa Thượng Câu Chi là Hòa Thượng Thiên Long cũng chỉ "đưa ngón tay lên", đâu có dạy thêm câu nào?!. Bây giờ Ngài Câu Chi cũng "đưa ngón tay lên" y hệt như Thầy của Ngài, có khác chút gì đâu?! Rõ ràng chú tiểu thấy: khi có người hỏi, thì Thầy không nói gì hơn là giơ một ngón tay lên, thì chú cũng theo đó mà làm thôi. Việc đó có gì quá đáng đâu mà phải chặt ngón tay chú ta? Học trò đang học với mình, sao không dạy, không giải thích mọi điều cho rõ ràng để nó đừng hiểu lầm mà bắt chước mình?

Tưởng tượng cảnh người Thầy đằng đằng nộ khí, vác dao đi lũng sục chú tiểu, ví bắt cho được để chặt ngón tay, và cảnh chú Tiểu la khóc chạy trốn sao không khác gì cảnh tượng của giới giang hồ dạy nhau! Còn gì là không khí tĩnh lặng, thanh tịnh của Thiền Môn!

Chú tiểu sau khi bị chặt ngón tay, khi nhìn thấy Thầy đưa ngón tay lên bỗng lĩnh ngộ điều chi? Ngộ rằng mình không được quyền bắt chước Thầy? Ngộ rằng mình đã chặt ngón tay, từ đây không còn đưa lên được nữa? Hay là ngộ pháp nào trong Phật Pháp? Chắc chú có Tham tới bao lâu cũng không thể hiểu rằng ngón tay của Thầy khác với ngón tay của mình thế nào?

Theo đề mà đoán thì chắc chú tiểu khó mà lĩnh ngộ Phật Pháp được! Trong chính Kinh Phật giải thích đi, giải thích lại mãi mà các Đệ tử còn hiểu không ra. Các Thiền Sư lại ấn dấu, bắt học trò tự đoán,

không khác nào ra bài toán mà không cho đáp số. Chả trách ai muốn giải thế nào thì giải. Đúng hay sai do hợp ý thầy hay không mà thôi!

Ngón tay của Thầy là "*Ngón Thiên, cả đời Thầy dùng cũng không hết*". Có ai hỏi cũng cứ thế mà đưa lên! Còn ngón tay của đệ tử thì lại bị chặt, lấy gì mai mối kế thừa?! Người sau có Tham mãi chắc cũng không thể hiểu nổi vì sao!

Hỡi ôi:

*Tưởng chốn Thiên môn thanh tịnh lắm,
Hương trầm, Kinh, kệ, quyện không gian,
Ngờ đâu dao gậy khua loang loáng
Tiếng tiếng khóc, tiếng la cũng rộn ràng!*

*** CÔNG ÁN THỨ TƯ**

TÊN HỒ KHÔNG RÂU

*** Công Án:**

Ngài Hoặc Am nói:

- Sao tên Hồ ở Tây Thiên không có râu?

Lời giải:

Tu hành không lo khởi nghi tình về Phật Pháp, về những điều cần hiểu, cần hành trong Đạo, lại đi thắc mắc chuyện người khác có râu hay chẳng có râu !

- Nếu tên Hồ đó có râu thì chẳng lẽ mình mau chứng đắc, mau thoát Sinh Tử?

- Nếu tên Hồ đó không râu thì cản trở gì mình trong việc tham học?

Rõ ràng đề tài này hoàn toàn: "Ngoại quang phản chiếu", không dính líu gì vấn đề Sinh Tử, Vô Thường, Đạo Hạnh, Nhân Quả mà người tu cần quán sát, hành trì. Nếu cho đến nay vẫn tiếp tục mang ra làm

Công Án cho người sau Tham học thì rất tội cho các Thiền Sinh nếu họ cùng nhau lao vào Tham!

Tưởng tượng cả một lớp thiền sinh ngồi ngẩn ngơ tìm xem "tại sao tên Hồ không có râu"? Đặt giả thiết "tên Hồ đó có râu" thì điều gì sẽ xảy ra? mà tiếc giùm cho áo cơm của thí chủ. Tiếc giùm thời gian như bóng câu. Cuộc đời là Vô Thường. Tấm "Nhân Thân nan đắc" ngày đang đi vào hư hoại, không thể tồn tại mãi để chờ người tu giặt mình!

Kết luận: Thay vì Tham công án này, thì giờ đó nếu thầy trò bỏ ra để đi cày, để trồng lúa, rau, có lẽ có lợi cho cuộc sống tu hành, và thí chủ cũng đỡ chút gánh nặng hơn!

* CÔNG ÁN THỨ NĂM

HƯƠNG NGHIÊM LEO CÂY

* Công Án:

Hòa Thượng Hương Nghiêm nói:

- Như người trên cành cây, miệng cắn vào cành, tay chân lơ lửng. Dưới cây có người hỏi Ý Tây Lai, không đáp thì phụ câu hỏi, còn đáp lại thì bỏ thân mất mạng. Vậy phải đối đãi làm sao?

Lời giải:

Việc tu hành của mình, Phật dạy: "Phải xem như lửa đang đốt tóc, cháy áo" để mà tập trung trí, lực mà làm cho tinh tấn. Người đang chơ vơ giữa cành cây, chỉ trông chờ vào cái miệng đang cắn vào cành cây để giữ cho khỏi rớt xuống tan xương, nát thịt, thì có gì phải há ra bàn chuyện Tây Lai làm chi? Ý đi truyền Pháp của Tổ Đạt Ma đã được ghi rõ trong câu Kệ, đâu có gì bí mật mà phải Tham cho mất thì giờ?:

"Ta cốt sang Trung thổ.

Truyền Pháp cứu mê tình!"

Vậy mà câu này cho tới hiện giờ cũng có nhiều vị Thầy tiếp tục bảo đệ tử «cố gắng mà Tham». Chẳng hiểu để ngộ ra điều gì có liên quan đến sinh tử, Vô Thường của Đạo Phật hay không?!

Việc của Tổ, Ý của Tổ thì Ngài đã làm xong. Còn điều quan trọng của chính người tu: Ý mình sẽ đi đâu? Làm gì? Học gì? Làm như thế nào? Sao không tìm để hiểu, để thực hiện? Chuyện mình chết sống gần kề không hay, lại toan mở miệng để bàn việc người! Chỉ sợ phụ người đã nêu câu hỏi, còn mạng sống của chính mình lại không quan tâm!

Kết luận:

Có lẽ Hoà Thượng thấy cả đám mãi lo tham quán chuyện người nên phải nhắc khẽ như thế, may ra họ suy nghĩ rồi giật mình, lo quay lại mà "*hồi quang phản chiếu*" chẳng?!. Còn nếu cứ tiếp tục Tham Công Án này thì xin đọc hai câu Kệ đã trích dẫn cho đỡ phí thì giờ vô ích.

*** CÔNG ÁN THỨ SÁU**

PHẬT CẨM HOA

*** Công Án:**

Thế Tôn xưa tại pháp hội núi Linh Sơn, cầm cành hoa giơ lên trước chúng. Bấy giờ mọi người đều làm thính, chỉ có Ngài Ca Diếp rạng mặt mỉm cười. Phật dạy:

- Ta có nhãn tạng chính pháp, diệu tâm Niết Bàn, tướng thực không tướng, pháp môn vi diệu, chẳng lập thành văn tự, truyền riêng ngoài giáo này trao cho Ông Ma Ha Ca Diếp.

Lời Giải :

Ngài Ma Ha Ca Diếp là Đại đệ tử của Đức Thích Ca theo học với Phật từ những ngày đầu mới nhóm tăng chúng. Bao nhiêu Pháp Ngài đã thuộc. Bao nhiêu lý nghĩa, thiền định, trí tuệ, giáo pháp của Phật... đều đã tinh thông. Ngài là một trong những vị mà trong mỗi phần đầu Kinh, khi nhóm họp đồ chúng để giảng pháp ta thường thấy mô tả là: «*Đã chứng được Năm phần Pháp Thân*», tức là Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến đã đầy đủ.

Như thế, thật ra chẳng cần mỉm cười thì trình độ của Ngài CA DIẾP cũng đã được khẳng định, Ngài nở nụ cười lúc đó, vì đã nắm rõ ý nghĩa mà Phật muốn nói: Phật cầm cành hoa Sen đưa lên, để nêu lên ý nghĩa Đạo Giải Thoát của Ngài. Loài Hoa sen, sống trong bùn mà vẫn nở hoa thanh khiết, không bị bùn làm cho ô nhiễm. Chính vì vậy mà Hoa Sen được dùng làm biểu tượng của Đạo Phật. Ví thế, người tu hành theo Đạo Phật là để được như giống như Hoa Sen, là tuy sinh ra và lớn lên trong phiền não, vẫn tiếp tục sống ở đó mà không bị phiền não làm cho ô nhiễm, gọi là được Giải Thoát. Chẳng phải là Tây Phương Cực Lạc, Đông Phương tịnh Quốc đầy đầy Bảy báu, hay các Quả vị, các cõi... mà Phật vẫn dùng đó làm phương tiện để dụ con người ham thích, vọng về đó mà sống tốt đẹp hơn và bớt đeo bám cảnh trần để bớt khổ. Phật biết Ngài Ca Diếp Giới, Hạnh, Trí, Đức đã đầy đủ, nên trước chúng hội tuyên bố trao Y, Bát cho Ngài để thay mình cầm nắm Chánh Pháp, thống lãnh đồ chúng và hướng dẫn cho lớp người sau.

Những kẻ hậu học ngày nay chỉ mong tu tắt, tới cao! Đạo chẳng muốn học. Đức chẳng muốn tu. Chỉ chăm chăm rình mò để mong được truyền Y Bát, cầm đầu tăng chúng. Họ cứ tưởng rằng Chánh Pháp được truyền bởi những việc làm vu vơ. Tưởng rằng Ngài Ca Diếp được truyền Y nhờ cái Cười đó, nên cho Nụ Cười đó là: «Đốn Giáo», là "*Bất lập văn tự*", "*Giáo ngoại biệt truyền*"! Thậm chí thấy Thần Hội bị đánh mấy gậy khi gặp Lục Tổ đối đáp, cũng cho đó là con đường dạy tắt, học tắt, để sáng chế ra pháp môn "Đả thiên, đả thất". Ai hỏi gì cũng quát, cũng đánh! Họ không đọc Pháp Bảo Đàn Kinh, để thấy rằng sau khi bị đánh đó, Thần Hội phải tiếp tục theo hầu Lục Tổ đến mười mấy năm mới có Pháp. Lúc Lục Tổ thông báo sẽ ra đi mới được "*thần sắc tự nhiên, không động*". Sau khi Lục Tổ tịch 16 năm mới mở ra giảng dạy. Đâu phải bị đánh ba gậy là đã kiến tánh, mở ra dạy đạo ngay!

Trong Phật Pháp không bao giờ có những chuyện ngẫu nhiên được truyền Y Bát. Thậm chí như Ngài A Nan, thuộc pháp «*như nước trong bình đổ ra, không sót một giọt*» mà còn không được truyền, vì chưa đủ Đức, đủ Hạnh. Người Tu Phật vì thấy cuộc đời là Bể Khổ, muốn nương Phật Pháp để giải Khổ. Theo Đạo Phật, sở dĩ con người phải Khổ là vì cái Vọng Tâm, tức cái Tâm Mê Lắm. Các tướng hữu vi không thật mà cho đó là thật, rồi bám lấy, cho nên phải Khổ. Vì vậy, Giáo Pháp của Đạo Phật giải thích để người tu hiểu chỗ lầm chấp của Cái

Tâm, rồi SỬA hay Hóa Giải nó, để nó không còn dính mắc với các tướng hữu vi thì sẽ được Giải Thoát.

Người thật tâm tu, tốt hơn hết, thay vì thắc mắc về Y, Bát, tìm xem tại sao Ngài Ca Diếp lại cười, cười như thế nào mà lại được truyền Y? Như lời Ngài Vô Môn bình: «*Giả sử cả đám cười thì Y Bát đủ đâu để truyền*»? Thế nào là "Giáo ngoại biệt truyền"? Toàn là những câu hỏi vô ích, không liên quan gì đến công việc tu hành! Thay vào đó, tại sao ta không thắc mắc xem tại sao mình cần Tu? Tu để được gì? Muốn được cần phải làm gì? Cần xả những gì? Cần Hành những gì? Có phải có lợi cho đường tu hơn không?

Kết luận:

Ngũ Tổ đã nói rõ: Y Bát chỉ là vật để làm tin. Quan trọng hơn cả là việc tu sửa của chính mình. Chưa biết người trước tu gì? Tu thế nào để được Truyền Y? Thay vì nghiên cứu con đường tu hành lại cứ chầm chầm nghiên cứu cái CUỒI của Ngài Ca Diếp, mơ có ngày nắm được để lĩnh hội "Giáo ngoại biệt truyền", cầm đầu tăng chúng, nắm giềng mối đạo, thay người trước để rao giảng Đạo... Thì quả là óc tưởng tượng lợi, danh của những người này đối với con đường tu phong phú thật.

*** CÔNG ÁN THỨ BẢY**

TRIỆU CHÂU RỬA BÁT

*** Công Án:**

Một ông Tăng hỏi Ngài Triệu Châu:

- Tôi mới vào Chùa, xin Ngài dạy cho.

Sư hỏi:

- Ăn cháo chưa ?

Ông đáp:

- Ăn cháo rồi.

Sư nói:

- Rửa bát đi.

Ông Tăng liền ngộ.

Lời giải:

Không ngờ cái Ngộ của nhà Thiền lại quá đơn giản đến như vậy! Nếu chỉ ăn cháo, rửa bát mà ngộ thì hẳn ngày nay con số Phật Thánh đã nhiều hơn cát sông Hằng!

Chẳng lẽ cứ vô Chùa ăn cháo, rửa bát thì ngộ! Trong Chùa ngày nào chẳng ăn cháo, chẳng rửa bát, vậy thì đến nay đã được bao nhiêu người ngộ? Cái Ngộ đó là ngộ gì và khác với phàm phu ăn cháo, rửa bát chỗ nào không thấy Ngài Vô Môn giải thích thêm?! Hay ý Ngài muốn nói rằng cứ những việc tầm thường, đơn giản mà làm rồi cũng sẽ Ngộ?

Tưởng tượng sau đó ông Tăng nọ mang cái Ngộ của mình ra phổ biến. Lại mở ra dạy cứ ăn cháo, rửa bát, thì Phật Pháp chẳng hoá ra tầm thường, chẳng còn ý nghĩa gì để phải Xuất Gia, thọ trì đọc tụng Kinh điển, tu hành chi nữa!

Kết Luận:

Nếu đó là Công Án cần soi thì oan cho chùa chiền, oan cho Đạo Phật quá!

CHƯƠNG IV

BÌNH LUẬN NHỮNG CÔNG ÁN TRONG VÔ MÔN QUAN

CÔNG ÁN THỨ TÁM

HỀ TRỌNG CHẾ XE

***Công Án:**

Hoà Thượng Nguyệt Am hỏi một ông Tăng:

- Hề Trọng làm bánh xe trăm gọng. Năm hai đầu, bỏ trục đi, thế nghĩa là sao?

Lời giải:

Không thấy Công Án này có ý nào liên quan đến Phật Pháp! Bánh xe này chẳng phải là bánh xe Pháp, cũng chẳng phải là bánh xe Luân hồi của Đạo Phật, mà thuần túy là bánh xe trần tục với gọng, trục! Rõ ràng Thầy đang quan tâm xét chuyện người ngoài, lại còn muốn trò cũng thắc mắc giống như mình!

Giả sử người chế xe trước kia, nay vào nhập môn tu hành, nhờ bánh xe mà đắc pháp, thì nói chuyện xe cộ còn hợp lý. Vị Tăng đang ở trong Chùa lẽ ra chỉ nên nghĩ nhớ tới Phật. Lo nhất niệm, không buông lỏng tư tưởng. Lo Tham Thoại đầu, chết sống không buông như nhà Thiền vẫn dạy. Sao không ra một thoại đầu nào liên quan đến việc tu hành, như Sinh Tử, Vô Thường, Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo...?

Kết luận:

Công Án này kể cũng đáng cho người sau ngạc nhiên. Không hiểu tại sao Hoà Thượng ở chùa mà không nhắc đến việc học Phật cho đệ tử. Không dạy Tư Duy, Quán Sát, Giới, Định, Huệ... mà Tâm của ông ta lại đặt ở nhà Hề Trọng nhỉ?

CÔNG ÁN THỨ CHÍN

PHẬT ĐẠI THÔNG TRÍ THẮNG

***Công Án:**

Một ông tăng hỏi Hoà Thượng Hưng Dương Nhưộng:

- Phật Đại Thông Trí Thắng ngồi tu mười kiếp ở đạo trường, PHẬT PHÁP không hiển hiện, không thành được Phật đạo, thế nghĩa là sao?

Sư nói:

- Hỏi thật hay!

Ông Tăng nói:

- Đã ngồi tu ở đạo trường, sao lại không thành được Phật Đạo?

Sư đáp:

- Vì ông ấy không thành Phật.

Lời giải:

Lâu lâu mới thấy được một Thiền Sinh có một thái độ rất nghiêm túc, một câu hỏi thật xác đáng, mong người Thầy mở lối để học trò học hỏi, thế mà lại chẳng may gặp nhầm Thầy dốt, trả lời huề trớt: "*Vì ông ấy không thành Phật!*"

Người trò đã thắc mắc rất đúng. Việc tu học, thiền định chẳng phải là để được Thành Phật hay sao? Đã ngồi tu ở đạo trường, trên nguyên tắc là phải thành Phật, nhưng THEO KINH ĐIỀU PHÁP LIÊN HOA viết: "*Vì Phật Pháp chẳng hiện ra trước nên chẳng thể thành Phật*", vậy thì: Thế nào là Phật Pháp? Làm sao cho Phật Pháp hiện ra?

Điều này trong Kinh có viết rõ: "*Phật Đại Thông Trí Thắng ngồi xếp bằng, thân và tâm không động, mà các Phật Pháp còn chẳng hiện ra trước*". Tức là nói về những người Ngồi Thiền Định, nhưng ngồi theo kiểu ý ra đó, Thân, Tâm bất động mà Kinh Duy Ma Cật gọi là "Ngồi sống ở đó"! Cứ ngồi sống ở đó thì làm sao thấy được, hiểu được gì thêm? Kiểu Ngồi đó Kinh Duy Ma Cật, Pháp Bảo Đàn Kinh đều chê! Hoà Thượng Hoài Nhượng cũng từng lượm gạch mài trước am của Mã Tổ khi còn là thiền sinh đang tọa Thiền, để khai mở cho Ngài rằng: "*Gạch mài không thể thành kính, Ngồi Thiền không thể thành Phật được!*"

Muốn biết nên Ngồi Thiền như thế nào cho đúng, người tu cần đọc Kinh để thấy Phật dạy, Ngồi Thiền là phải: Thiền Quán, Thiền Minh Sát, để nhờ đó mà thấy, mà hiểu ra những điều cần hiểu, cần hành của Đạo, không phải chỉ "Ngồi sống ở đó" càng lâu càng tốt!

Ngài Đại Thông Trí Thắng nhờ chuyển cách Thiền, làm cho Phật Pháp hiện ra. Đó là lúc Ngài thấy được các chúng sanh của Ngài, KINH ĐIỀU PHÁP LIÊN HOA viết: "*TRONG CÕI NƯỚC ĐÓ CHỖ TỐI TẮM ÁNH SÁNG CỦA NHỰT NGUYỆT KHÔNG SOI TỚI MÀ ĐỀU ĐẶNG SÁNG RỠ, TRONG ĐÓ CHÚNG SANH ĐỀU ĐẶNG THẤY NHAU, ĐỒNG NÓI RẰNG: "TRONG ĐÂY TẠI SAO BỔNG SANH RA CHÚNG SANH"*".

Trong Cõi Tâm của Ngài, cũng như của mỗi chúng ta đều có đủ loại tư tưởng mà Đức Thích Ca giả gọi là những nhân vật và đặt cho

những định danh: Từ Chư Phật, Bồ Tát, cho tới trời, rồng, thần, dạ xoa, càn thát, chúng sanh... Mỗi nhân vật lại có nhiệm vụ riêng:

- PHẬT tượng trưng cho những tư tưởng đã rốt ráo thanh tịnh, được về ở riêng một nơi gọi đó là Nước Phật hay Niết Bàn.

- BỒ TÁT là những tư tưởng đã thông suốt, đang làm nhiệm vụ hướng dẫn cho những tư tưởng gọi là Chúng Sinh, gọi là làm công việc "Độ Sinh".

CHÚNG SINH LÀ những tư tưởng còn vướng mắc, đau khổ, vọng động... mà Bồ Tát có nhiệm vụ giải cứu, để chúng cũng được về chỗ an ổn thanh tịnh.

Muốn thành Phật thì phải Độ Sinh. Phật Đại Thông Trí Thắng lúc ban đầu ngồi thiền ở đạo trường, dù thân tâm không động. Nhưng không thấy chúng sinh. Không độ chúng sinh, nên không thành Phật được. Cho tới lúc thấy rõ những chúng sinh, độ được chúng bằng Phật Pháp thì mới thành Phật được. Điều này được viết rõ trong Phẩm Hoá Thành Dụ.

Khi chưa được Giải Thoát, thì những hạng chúng sinh đều có đủ mọi thứ chấp nhất mà chúng kiên trì cứ bám lấy. Cái chấp nhất, ôm giữ này Phật tượng trưng cho cung điện nơi chúng trú ngụ. Khi tất cả đều hiểu được giá trị của Phật Pháp, cùng mang cung điện của mình - tức những sự chấp nhất của mình - đến để cúng dường cho con đường Giải Thoát để xin Phật chỉ bày các pháp tướng độ chúng sanh đau khổ. Lúc đó Phật mới nhận lời chuyển pháp luân, đánh trống pháp, mở đường Niết Bàn, giảng các môn Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, khiến cho tất cả đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Do đó khi Ngài Đại Thông Trí Thắng soi rõ Nội tâm, thấy tất cả cảnh giới của Tâm. Giảng nói, độ cho chúng sinh nơi nội tâm của Ngài, nên Ngài mới thành Đại Thông Trí Thắng Phật, vì đã độ thoát cho tất cả chúng sinh.

Đó là chỗ mà người tu cần Tham để thấy, để hiểu, để Hành. Vì nếu chưa biết Phật Đại Thông Trí Thắng làm gì để Thành Phật thì làm sao ta có thể theo cách của Ngài để thực hiện cho bản thân? Nếu tu Phật mà không thành thì tu làm gì? Và điều quan trọng người tu cần hiểu là: "Thành Phật" chỉ là "Thành tựu con đường giải Thoát khỏi Sinh Lão Bệnh Tử" cho bản thân mình. Không phải là để thành Ông Phật có

32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp được Tam Thiên Đại Thiên thế giới tôn sùng, như trong Kinh Phật dùng phương tiện để mô tả. Do đó, người không hiểu rõ thường hay tưởng lầm, rồi khởi tăng thượng mạn nếu có chút gì tưởng rằng mình đã Đắc, đã Thành!

Kết luận:

Ông thầy này kể ra cũng còn hiền. Công Án này chứng tỏ người Thầy không đọc Kinh, không có Pháp. Chưa làm Hạnh Bồ Tát. Chưa biết con đường Độ sinh, nên khi học trò hỏi thì không biết đường trả lời! Cũng may cho người hỏi là chưa bị đánh, bị đập như đồ đệ của các Thầy khác!

CÔNG ÁN THỨ MƯỜI

THANH THOÁT NGHÈO KHỔ

***Công Án:**

Một Ông Tăng hỏi Hoà Thượng Tào Sơn:

- Thanh Thoát này nghèo khổ, xin Ngài cứu giúp.

Sư nói:

- Thầy Thoát!

Ông Tăng đáp:

- Dạ.

Sư nói:

- Rượu Thanh Nguyên vốn sẵn của nhà, đã uống xong ba chén sao còn bảo chưa dính môi?

Lời giải:

Một người hỏi tục đế, một người đem đệ nhất nghĩa đế ra mà đáp! Đạo Phật là Thực chứng, phải đâu Tưởng Chứng! Đâu phải nghe nói mình có viên châu trong áo đã thò tay vào túi lôi ngay ra được! Đâu phải biết rằng có viên ngọc rớt trong ao rồi lặn xuống là lấy lên ngay! Chính vì thế mà cần Phương Tiện là Thiền Quán, là 37 Phẩm trợ

đạo, là Tứ Nhiếp, là Lục Độ, Vạn Hạnh. Trong Chính Kinh, Phật cũng không có lối dạy tắt nói ngang, mà dặn dò người tu học phải "sắp xếp đồ chúng" trước khi an cư tu tập, tức là những việc gì của đời còn làm vướng bận thì cũng nên sắp xếp, giải quyết theo cách của đời để được yên tâm mà tu tập. Lục Tổ trước khi vào Chùa cũng phải thu xếp ổn định việc ăn ở cho thân mẫu, đâu phải nói đi tu là dứt áo ra đi, mặc kệ tất cả!

Bảo người ta giàu trong khi họ đang đói rách tả tơi thì người nghe khó chấp nhận. Rõ ràng Phật dạy mỗi chúng sanh đều có Phật Tính, nhưng mấy ai Ngộ được cái Phật Tính đó? Dù Phật đã thọ ký "Chúng sanh là Phật sẽ thành", nhưng cho đến nay đã được bao nhiêu người thành Phật?

Vì thế, người thực chứng phải là người đã làm xong cho bản thân mới biết cách để chỉ lại cho người sau. Không thể chứng đắc bằng cái Tưởng. Không thể tưởng mình đã nhận gia tài của người cha trưởng giả, tưởng mình đang giàu có trong khi bản thân đang nghèo khổ. Chính vì vậy mà người chưa chứng đắc không chỉ được cách để sau cũng chứng đắc như họ.

CÔNG ÁN THỨ MƯỜI MỘT

TRIỆU CHÂU KHÁM CHỦ AM

***Công Án:**

Ngài Triệu Châu ghé thăm một chủ am, hỏi:

- Có chăng, có chăng?

Chủ am giơ nắm tay lên. Sư nói:

- Nước cạn không phải chỗ đậu thuyền.

Lại ghé một am khác, hỏi:

- Có chăng, có chăng?

Chủ am cũng giơ nắm tay lên. Sư nói:

- Buông được, bắt được, giết được, cứu được.

Bèn bài lễ.

Lời giải:

Việc này có lẽ phải hỏi Ngài Triệu Am, vì chính Ngài vừa ra đề, vừa giải đề. Kinh người hay kính người cũng chỉ do một mình Ngài. Người Tham cái gọi là Công Án này lại cũng sẽ bị kẹt vì còn ai để phân rõ đúng sai.

Kết luận:

Tốt nhất nên gặp Ngài Triệu Châu để hỏi cho rõ, đừng bỏ thì giờ thắc mắc xem tại sao, vô ích!

CÔNG ÁN THỨ MƯỜI HAI

THOẠI NHAM GỌI ÔNG CHỦ

*Công Án:

Hòa Thượng Thoại Nham Ngạn hàng ngày tự kê:

- Ông chủ!

Rồi tự đáp:

- Dạ.

Lại nói:

- Tỉnh táo nhé!

- Dạ.

- Mai kia một nọ đừng để người gạt nhé!

- Dạ, dạ.

Lời giải:

Hai tình trạng: Vô Minh và Trí Huệ trong một con người hẳn là điều mà Hòa Thượng Thoại Nham đang muốn nói đến. Nhưng thực ra Vô Minh đâu phải để bị người gạt mà chính là ta tự gạt! Trí Huệ cũng chẳng phải của ai khác, chẳng ở đâu xa, mà là Vô Minh của chính ta

sau khi đã trừ đi Tam Độc bằng những phương tiện Trì Giới, Thiền Quán của Đạo Phật. Nhưng hình như Hoà Thượng này chưa nhận ra để làm, chỉ ngồi đó kêu sưông thì ích lợi gì? Nếu Ngài đã làm thì đâu cần kêu!

Kết luận:

Nếu người Tham câu này cũng tiếp tục bắt chước người trước, hàng ngày cứ kêu lên như thế, thì rõ ràng đang bị người trước gạt mà không hay!

CÔNG ÁN THỨ MƯỜI BA

ĐỨC SƠN BỤNG BÁT

*Công Án:

Một hôm ngài Đức Sơn bụng bát ra khỏi thiền đường. Tuyết Phong hỏi:

- Cái lão già, chuông chưa gióng, trống chưa điểm mà bụng bát đi đâu?

Sư liền lui về phương trượng.

Tuyết Phong kể chuyện lại cho Nham Đầu. Nham Đầu nói:

- Đường đường là Hoà Thượng Đức Sơn mà chưa hiểu câu nói tối hậu.

Sư nghe được, sai thị giả gọi Nham Đầu và hỏi:

- Ông chê lão tăng à?

- Nham Đầu nói rõ ý mình. Sư bèn thôi.

Hôm sau Sư thăng đường, quả nhiên khác vẻ thường. Nham Đầu ra trước chúng vỗ tay cười lớn nói:

- Cũng may lão già biết câu tối hậu. Mai một thiên hạ chẳng ai làm gì nổi lão.

Lời giải:

Học trò gọi thầy bằng lão già này, lão già nọ thì thật là hỗn láo, không thể chấp nhận được. Hơn nữa đây lại là một chốn thiền môn thì có vẻ thiếu tôn ti trật tự quá! Thầy làm sao còn dạy bảo ai!

Học trò lại bảo được câu tối hậu cho thầy! Thầy phải chờ bảo nhỏ vào tai thì mới hiểu, rồi hôm sau đổi thái độ, thật chẳng ra làm sao! Rõ ràng Thầy đang được trò chỉ bảo cho!

Dù rằng *"Con hơn cha là nhà có phúc"*. Nhưng Thầy mà để trò dạy cho sao còn đáng mặt Thầy? So sánh với trường đời, chẳng lẽ môn quy của Thiền Viện lại thua phàm phu, dạy nhau: *"tôn sư trọng đạo"*, *"kính thầy mới được làm thầy"* sao nhỉ? Đọc Công Án này ta thấy lẽ ra Tuyết Phong và Nham Đầu phải là Thầy thì đúng hơn, vì còn bảo được cho Thầy *"Câu tối hậu"* để *"mai một thiên hạ không ai làm gì nổi lão"*!

Kết luận:

Cửa Thiền này đóng bằng gỗ tạp. Âm sư xuất loạn đồ!

CHƯƠNG IV

BÌNH LUẬN NHỮNG CÔNG ÁN TRONG VÔ MÔN QUAN

CÔNG ÁN THỨ MƯỜI BỐN NAM TUYỀN CHÉM MÈO

*Công Án

Tặng chúng hai chái Đông Tây tranh nhau con mèo.

Hòa Thượng Nam Tuyền giơ con mèo lên mà nói:

- Các ông nói được thì tha, không nói được thì chém.

Chẳng ai biết nói sao. Sư bèn chém con mèo.

Đến tối Triệu Châu về, Sư bèn kể chuyện lại cho nghe. Triệu Châu bèn cởi dép, để lên đầu mà đi ra.

Sư nói: Nếu lúc ấy có ông thì cứu được con mèo rồi!

Lời giải:

Cả hai chái tăng chắc không lo thiền quá, Tham Công Án nên rảnh rang đi giành nhau con mèo tội nghiệp. Thầy cũng quên lời Phật dạy phải Từ Bi, phải “thương xót chúng sinh dù là giống côn trùng nhỏ nhít”, vì chúng cũng biết quý mạng sống.

Con mèo có lỗi gì đâu, sao không dạy học trò cho nghiêm lại đi giết nó! Giết xong tối lại còn thản nhiên kể lại cho người khác nghe với lời nhận xét: “*Nếu lúc ấy có ông thì cứu được con mèo rồi*”, làm người đọc đến đây cũng thấy xốn xang, không hiểu sao Giới Sát lại bị xem thường đến như vậy.

Đâu là môn quy? Đâu là trật tự trong Chùa? Đâu là Giới, là Hạnh của Phật truyền, để họ là những bậc tu hành mà những thí chủ phàm phu vì bận lo làm ăn không tu được nên thành tâm cúng dường, để cho họ được rảnh rang tu học rồi sẽ dạy lại cho mình, sẽ độ cho mình!?

Chỉ có con mèo mà tranh nhau, thầy dạy không nổi, liệu đám Tăng đó sau khi mèo chết còn giành thứ gì khác nữa đây?! Đó cũng là Thiền Môn thanh tịnh mà người đời thường nhìn vào đó để kính ngưỡng, tôn trọng đó sao?

Kết Luận: Mèo ơi! Phải chi mày đừng bày đặt bon chen, ở yên nơi trần tục, đừng chui vào chùa để mong nắp bóng từ bi thì đâu đến nỗi sớm chết. Các Thiền Sư ở đó có coi Giới của Phật ra gì đâu?!

CÔNG ÁN THỨ MƯỜI LĂM BA HÈO CỦA ĐỘNG SƠN

*Công Án:

Ngài Vân Môn nhân Động Sơn đến tham học.

Sư hỏi:

- Mới từ đâu đến?

Động Sơn đáp:

- Tra Độ.

Sư lại hỏi:

- Hạ an cư ở đâu?

Động Sơn đáp:

- Chùa Báo Từ ở Hồ Nam.

Sư hỏi tiếp:

- Rời Chùa hôm nào?

Động Sơn đáp:

- Hai mươi lăm tháng tám.

Sư nói:

- Tha cho ông ba hèo.

Sáng hôm sau Động Sơn lên tham, hỏi:

- Hôm qua đội ơn Ngài tha cho ba hèo, không biết lỗi tôi ở đâu?

Sư nói:

- Cái túi cơm, cứ thế mà đi Giang Tây, Hồ Nam.

Động Sơn nhân đó bèn ngộ.

Lời giải:

Ý Ngài Vân Môn muốn Động Sơn trả lời là "Chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu", trong khi thực tế là Động Sơn đi đủ nơi, đến đủ chỗ, còn nhớ như in ngày tháng!

Thà như Ngài Động Sơn mà còn thực tế, còn có thể tu hành tiến bộ được hơn, vì cái Thân Tứ Đại đâu có phải là Như Lai. Nó lù lù một đống ra đó. Nó lên ghe, xuống thuyền, ăn ngủ, trò non, lội suối đến đây. Bảo nó là Như Lai sao được!

Pháp Tánh thì mới không tới, lui, xuống lên, bất động. Nhưng Pháp Tánh thì vô tướng, ở trong Pháp tướng, đi theo pháp tướng, đâu thể để ở nhà?! Thế mà Ngài Vân Môn chỉ muốn đánh người vì không trả lời được như ý mình. Nếu Động Sơn đã thành Như Lai thì còn lặn lội đến tìm thầy để tham học làm chi!

Kết luận: Chưa chắc ai đáng nhận ba hèo!

CÔNG ÁN THỨ MƯỜI SÁU

NGHE CHUÔNG MẶC ÁO

*Công Án:

Ngài Vân Môn nói :

- Thế giới rộng lớn như vậy, sao nghe chuông lại mặc áo thất điều?

Lời giải.

Cũng lại Ngài Vân Môn! Ngài muốn người tu xong rồi thì căn trần đóng chặt. Không thấy, không nghe những gì đang xảy ra chung quanh mình! Ngài có tưởng tượng đến giờ Ngọ, tăng chúng mời thầy thọ trai mà Thầy không nghe thì sẽ ra như thế nào? Rồi nếu cứ liên tục như thế cái thân phàm của Ngài sẽ ra sao? Rõ ràng lý một đàng, sự một nơi, không thể áp dụng vào cuộc sống thực tế được. Người tu cho đến đâu thì cái thân tứ đại vẫn còn, Lục căn vẫn

còn, đâu có vất đi đâu. Vẫn phải mặc áo, ăn cơm. Chỉ cần điều phục những cái Khởi của Vọng Tâm rồi dùng lại, đâu có triệt tiêu nó.

Đọc trong Kinh Kim Cang, ta thấy đức Thích Ca cũng bưng bát đi khát thực. Cũng trải toạ cụ mà ngồi. Cũng thọ trai như mọi người. Đệ tử hỏi pháp Ngài cũng nghe rõ những câu hỏi và giải đáp rõ ràng. Đâu phải không nghe thấy gì sau khi đắc đạo? Vì nếu không còn thấy các đệ tử phạm luật để răn đe. Không thấy các tín chủ đến tham vấn, cầu học. Không nghe những gì họ hỏi để giải thích cho đúng lẽ đạo, thì người tu xong thành ra thứ gì? Chẳng lẽ tu xong là mọi thứ đảo lộn, đen trắng không phân, trở thành đui, điếc?

Kinh Đại Bát Niết Bàn viết: "*Với Như Lai ngày vẫn là ngày, đêm vẫn là đêm*". Lục Tổ cũng dạy: "*Tánh của trí huệ là hay phân biệt*", đâu có vì thành đạo mà nói năng cư xử khác với thế gian! Vì thế, nếu người tu, sau một thời gian hành trì mà sự hiểu biết, nhận xét đảo lộn thì cẩn thận!

Kết luận: Hiểu sai Phật Pháp. Nghĩ rằng điều phục lục căn là phá hỏng lục căn.

CÔNG ÁN THỨ MƯỜI BẢY QUỐC SƯ GỌI BA LẦN

*Công Án:

Quốc Sư ba lần gọi thị giả, thị giả dạ ba lần.

Sư nói:

- Tưởng đâu ta phụ người, té ra người phụ ta.

Lời giải:

Tu là để sửa Cái Tâm, để gỡ những dính mắc nơi các Căn, vì đó là nơi khởi ra những phiền não. Đâu phải để phá hư căn Tai, căn Khẩu mà không nghe, không thưa, trở thành những người câm, điếc vô tri!

Thầy nghĩ sao nếu gọi trò mà nó cứ lờ đi, giả điếc? Gọi người ta mà muốn người ta đừng nghe, đừng đáp. Trong khi đó theo chánh pháp thì người tu có xong thì cũng ở trong cái Thân tứ đại giả hợp này. Vẫn nghe, biết, cảm nhận. Nhưng quan trọng là không dính mắc. Không còn khởi phiền não, tham, sân, si, chớ đâu phải trở thành vô tri, vô giác! Tu hành, học đệ nhất nghĩa để để mang ra áp dụng và cuộc sống mà không dính mắc. Người tu, lúc hành xử thì vẫn phải ở trong thế để, nhưng trụ nơi Trung Đạo, để dù Thấy, Nghe tất cả, hành xử với các pháp mà không còn khởi Tham Sân Si, đâu phải trụ nơi đệ nhất nghĩa để có nghĩa là rời hết thấy, nghe!

Kết luận: Công án như thế này cũng dễ làm cho người suy diễn, tưởng như chứng đắc là phải trở thành bất thường, nói năng tối nghĩa, hành vi lập dị mới là cao siêu! Cần thận!

CÔNG ÁN THỨ MƯỜI TÁM BA CÂN MÈ CỦA ĐỘNG SƠN

*Công Án:

Một ông Tăng hỏi Hoà Thượng Động Sơn.

- Phật là gì?

Sư đáp:

- Ba cân mè.

Lời giải:

Theo công án này thì nếu Chùa gieo trồng mè sẽ có được vô số Phật! Qua đó ta thấy các Hoà Thượng xuất thân từ Thiền Môn nói năng quá bừa bãi, cao ngạo! Phật là mè thì các vị ấy chẳng lẽ vàng khối, kim cương dù đang mượn phương tiện của Đạo Phật, hình ảnh của Đạo Phật để ngày ngày được thí chủ cúng dường cho, ăn trên, ngồi trước, được nhàn thân mà tu hành. Những lời đó chứng tỏ bản thân họ thiếu Giới, thiếu Hạnh “Thường Bất Khinh Bồ Tát” nên không được cái: “Thân, Khẩu, Ý Ba Nghiệp thanh tịnh” của người tu! Thế mà còn dám mở miệng ra để giảng dạy cho người!

Lẽ ra khi thấy người trò hỏi một cách nghiêm chỉnh thì người Thầy cũng phải trả lời một cách đứng đắn để khai mở cho trò. Đàng này Thầy mở miệng ra nói lời vô nghĩa, quá coi thường Phật. Coi thường cả người đang thành tâm thưa hỏi!

Người tu được Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân dặn dò: Muốn báo đền ân Phật thì phải tìm hiểu Nhân Luận, Thanh Luận, để lời cho được tao nhã. Thân phải thanh tịnh để người trông thấy, nghe thấy sinh lòng kính trọng mình mà kính trọng cái Đạo của mình đang giữ để tin theo. Nhưng ở đây Thầy đã làm ngược lại!

Kết luận: Đầu óc Thầy chắc không có PHẬT, chỉ có mè, nên mở miệng ra là mè ra trước! Với câu trả lời như thế thì người Thầy đang tu gì? Sẽ thành gì? chẳng lẽ để thành mè, vì mè đáng nói đến hơn là Phật!

CÔNG ÁN THỨ MƯỜI CHÍN BÌNH THƯỜNG LÀ ĐẠO

*Công Án:

Triệu Châu hỏi Ngài Nam Tuyền:

- Đạo là gì?

Sư đáp:

- Tâm bình thường là đạo.

Triệu Châu hỏi:

- Đến đó được không?

Sư nói:

- Nghĩ đến đã sai.

Triệu Châu tiếp:

- Không nghĩ đến sao biết đó là đạo?

Sư nói:

- Đạo không thuộc chuyện biết hay không biết. Biết mà biết sai thì biết có ăn thua gì ! Nếu quả đến được đạo, bấy giờ cũng như thái hư, trống như khoảng khoáng, há có thể gượng cho là trái phải sao ?

Lời giải:

Đúng là "Tâm bình thường là đạo", nhưng để trở về với cái Tâm Bình Thường này Kinh dạy: Phải lâu ngày cần khổ, phải tu, phải hành, phải thí, xả và làm bao nhiêu Hạnh, để đâu nói về là về, nói đến là đến ngay được!

Phàm Phu thay vì dùng cái Tâm bình thường, đã dùng cái Tâm Bất bình thường theo nghĩa đạo, là đã nhuộm thêm Ba Độc: Tham lam, Sân Hận, Si mê mà chư Phật đã dùng biết bao nhiêu phương tiện để dạy cho hoá giải, thế mà còn trầy trật, còn rớt tới rớt lui, để đâu không nghĩ đến, tự nó sẽ có!

Đành rằng nếu biết mà biết sai thì không có nghĩa gì. Nhưng làm thế nào để Biết đúng? Thế nào là Biết đúng?

Nếu đến được đạo thì như thái hư, trống không, nhưng làm sao để đến?

Những lối dạy tắt như thế liệu có sinh được lợi lạc cho ai, hay chỉ làm cho họ thêm đoạn kiến, cho là chỉ cần "đừng nghĩ tới mọi việc", là xong con đường tu hành? Nếu tu học một thời gian để rồi chẳng còn phân phải trái thì làm sao để hướng dẫn cho lớp người đi sau vì họ cũng cần biết đâu là bờ bên kia? Cách nào để qua? Mà áp dụng, mà thực hành. Đâu phải tưởng rằng đã qua bờ là xong! Bảo rằng đừng nghĩ đến, thì làm sao biết đó là gì? Làm sao biết đường để đến?

Đạo Phật phân minh: Chánh, Tà, Mê, Ngộ, Phàm, Thánh, Địa ngục, Niết Bàn, Chúng sinh, Phật, Chân, Vọng... mỗi mỗi đều có những tính cách khác nhau để người tu phân biệt mà chọn lựa và cả cách thức để bỏ bờ này sang bờ kia

bằng những việc làm cụ thể. Kết quả từng bước được hướng dẫn rõ ràng mà đôi khi người tu còn nhầm lẫn, hiểu sai, hành sai. Hướng chỉ cứ cho là bỏ hết, đừng nghĩ tới là xong!

Kết luận: Rõ ràng Ngài Nam Tuyền chưa hiểu hết cái Lý của Đạo, nên nói được mà giải thích không thông. Đạo Phật dạy phải "Đắc cái Vô Sở Đắc". Có nghĩa là phải Đắc, phải Chứng, nhưng không thấy có MÌNH CHỨNG ĐẮC. Đâu thể đột giai đoạn, chưa Đắc mà được cái Vô Sở Đắc ngay được?! Người nghe, nếu cứ tin theo đó thì sẽ sinh đoạn kiến, không thể tu tiến được nữa.

CÔNG ÁN THỨ HAI MƯƠI

KỂ ĐẠI LỰC SĨ

*Công Án:

Hoà Thượng Tòng Nguyên nói:

- Kể đại lực sĩ, sao nhắc chân không nổi?

Lại nói:

- Nói không do miệng.

Lời giải:

Chắc chắn Hoà Thượng này đã phân rõ Thân, Tâm, đã thấy rằng chủ nhân ông là cái Tâm đang điều khiển cho cái Thân mọi hoạt động: nói, năng, cúi, ngược, nhìn, đi, đứng, nằm ngồi, tới lui... Nhưng thực ra, nếu chỉ một mình cái Tâm cũng không làm gì được, vì ý chí cũng cần có thủ hạ mới sai làm được, vì thế, người đời cũng nói là "lực bất tòng tâm", khi ý muốn mà thân không thực hiện nổi.

Lời nói từ cửa miệng mà ra. Thấy như là do miệng mà nói. Nhưng thật ra là do Thần thức điều khiển. Không phải tự cái miệng có lời, có ý để phát ra. Chúng mình điều này bằng cách nhìn người chết. Lúc đó sự sống, thần thức ra khỏi cái thân rồi, dù tay chân còn nguyên nhưng không hoạt động được. Miệng lưỡi vẫn còn mà đâu có nói được! Cho nên gọi là "nói không phải do miệng".

Dù vậy, cuộc sống là phải phối hợp cả hai, Thân và Thức mới hình thành một con người. Nhưng nếu thuần túy sống theo sự điều khiển của cái Thức Mê thì gọi là Phàm Phu, và người biết chuyển hoá cái Thức để nó trở thành Trí. Sau đó, cũng chính nó điều khiển cho cái thân chỉ suy nghĩ, chỉ làm theo những điều thiện thì gọi đó là người tu hành vậy.

CÔNG ÁN THỨ HAI MƯƠI MỐT

QUE CÚT CỦA VÂN MÔN

*Công Án:

Một Ông Tăng hỏi Ngài Vân Môn:

- Phật là gì?

Sư đáp:

- Que cút khô.

Lời giải:

Ngài Vân Môn gọi Phật là "*que cút khô*", thảo nào sản sinh ra cao đồ là Động Sơn cũng bắt chước gọi Phật là "*Ba cân Mè*"!

Thầy sao, trò vậy! Tâm, miệng của hai ông này không chứa được thứ gì sạch sẽ thơm tho, giá trị hơn thế sao? Vậy mà cũng lập ra Vân Môn Tông để dạy Thiền! Những lời như thế này mà cũng gọi là Công Án để người sau Tham học thì tội cho Thiền Sinh quá!

Có lẽ Thiền của Tông này toàn sinh ra những Phật như vậy, cho nên sau đó đã thất truyền! Vì nếu tu hành miên mật, Tham, Quán ráo riết để thành "*mè*", thành "*que cút khô*" thì ai chịu bỏ công sức để tu làm gì? Lời lẽ thiếu trang nghiêm và kiêu mạn đến thế là cùng! Bạn bè ngang hàng nhau còn không thể gọi nhau như vậy, huống Phật là bậc Giác Ngộ để lại cả một giáo pháp cho đời!

Ăn cơm Phật, ở nhà Phật còn trở lại phỉ báng Phật! Chỉ cần nghe những lời như thế thì đủ biết Thiền Sư này quá ư là cao ngạo, Nhân Thừa còn không có, làm sao có thể gọi là bậc chân tu, càng làm sao đủ đức để dạy người?! Vậy mà Ngài Vô Môn còn không hiểu được đó là những lời xúc phạm, còn lấy đó làm Công Án cho người sau Tham!

Kết luận: Không biết các vị Sư này có học bài nào về Nhân Quả hay không? Người đời còn biết câu: "Kính Thầy mới được làm Thầy". Người đã xưng bậc Thầy còn chẳng coi Đức Đạo Sư ra gì. Nếu những người hậu học cũng bày đặt bắt chước để nói theo Ngài để "báng Phật, chê Pháp" thì bao nhiêu tội, nghiệp ắt là Ngài phải lãnh hết!

CÔNG ÁN THỨ HAI MƯƠI HAI

CÂY SÁT CAN CỦA CA DIẾP

*Công Án:

Ngài A NAN hỏi Ngài Ca Diếp:

- Ngoài bộ Y vàng, Thế Tôn còn truyền cho Ngài gì nữa?

Ca Diếp gọi:

- A Nan!

A Nan:

- Dạ

Ca Diếp nói:

- Hãy lật ngược cây sát can ngoài cửa.

Lời giải:

Ngài A Nan học Pháp thuộc lâu, nhưng chưa hiểu. Hạnh chưa đủ. Đức chưa tròn. Chính vì thế mà khi chọn người để phú chúc, Thế Tôn phải trao cho Ngài Ca Diếp, vừa là Trưởng Lão, vừa đức hạnh vẹn toàn, lý sự viên dung.

Phật Pháp đâu có phải là bộ Y? Y Bát chỉ là tín vật để người khác nhìn thấy mà biết được rằng đó là người được giao phó trách nhiệm nối truyền Chánh Pháp của người đi trước. Việc “đắc pháp” được Chư Tổ, từ Đức Thích Ca, Truyền cho Tổ đầu tiên là Ngài CA DIẾP, cho đến người cuối cùng là LỤC TỔ HUỆ NĂNG cũng chỉ là TÂM và PHÁP.

Vì Đạo Phật là Đạo chỉ rõ mọi sai lầm, chấp nhất, tạo Nghiệp đều do cái VỌNG TÂM. Tu Phật là để trở về với CHÂN TÂM. Người Thầy cũng là người “Đắc được cái TÂM”, ấn chứng cho người trò nào cũng Thấy được cái TÂM nên Đạo Phật gọi là “Dùng Tâm Ấn Tâm” hay “Lấy Tâm truyền Tâm”, từ thế hệ này sang thế hệ khác, để làm cho ngọn đuốc Chánh Pháp được mãi thêm, sáng mãi. Soi cho hết bóng tối của Vô Minh đang ngự trị giữa cái Tâm mê mờ của con người.

Ngài A Nan lúc đó chưa nhận ra ý nghĩa của việc trao Y Bát. Thấy Y Bát chỉ là vật tầm thường, mỗi ngày Phật vẫn dùng, nên cho rằng hẳn Thế Tôn còn trao cho Ngài Ca Diếp thứ đặc biệt gì khác nữa. Vì thế nên Ngài Ca Diếp bảo Ngài A Nan “hãy lật ngược cây sát can ngoài cửa”, như hình thức bảo Ngài nên thay đổi cách nhìn lại cho đúng.

Đức Thế Tôn trước khi nhập diệt, biết rằng Ngài A Nan hiện tại không xứng đáng, chưa đủ đức hạnh, nhưng sau đó sẽ hoàn tất công việc tu hành. Vì thế Ngài đã dặn Ngài Ca Diếp sau đó giao lại Y Bát cho A Nan kế thừa để phát huy Đạo Phật. Kết quả là Ngài A Nan sau đó đã không phụ lòng mong mỏi của Đấng Đạo Sư. Hầu hết các chính Kinh còn lưu truyền cho đến nay đều nhờ Ngài A Nan ghi nhớ, đọc cho các đại đệ tử kiểm tra rồi ghi chép lại.

Đạo Phật chân chính sống mãi, vượt mấy ngàn năm không hề bị đào thải. Dù Y Bát không còn trao, nhưng dòng Chánh Pháp vẫn âm thầm, người đi trước TRUYỀN TÂM lại cho người sau, không lúc nào dứt diệt, nhờ vào tính chất

Chân, Thiện, Mỹ. Người tu không thích thế sự. Không màng lợi danh. Không đua vạy nịnh hót. Không bon chen tranh đấu. Chỉ lo tu sửa chính mình, để bản thân mình tốt đẹp mà chung quanh cũng được nhờ. Vì thế mà được gọi là Chánh Pháp, vì không đòi thống lãnh, đối trị người. Chỉ thống lãnh những chúng sinh loạn động nơi nội tâm. Lo đối trị với những cái xấu, cái ác của chính mình, để tâm được trong sáng, thanh tịnh.

Kết luận: Phật Pháp cao quý hơn thế gian pháp nhờ ở việc tu, sửa, không phải ở nơi Y, Bát.

CÔNG ÁN THỨ HAI MƯƠI BA KHÔNG NGHĨ THIÊN ÁC

***Công Án:**

Lục Tổ bị Thượng Toạ Huệ Minh đuổi theo đến núi Đại Diệu Lĩnh, Tổ thấy Huệ Minh đến, liền quăng Y Bát trên tảng đá mà nói:

- Áo này vốn để làm tin, há tranh đoạt được ư? Ông cứ việc lấy đi.

Huệ Minh toan lấy áo lên, thấy nặng trĩch như núi, tần ngần run sợ nói:

- Tôi đến cầu Pháp, chẳng phải vì áo. Xin hành giả khai thị cho.

Tổ nói:

- Không nghĩ thiện, không nghĩ ác. Ngay lúc ấy thì mặt mũi xưa nay của Thượng Toạ Huệ Minh là gì?

Huệ Minh liền ngộ, khắp mình đẫm mồ hôi, khóc lóc sụp lạy nói:

- Ngoài mặt ý, mặt ngữ đó ra, Ngài còn truyền thọ ý chỉ gì nữa chẳng?

Tổ nói:

- Điều tôi nói với ông đây không có chi là mật. Nếu ông tự quay nhìn mặt mũi chính mình, thì bí mật chính là ở phía bên ông.

Huệ Minh thưa :

- Tôi tuy ở trong Tăng chúng học Ngài Hoàng Mai thực chưa từng xét kỹ mặt mũi mình. Nay đội ơn ngài trở cho lối vào, như người uống nước, nóng lạnh tự hay. Giờ đây Ngài là thầy tôi vậy.

Tổ nói:

- Nếu được như thế, tất tôi cùng ông đều là học trò của Hoàng Mai. Nên tự giữ gìn cho khéo.

Lời giải:

Do không biết tu là gì? Tu để làm gì? Chỉ biết rằng nếu được truyền Y Bát là cả một vinh dự lớn, vì thay mặt Tổ, cầm nắm Chánh Pháp, dạy dỗ cả ngàn tăng chúng, uy tín lẫy lừng, nên khi nghe tin Y Bát đã được Lục Tổ mang đi, thì cả mấy trăm người còn lại trong Chùa rần rần kéo nhau đi tìm để tranh đoạt! Cho đến khi đỡ không lên, mới biết rằng Y Bát không phải là vật tầm thường có thể tranh dành, Huệ Minh hoảng sợ mới xin được nghe pháp!

Dù Huệ Minh đã chạy đến rượt đuổi Lục Tổ với đầy đủ tà tâm, ác ý, nhưng Phật Pháp và người tu Phật bao giờ cũng bao dung, "Sông mê quay đầu là bờ". Sám hối là hết tội. Nên Lục Tổ cũng sẵn sàng giảng cho nghe.

Trước khi giảng, Ngài bảo: "*Ông đã vì Pháp mà đến đây thì khá dứt hết trần duyên, chớ sanh một niệm tưởng. Tôi sẽ nói rõ Phật Pháp cho Ông nghe*".

Đó là căn bản tất yếu để học hỏi. Vì có nghe với cái Tâm thanh tịnh thì mới có thể tiếp thu tốt điều người giảng đang nói. Nếu Huệ Minh muốn nghe pháp. Nhưng nghe với cái Tâm cầu mong chứng đắc, đầy lao xao, động dậy chắc cũng không thể hiểu được gì! Và chúng ta cũng chỉ nên nghe pháp với cái Tâm như thế mới mong được lợi lạc.

Tổ nói cho Huệ Minh : "*Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính trong lúc ấy là tỏ cái bản lai diện mục của Thượng Toạ vậy*".

Cái Bản Lai Diện Mục hay cái Chân Tánh của mỗi người vốn như như, không động. Như gương soi khắp, chiếu khắp mà không phân biệt để yêu, ghét riêng tư hoặc giận hờn bực tức vì những hình ảnh không vừa ý soi vào. Đó là cái mà mỗi người tu đều phải cố gắng để trở về. Công năng đó gọi đó là tu hành. Phải làm các Hạnh Xả, Thí, Lục Độ, Bát Chánh Đạo, những phẩm trợ đạo v.v.. lại phải Thiền Định, Quán Soi, Tư Duy, để tìm cho được cái Lý đúng, sau đó áp dụng phần Lý này vào cuộc sống cho phù hợp với mục đích mà mình đang muốn đạt tới.

Sở dĩ người tu loay hoay làm đủ thứ mà không thành công là vì không rõ mục đích của Đạo Phật, và chưa có cái Phát Tâm chân chính. Thật vậy, quan sát cái Ngồi Thiền của Đức Thích Ca và của những người thời sau này ta thấy ra rõ ràng. Dù cũng là Ngồi khoanh tay, xếp chân, mắt lim dim... tại sao Đức Thích Ca ngồi có 49 ngày đêm mà đắc Đạo, còn người nay ngồi hoài không đắc? Nếu cho rằng do ngồi liên tục 49 ngày đêm mới đắc đạo thì chư Tổ về sau có người nào ngồi lâu như thế. Thậm chí Ngũ Tổ và Lục Tổ còn không dạy về Thiền! Lục Tổ cũng chỉ chẻ củi, giã gạo, đâu có thì giờ để Ngồi mà cũng đắc đạo?!

Do đó, trước khi Thiền thì chúng ta cần hiểu rằng Thiền chỉ là phương tiện để Đức Thích Ca tập trung tư tưởng mà tìm ra thủ phạm đã xây ngôi nhà Sinh Tử. Ngài có đối tượng để tìm, nên khi gặp thì biết là mình đã thành công. Người

ngày nay ngồi khơi khơi, chẳng biết để làm gì? Không biết rằng dù cái Thân không còn hoạt động vì bị trói lại đó, nhưng cái Tâm chạy nhảy khắp nơi. Chính vì thế mà buông ra thì đâu lại vào đó. Hoặc có người bị hôn trầm. Ngồi vào là ngủ. Đó là ngủ ngồi, đâu có phải Thiền Định? Đâu có phải nhập định? Do đó, người chưa biết rõ về Thiền, chưa đắc Thiền mà cứ ham làm Thầy rồi mở ra dạy người khác Thiền, coi chừng người học bị tẩu hỏa nhập ma thì tội cho họ, mà mình sẽ lãnh nghiệp không hay!

Mục đích THIỀN của Đức Thích Ca đã đạt được, là đã Thấy được cái CHÂN TÂM, sau đó Ngài mới lập ra phương tiện để hướng dẫn cho đệ tử. Muốn Thiền được thành công, người tu phải có người đã chứng đắc hướng dẫn. Thêm vào đó là phải hành rất nhiều phương tiện của Đạo để hỗ trợ. Bao giờ đầy đủ thì cũng sẽ thấy được cái CHÂN TÁNH, hay CHÂN TÂM. Do đó, người mới vào tu không thể áp dụng ngay câu: "*Không nghĩ Thiền, không nghĩ ác*" để rồi khi hiểu được ý nghĩa của câu này, tưởng đó là Thấy Tánh!

Ta nên nhớ rằng: Chư Tổ hay người đi trước chỉ nêu ra cái căn bản về tính chất của cái Chân Tánh cho người sau nắm lấy, để theo hướng đó mà tìm thì với sự cố gắng, kiên trì, chắc chắn sẽ gặp được. Đó là kết quả của bao nhiêu chuỗi việc: Soi, Quán, Tư Duy, thực hành. Không phải để chúng ta hiểu cái ý đó rồi tưởng mình đã đạt được!

Huệ Minh đã nhờ lục Tổ nhắc để "Quay vào trong" mà tìm, vì mật ẩn đó bên trong mỗi người. Được Đạo hay không là ở công phu thanh lọc cái Tâm của mình. Y, BÁT là hình tướng dành cho người bên ngoài hướng về. Người tu chân chính phải là người không màng danh, lợi. Chỉ lo tu sửa cho bản thân. Khi đã hiểu Phật pháp, thì việc giảng nói cho người sau là trách nhiệm, để làm cho ánh sáng Phật Pháp được lan tỏa. Không phải để được danh, lợi, hay hơn thua, cao thấp. Người mới vào tu hành, việc của Minh còn lo chưa xong mà nghĩ đến việc độ cho bá tánh làm chi? Do đó, cái khởi ý tưởng tranh dành là do cái Vọng Tâm điều khiển. Nếu không dẹp bỏ thì làm sao về được với cái Chân Tâm?!

CÔNG ÁN THỨ HAI MƯƠI BỐN LÀ KHỎI NÓI NẶNG

***Công Án:**

Một ông Tăng hỏi Ngài Phong Huyệt

- Nói hay im lặng đều là vật vãnh, làm sao khỏi vướng mắc?

Sư đáp:

- Giang Nam nhớ mãi ngày xuân ấm.

Hoạ lừng trong chốn chá cô kêu.

Lời giải:

Hỏi đông, đáp tây! Nếu cứ đáp như thế thà đừng hỏi, đừng đáp còn hơn!

Đây thường là lối tiếp cơ của những vị tự xưng là Thiền Sư thời đó. Cũng vì thế mà số đệ tử đắc pháp quá hiếm hoi cho đến đi vào tiêu diệt của môn phái! Cứ tự do Tham, tự do nghĩ. Không hướng dẫn. Không chỉ vẽ. Không nêu được lẽ đúng, sai!

Tổ Đạt Ma dạy: *"Nếu tự mình sáng tỏ được thì chẳng cần học, khác với kẻ mê trắng đen không phân rõ lại lếu láo tuyên lời Phật dạy, báng Phật, chê Pháp"*.
Càng bí truyền càng chóng bị thất truyền! Chẳng hiểu do Thầy ích kỷ hay trong đó cũng có nhiều Thầy dốt, vì họ không mở miệng ai biết là họ biết hay không?!

Học trò hỏi cách để áp dụng Phật Pháp. Thầy trả lời bằng hai câu thơ thuộc về thế gian pháp! Phải chi Thầy cũng nhớ Pháp Phật như "nhớ ngày xuân ấm, và tiếng chá cô kêu ở Giang Nam" có lẽ hay biết mấy! Lục Tổ dạy trong Pháp Bảo Đàn Kinh: *"Nếu chẳng biết cái ý chỉ của Phật Pháp, tự mình làm còn khá, sợ e lại khuyên dạy người khác"*. Các Thiền Sư hình như không có đọc Kinh nên chẳng chút để ý tới lời nhắc nhở của Tổ!. Cũng không trách được về sau con cháu không còn đường để nối truyền tông chỉ. Không rõ những người kế thừa thời nay có kịp nhìn lại để chân chính hay không?!

CÔNG ÁN THỨ HAI MƯƠI LĂM TOÀ THỨ BA NÓI PHÁP

*Công Án:

Hòa Thượng Ngưỡng Sơn nằm mơ thấy đến chỗ Phật Di Lặc, ngồi toà thứ ba.
Có một tôn giả bạch chùy thưa :

- Hôm nay đến phiên toà thứ ba thuyết pháp.

Sư liền đứng dậy bạch chùy nói :

- Pháp Ma Ha Diễn rời bốn câu lý luận, dứt hết trăm cách phủ nhận. Nghe cho kỹ.

Lời giải:

Chưa kịp giảng pháp, nằm mơ mới nói được cái đề đã đem ra làm Công Án ắt để người khác bàn sao thì bàn!

Đã đành Pháp Đại Thừa không phải là "Tứ Cú, Bách Phi", nhưng người học đạo ít ra cũng phải biết nghĩa của Tứ cú: "Có, Không, vừa có, vừa không. Không

phải Có, không phải Không ? là như thế nào? Áp dụng vào đâu ? Phủ định tất cả là như thế nào? Tại sao cho rằng Phật thuyết để rồi phủ định, làm cho người nghe sinh đoạn kiến, cho rằng nếu thế thà không cần thuyết còn hơn.

Các Thiền sư vẫn thích lối tu tắt. Cho rằng pháp môn của mình là “Đốn Giáo”, nghĩ rằng mình sẽ dắt người sau đi nhanh hơn các môn phái khác! Tiếc rằng bản thân họ vì chưa thấu hiểu Phật Pháp nên không có phương tiện, làm người nghe không thể nào theo đó mà hành trì để vào đạo được. Hơn nữa, TU là SỬA, Tu đâu phải chỉ Nghe và Hiểu Pháp?

Phật Pháp là Pháp Giải Thoát. Nhưng để Giải Thoát trước phải thấy điều gì ràng buộc, rồi phải dùng Phương Tiện của Đạo mà tháo gỡ. Kinh còn dạy rõ phải Thiền như thế nào, Quán như thế nào? Quán những gì để có thể trừ được Vô Minh, hoá giải những buộc ràng. Phật đâu có nói xong là phủ nhận ngay như Ngài Nguyệt Khê đã luận?!

Kết luận: Phật Pháp tuy Không rời, nhưng cũng không dính các Pháp. Không khẳng định mà cũng không phủ định, mà là để hành, để áp dụng. Hành cho được, xong rồi mới Xả. Không phải để lý luận, để hiểu, để nói!

CÔNG ÁN THỨ HAI MƯƠI SÁU HAI TẶNG CUỐN RÈM

*Công Án:

Trước giờ trai, các học tăng đến thăm hỏi ngài Đại Pháp Nhãn ở chùa Thanh Long. Sư gơ tay trở bức rèm. Bấy giờ có hai ông Tăng cùng ra cuốn rèm.

Sư nói:

- Một được, một mất.

Lời giải:

Việc con con có gì đâu mà phải ghi thành Công Án cho người sau tham học? Hai ông Tăng đó, kẻ làm xong thì thôi. Người chưa xong thì cũng sẽ phải tự hoàn tất nếu muốn tiếp tục con đường tu hành.

Tốt nhất là người tu muốn tu hành cho thành công thì phải “*nội quang phản chiếu*”, để xét lỗi của mình mà sửa. Nhìn, ngó, chê, khen người tới hay chưa? tiến hay lùi làm gì? Sao không coi lại bản thân mình đang tới đâu, để mà tập trung, lo dồn tâm ý tu tập?!

Kết luận: Người tu Phật nào cũng biết Phật dạy “cuộc đời là Vô Thường”. Cái Thân đang tồn tại hôm nay, ai biết được lúc nào đó sẽ hết Nghiệp, hết Duyên? Nếu cứ tiếp tục nhìn ra, xem người, luận người, thì kiếp nào mình mới tu xong!

CÔNG ÁN THỨ HAI MƯƠI BẢY KHÔNG PHẢI TÂM KHÔNG PHẢI PHẬT

*Công Án:

Một ông Tăng hỏi Hoà Thượng Nam Tuyên:

- Có pháp nào chưa dạy nữa không?

Sư đáp:

- Có.

Ông Tăng lại hỏi:

- Pháp chưa dạy là pháp gì vậy?

Sư nói:

- Không phải Tâm, không phải Phật, không phải vật.

Lời giải:

Vào tu học thì ban đầu người tu được hướng dẫn cho cách hiểu, cách hành để tìm Tâm, Thấy Tâm, rồi điều phục nó để được Giải Thoát hay gọi là Thành Phật. Sau khi hoàn tất được những giai đoạn này thì phải Xả cái kết quả đi. Nếu không, cứ tiếp tục ôm cái Tâm chứng đắc. Thấy Minh Thành Phật. Thấy mọi người chung quanh là chúng sinh để mình “độ” thì rõ ràng là Tăng Thượng Mạn!

Hòa Thượng Nam Tuyên đã nhắc cho ông Tăng một câu cần ghi nhớ của Đạo Phật. Khi mới vào tu học thì có Nhân, Ngã, Pháp. Có Ta Chấp Pháp, chấp Ngã. Có Quả Phật để thành. Nhưng khi thành tựu rồi thì Ta cũng không còn, lấy ai để thành Phật?

CÔNG ÁN THỨ HAI MƯƠI TÁM CÂY ĐUỐC CỦA LONG ĐÀM

*Công Án:

Ngài Đức Sơn thăm hỏi Ngài Long Đàm cho đến tối. Sư nói:

- Đã khuya rồi, sao ông chưa về đi?

Đức Sơn vái chào, vén rèm mà ra, thấy bên ngoài trời tối đen liền quay trở vào thưa:

- Bên ngoài tối quá!

Sư thắp một cây đuốc giấy trao cho. Đức Sơn toan cầm lấy. Sư liền thổi tắt mất. Đức Sơn tỉnh ngộ, sụp lạy.

Sư nói

- Ông thấy được ý nghĩa chi?

Đức Sơn đáp:

- Tôi từ nay trở đi hết nghi hoặc những lời dạy của chư Hòa Thượng trong thiên hạ.

Hôm sau Sư thăng đường nói:

- Trong đây có một kẻ rặng như rừng gươm, miệng như chậu máu, bị đánh một hèo mà chẳng quay đầu lại, mai kia một nọ leo lên đỉnh cao dựng đạo của ta.

Đức Sơn bèn đem mấy bộ số sao đến trước pháp đường, cầm một bó đuốc giơ lên nói:

- Hết thầy mọi biện giải cao thâm chỉ như một cái lông tơ nơi thái hư, hết thầy mọi yếu quyết chỉ như một giọt nước đổ xuống vực.

Bèn đốt hết các bộ số sao rồi vái lạy mà đi.

Lời giải:

Trước khi đến với Hoà Thượng Long Đàm, Đức Sơn đã là một người làu thông kinh sách, viết cả mấy bộ số sao. Nhưng không trả lời được câu hỏi của một bà lão bán quán khi bà nói về Tam Tâm, vì Ngài chỉ chuyên lý giải Kinh, không hiểu, không thuộc Phật Pháp!

Sau cả ngày đàm đạo, nhờ đuốc giấy và sự nhắc nhở của Ngài Long Đàm mà Đức Sơn ngộ ra rằng không nên nương ánh sáng của người khác. Mỗi người hãy tự thắp đuốc lên mà đi. Lúc đó Ngài mới ngộ ra, thấy rằng bao nhiêu lý giải cũng không bằng một lời nhắc khẽ, nên tự đốt số sao của mình, thôi không còn khoe vốn hiểu biết nữa! Vì tu là để Hành, không phải là để khoe khoang.

CÔNG ÁN THỨ HAI MƯƠI CHÍN CHẲNG PHẢI GIÓ, CHẲNG PHẢI PHƯỚC

*Công Án:

Nhân gió lay phước, có hai ông Tăng tranh luận.

Một ông nói:

- Phước động

Ông kia nói:

- Gió động

Cãi qua cãi lại không ra lẽ. Lục Tổ nói:

- Không phải gió động, không phải phướn động, tâm các ông động đấy.

Hai ông Tăng giật mình run sợ.

Lời giải:

Cuộc đời vẫn đầy đủ mọi pháp : nắng mưa, tốt, xấu, thủy triều lên xuống, con nước lớn ròng, hết đêm tới ngày, vạn vật sinh sôi. Con người thì vẫn trong đà Sinh, Lão, Bệnh Tử mà tiến, và trong cuộc sống có biết bao nhiêu pháp xảy đến cho mỗi người.

Phải, trái, hơn, thua, cao, thấp... là nguyên nhân của biết bao nhiêu xáo trộn ở cuộc đời. Chuyện nhỏ thôi, gió lay phướn, không ảnh hưởng tới ai cũng làm ra được một cuộc tranh luận huống là những chuyện mất mát, va chạm quyền lợi, bị xúc phạm danh dự... Bao nhiêu người đã hại nhau chỉ vì chút quyền lợi nhỏ nhoi. Thậm chí anh em cũng sẵn sàng giết nhau để tranh chấp gia tài, của cải. Vì thế mà có Đạo Phật để nhắc nhở rằng mọi người nên giữ cái Tâm của mình. Vì chính nó có thể lôi mình xuống tận địa ngục. Nhưng tu hành thành Thánh, thành Phật cũng do nó.

Các pháp thì vốn thế, nếu Tâm mình đừng động theo nó, thì sẽ được như gió, lưu thông không trở ngại. Ngược lại, chấp lấy pháp, khởi tâm theo pháp thì trùng trùng duyên khởi, nghiệp quả kéo theo nhiều kiếp luân hồi không dứt.

Cũng may hai ông Tăng tranh cãi nhau chuyện nhỏ và nghe lời nhắc để dừng đúng lúc.

CÔNG ÁN THỨ BA MƯƠI TỨC TÂM TỨC PHẬT

*Công Án:

Ngài Đại Mai hỏi ngài Mã Tổ:

- Phật là gì?

Sư đáp:

- Tức tâm tức Phật.

Lời giải:

TÂM chính là PHẬT. Tổ Đạt Ma củng dạy: "MUỐN TÌM PHẬT THÌ TÌM TÂM". "TỨC TÂM TỨC PHẬT". Nhưng nhiều người đã loanh quanh đi tìm bên ngoài, màu mè sắc tướng, tụng kinh, nhiễu tháp, tô đắp hào quang cho tượng bên ngoài rồi lại nghĩ đó là Phật để ngày ngày đối trước tượng lễ bái xì xụp, khấn vái cầu xin!

Câu "Tức Tâm tức Phật" là lời của Tổ Đạt Ma mà ai cũng biết. Nhưng khi tu hành lại không quay vô để tìm Phật nơi tâm của mình, cứ mãi quay ra cầu Phật ngoài, vì thế Kinh Kim Cang đã dạy:

*"Ai nương sắc để thấy Ta,
Dùng âm thanh để cầu Ta.
Kẻ đó hành tà đạo.
Không thấy được Như Lai".*

Tu Phật là để Thành Phật. Nhưng qua lời bàn của Ngài Vô Môn ta không hiểu vì sao Ngài lại sợ Phật. Sợ nói, sợ nghe đến chữ Phật đến nỗi chỉ cần "nói chữ Phật là phải ba ngày súc miệng, nghe nói Tức Tâm tức Phật thì phải bịt tai mà chạy". Rõ ràng Ngài sợ hai chữ đó. Hay là Ngài chỉ thích nghe nói Phật là mè, là cốt như Động Sơn và Vân Môn nói thôi?

Với suy nghĩ như thế, nếu còn xưng là đệ tử Phật môn, ăn cơm Phật, mặc áo Phật, còn viết sách để dạy người tu Phật thì thật đáng ngạc nhiên! Chẳng hiểu Ngài sẽ dạy người sau tu để thành gì nữa!

CÔNG ÁN THỨ BA MƯƠI MỐT TRIỆU CHÂU KHÁM PHÁ BÀ LÃO

*Công Án:

Có một ông Tăng hỏi một bà lão:

- Đường nào đi đến Đài Sơn?

Bà lão đáp:

- Cứ đi thẳng.

Ông tăng mới bước đi năm ba bước, bà lại nói:

- Đường đường một ông thầy tu, cứ thế mà đi kìa!

Sau có người kể lại cùng Ngài Triệu Châu. Sư nói:

- Để ta tới xem bà lão này ra sao cho.

Hôm sau, Sư bèn đến, cũng hỏi như vậy, bà lão cũng đáp như vậy.

Sư trở về nói với tăng chúng:

- Bà lão ở Đài Sơn, ta đã khám phá cho các ông rồi đó.

Lời giải:

Xem ra các thầy tu ở chùa cũng không tránh được thị phi, và cũng quá rảnh rang để thắc mắc việc đời! Bà lão đó, chỉ có một chiêu độc nhất, trả lời duy

nhất một câu: "*Cứ đi thẳng*", để rồi cười nhạo người hỏi là: "*tu hành mà nghe người nói là cứ thế mà đi!*".

Bà lão đó không phải một vị chân tu đáng kính, cũng chẳng phải thánh nhân xuất thế. Trước sau cũng chỉ nói có hai câu. Có nói được lời vàng ngọc hay ho chi đâu, thì có đáng chi mà cần phải khám phá? Vậy mà hết người này đến người khác bảo nhau đến gặp. Ngài Triệu Châu cũng phải đến gặp để lại nghe đúng mấy câu đó! Thế mà Ngài Vô Môn lại lấy đó làm Công Án để người sau Tham! Bao nhiêu Phật Ngôn, bao nhiêu Pháp Cú sao không Tham?

Tham Công Án này để ngộ ra điều gì có lợi cho việc tu hành đây? Theo nhân quả thì Tham gì gặp đó. Tham bà lão chắc khó gặp Phật Pháp được!

CÔNG ÁN THỨ BA MƯƠI HAI

NGOẠI ĐẠO HỎI PHẬT

***Công Án:**

Một kẻ ngoại đạo bạch Phật:

- Không hỏi lẽ hữu ngôn, không hỏi lẽ vô ngôn.

Phật ngồi toà.

Kẻ ngoại đạo tán thán:

- Đức Thế Tôn đại từ bi, vén lớp mây mờ khiến tôi vào được.

Rồi bái lạy mà đi.

Ngài A Nan bèn bạch Phật:

- Kẻ ngoại đạo chứng được điều gì mà tán thán rồi đi vậy?

Phật dạy:

- Như ngựa hay trên đời, nhìn bóng roi mà chạy.

Lời giải:

Thời Phật giảng pháp, có rất nhiều ngoại đạo đến chất vấn, bắt bẻ, nhưng Phật đều trả lời thông suốt, thu phục được họ. Và dù họ là ngoại đạo, nhưng chấp nhận được những lý lẽ đúng của Phật, và trí huệ của Phật đủ để trả lời, dù cho họ có vấn nạn đến đâu. Chính vì thế mà Kinh dạy: "*Một trong những điều khó được là sinh cùng thời với Phật ra đời*", để được nghe chính Ngài giảng dạy! Phạm phu chúng ta bị các pháp quật cho tởm tã còn chưa chịu hồi đầu. Ngoại đạo kia, chỉ cần Phật khẽ nhắc đã thấu đáo, đã hiểu ra.

"Ngôi Tòa Sen" tượng trưng cho đã được giải thoát. Cái giải thoát đâu cần biện bạch, nói năng. Do đó, không cần lời nói.

Tu hành là để đạt được cái Sự thực chứng, đâu phải để lý giải suông, nên hữu ngôn, vô ngôn đều không quan trọng. Ngoại đạo đã hiểu được lẽ này nên Phật khen là "*như ngựa hay trên đời, nhìn bóng roi mà chạy*".

CÔNG ÁN THỨ BA MƯƠI BA CHẲNG TÂM CHẲNG PHẬT

***Công Án:**

Một ông Tăng hỏi Ngài Mã Tổ:

- Phật là gì?

Sư đáp:

- Chẳng Tâm, chẳng Phật.

Lời giải:

Khi mới vào tu hành, người tu được dạy cho QUAY VÔ để tìm Phật nơi Tâm của mình. Tâm của mình chính là Phật, nên gọi là "TỨC TÂM TỨC PHẬT". Việc tu hành là để XẢ CÁI CHẤP MÌNH, cho nên khi tu xong rồi thì KHÔNG CÒN CÓ MÌNH. KHÔNG CÓ MÌNH THÌ CŨNG CHẲNG CÓ TÂM, nên gọi là CHẲNG PHẢI TÂM, CHẲNG PHẢI PHẬT.

Vì người tu hành từ xưa, cho tới thời này vẫn nghĩ rằng Phật là Ông Phật, với «32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, ở Tây Phương Cực Lạc hoặc Đông Phương Tịnh Quốc», nên khi nghe nói rằng: "Tức Tâm Tức Phật", hay "Không Tâm, Không Phật" thì thấy có vẻ khó hiểu, cho rằng Chư Tổ nói lúc vậy lúc khác, không thể hiểu nổi!

Tình trạng Giải Thoát là ở trong Tâm của mỗi người. Từ lúc mới Phát Tâm cho tới lúc thành tựu đều chứng ở nơi Tâm nên gọi là "*Tâm tức là Phật*". Đến khi hoàn tất việc tu hành, Xả hết mọi cái Chấp để Chứng cái Giải Thoát thì cả cái Tâm lẫn cái Phật cũng không còn nữa, mà rỗng rang như hư không, nên gọi là: "*Không phải Tâm, không phải Phật*". Do đó, người tu nếu đến một giai đoạn nào đó thấy mình Thành Phật thì cẩn thận. Đó là cái Ngã tu hành, còn nguy hiểm và khó trừ hơn cái Ngã phàm phu nữa vậy.

CÔNG ÁN THỨ BA MƯƠI BỐN TRÍ CHẲNG PHẢI ĐẠO

***Công Án:**

Ngài Nam Tuyền nói:

- Tâm chẳng phải Phật, Trí chẳng phải đạo.

Lời giải:

Đầu tiên, cái Tâm chấp nhất gọi là cái Phàm Tâm. Tu hành, công phu, xả chấp thì được cái Tâm Giải Thoát hay gọi là Tâm Phật.

Trên con đường tu hành, mọi người đều phải khai mở cái Trí để dùng đó làm đuốc soi đường để tiến bước trên con đường Đạo. Dù vậy, cái trí của mỗi cá nhân chẳng phải là cái đạo, mà trí này nên song hành cùng Phật trí, phải phù hợp với Phật trí, với con đường của Chư Phật, Chư Tổ đã đặt ra, theo đó mà hiểu biết, mà hành dụng, để nó trở thành Diệu Quan Sát Trí của Đạo.

Chỉ có thể dùng Trí như đèn soi để thấy lối mà đi, không thể dùng Trí như một sự hiểu biết rồi chấp lấy hiểu biết này, tướng đó là chứng đắc.

Công Án này có thể hiểu là để cho người tu không còn Chấp và sự chứng đắc. Tu Tâm, rồi Xả cái Tâm đi, không thấy là Minh chứng đắc. Dùng cái Trí để làm ánh sáng hướng dẫn cho con đường tu hành, nhưng Trí đó bản thân nó không phải là con đường.

CÔNG ÁN THỨ BA MƯƠI LĂM CÔ THANH LỊA HỒN

*Công Án:

Ngài Ngũ Tổ hỏi một ông Tăng:

- Cô Thanh lìa hồn, cô nào là thật?

Lời giải:

Ngũ Tổ này cũng nên nói lại cho rõ không phải là Thầy của Lục Tổ, mà là một nhân vật thuộc dòng Lâm Tế, giỏi về Duy Thức, trụ trì ở nhiều chùa, sau đến trụ trì ở chùa Hoàng Mai nơi ngày xưa Ngũ Tổ thật đã giảng dạy, nên có lẽ học trò muốn tôn xưng mà gọi là Ngũ Tổ.

Cô Thanh là một nhân vật truyền kỳ, xuất hồn đi sống với người yêu, cái xác nằm đó, sau đó mới về nhập lại. Câu chuyện cho thấy phần thân và Tâm tách biệt nhau như trong lúc Ngồi Thiền, hay xuất hồn đều có hiện tượng tương tự.

Nếu không quan sát, con người sẽ không thắc mắc, vì thấy chuyện nói năng, tay đưa, chân bước là chuyện hết sức bình thường. Nhưng khi vào tu theo Đạo Phật, tập quan sát để tìm thủ phạm của mọi hành vi, người tu sẽ thấy rằng có bộ phận chỉ huy nằm ở trong bộ óc. Bộ phận này Phật gọi đó là TÂM. Từ Tâm này sinh ra vô số Ý, những cái Ý trực tiếp điều động cái Thân.

Chính vì vậy mà khi tu hành Đạo Phật dạy "Điều Tâm", không dạy "Điều Thân",

vì thân chẳng qua là thuộc hạ vòng ngoài, chỉ là tai sai mà thôi. Cái Thân chỉ là một tập hợp của Tứ Đại có kỳ hạn không quá trăm năm sẽ trở về cùng cát bụi. Sinh tử Luân Hồi hay không do cái Tâm này, cho nên phải thấy, phải tu ở đây thì mới Thoát Sinh Tử Luân Hồi được.

Ngũ Tổ này cũng phân tích ra được cái Thân và Cái Tâm. Nhưng chưa hiểu được rằng nếu không tu hành để được Giải Thoát khi đang còn trong cái Thân, thì lúc chết, lìa cái Thân thì cái Tâm Mê vẫn hoàn Mê. Không phải chết đi, rời cái Thân ra là đã Giác Ngộ! Chính vì vậy, Phật dạy người tu đối với cái Thân như người bị chìm ở giữa biển, ôm lấy thân ma để lợi vô bờ. Đó là cái khác nhau giữa những người phàm phu bám lấy cái Thân, vì nó mà tạo bao nhiêu nghiệp. Và người tu hành, nhờ cái Thân mà hành trì đạt đến kết quả Giải Thoát vậy.

Chỉ việc Phong Ngũ Tổ này thôi đủ để chứng tỏ phái Thiền Tông coi lịch sử truyền thừa của Đạo Phật chẳng ra chi! 33 vị Tổ chính thức được truyền Y Bát, để người sau biết đó là những vị đặc pháp, được quyền thay Tổ trước để hướng dẫn đạo, có thứ tự trước, sau. Tự nhiên phong một Thiền Sư hậu bối lên thay Ngũ Tổ là người chính thức được Truyền Y, BÁT. Đó là Đại Vọng Ngũ. Người được phong mà nhận chức đó cũng là người Vọng Hành. Vì người hậu học quyền gì để phong chức Tổ? Minh tu hành đạo, hạnh cỡ nào mà dám chiếm ngôi vị của Tổ xưa, làm cho người sau hiểu lầm đó là Thầy của Lục Tổ?

CÔNG ÁN THỨ BA MƯƠI SÁU GẶP NGƯỜI ĐẮC ĐẠO

*Công Án:

Ngài Ngũ Tổ nói:

- Giữa đường gặp người đắc đạo, chớ nói hay im mà đối đãi. Thử hỏi đối đãi ra sao?

Lời giải:

Người đắc đạo là bậc đáng kính như Kinh Diệu Pháp Liên Hoa viết: "Nếu thấy ở đâu phải cung kính như thấy Phật", vì đó là những bậc đã tu hành, sạch Ba Nghiệp, trong họ có Phật ở chung, "*Phật ở trong đó kinh hành và ngồi nằm*", "*được Phật dùng vai mang vác*". Có nghĩa là người đó cũng đã là Phật.

Vậy mà khi gặp giữa đường, thay vì cung kính. Nếu cần thì lễ lạy, thì Ngài Vô Môn đã viết Kệ tụng, dạy người sau: "*Thẳng mặt tống liền cho một đấm*". Hẳn Ý Ngài muốn nói là "*Phùng Phật Sát Phật*", không ngờ lộ ra ý ngạo mạn, ngông cuồng của chính Ngài!

Người đã được Đạo thì bao giờ cũng khiêm tốn, khoan hoà, không tranh phải quấy, hơn thua vậy mà coi bộ cũng không yên thân nếu gặp phải Ngài Vô Môn và những đệ tử của Ngài ! Có lẽ Ngài Vô Môn cần tu Hạnh Thường Bất Khinh Bồ Tát để khỏi lối bịch vì tưởng mình đã Thành Phật, nên gặp Phật khác phải Sát, phải đánh, vì hiểu lầm lời Phật dạy: "*Vô Sát bất hiện thân!*"

Kết luận: Ngài Vô Môn quên nhìn vô để nghĩ tới trường hợp chính mình: Nếu chẳng may được người khác đánh giá là người đắc đạo, rồi cả đám bắt chọt gặp Ngài giữa đường và áp dụng ngay bài Kệ của Ngài. Không giết thì cũng "thẳng tay đấm vào mặt". Lúc đó Ngài sẽ nghĩ gì nhỉ?

CÔNG ÁN THỨ BA MƯƠI BẢY CÂY BÁCH TRƯỚC SÂN

***Công Án:**

Một ông Tăng hỏi Ngài Triệu Châu:

- Ý Tổ Sư sang Đông là gì?

Sư đáp:

- Cây bách ở trước sân.

Lời giải:

Cũng vì các vị Thầy của Thiên Tông quá chấp vào hiểu biết của mình, không chịu đọc Kinh Phật, tham khảo tài liệu để thấy Đạt Ma Tổ Sư đã có Kệ:

"Ta cốt sang Đông thổ.

Truyền Pháp cứu mê tình

Một hoa năm cánh trở

Tự nhiên trái kết thành"

Thầy không chịu đọc để truyền cho học trò lại còn lấy đó làm Công Án đổ trò! Ý thầy muốn đưa vào Đệ Nhất Nghĩa Đế, là Tổ Sư Đạt Ma "không có Ý", trong khi chính miệng Tổ xác nhận mình CÓ Ý "*sang Đông Thổ để truyền Pháp cứu mê tình*".

Câu này không có gì phải Tham. Trước nhất là Tổ Sư đã nói rõ Ý Ngài. Vì vậy, nếu có Tham là nên Tham điều ta cần tìm hiểu: là Ý của ta đang cần gì? Làm sao thực hiện cho đúng? Nếu muốn tu thì phải làm gì? Đó mới thực sự là "Hồi quang phản chiếu", có lợi cho việc tu của bản thân hơn.

Kết luận:

Nếu muốn dạy đạo đòi hỏi người dạy phải thấu đáo để đừng làm mất thì giờ của người học, vì lẽ Vô Thường không đợi bất cứ ai. Thà không biết thì đừng nói, đừng dạy. Tự mình mê thì nhẹ tội hơn là chồng mê cho người! Học trò không hiểu hỏi mình, mình lại nói vu vơ, ích gì cho người tham hỏi?

CÔNG ÁN THỨ BA MƯƠI TÁM TRÂU QUA KHUNG CỬA

***Công Án:**

Ngũ Tổ nói:

- Ví như con trâu đi qua khung cửa, đầu, sừng, bốn chân đã lọt, sao đuôi lại không lọt được?

Lời giải:

Ý Tổ muốn nhắc là người tu nếu còn chấp Minh Chứng Đắc thì còn nguy hiểm hơn cái Chấp phàm phu trước kia. Thấy mình chứng, mình đắc, mình cao, tức là cái NGÃ tu hành còn to hơn cái Ngã phàm phu trước kia thì làm sao đi qua cửa Giải Thoát được!

Kết luận:

Cái đuôi đó tuy nhỏ mà không nhỏ. Chắc cũng không ít người tu vướng phải!

CÔNG ÁN THỨ BA MƯƠI CHÍN VÂN MÔN SẤY LỜI

***Công Án:**

Một ông Tăng hỏi Ngài Vân Môn

- Quang minh tịch chiếu biến hà sa.

Lời nói chưa dứt, Sư vụt hỏi:

- Chẳng phải thơ của Tú Tài Trương Chuyết đó sao?

Ông Tăng đáp:

- Phải.

Sư nói:

- Sấy lời rồi vậy!

Về sau Tử Tâm nhắc chuyện lại, bàn rằng:

- Thử hỏi đâu là chỗ ông Tăng bị sấy lời?

Lời giải:

Tăng không lo tụng niệm, đọc Kinh, Giới, Luật, Luận mà đi ngâm thơ của tú tài. Thầy cũng rất giỏi, thoáng nghe qua là biết ngay của ai, nhưng lại muốn trò trả lời kiểu khác. Chẳng hiểu nơi đây ông Tăng sẩy lời chỗ nào. Chỉ thấy giá mà trò đọc Kệ của Phật. Giá mà Thầy nhắc nhở cho trò nghĩ đến việc tu hành, ngâm Kệ của Phật, của Tổ thì hay biết mấy!

Lời bàn của Ngài Vân Môn còn dễ sợ hơn. "*Chỉ cần thấy chỗ sẩy lời*" khi đọc thơ của phàm phu mà cũng có thể "*làm thầy ở hai cõi trời, người*", thì quả thật là những vị đó đưa nhau đi quá xa, chẳng dính dáng gì đến Đạo Phật nữa!

Theo câu chuyện thì Ngài Vô Môn đã lạc đề! Trong Công Án này, Ngài Vân Môn chê vị sư là Sẩy lời. Nhưng qua lời bình của Ngài Vô Môn, ta thấy bản thân Ngài cũng sẩy lời.

Tóm lại, cả 3: Ông Tăng, Ngài Vân Môn và cả Ngài Vô Môn đều sẩy lời!

CÔNG ÁN THỨ BỐN MƯƠI ĐÁ ĐỔ TỊNH BÌNH

***Công Án:**

Hòa Thượng Quy Sơn trước ở với Bách Trượng, giữ chức điển toà. Bách Trượng sắp chọn người đến núi Đại Quy làm chủ trì, bèn dạy Sư cùng Ông thủ toà ra đối đáp trước chúng, xem ai đối đáp giỏi sẽ được phái đi.

Bách Trượng cầm tịnh bình đặt xuống đất, hỏi:

- Không được gọi là tịnh bình thì gọi là gì?

Ông thủ toà đáp:

- Không thể gọi là khúc cây.

Bách Trượng quay sang hỏi Sư. Sư bèn đá đổ tịnh bình mà đi. Bách Trượng cười nói:

- Ông đệ nhất toà thua mất hòn núi rồi vậy!

Bèn phái Sư đi làm Tổ khai sơn.

Lời giải:

Một cuộc thi giữa công chúng để chọn người đi khai sơn. Với người thích cầm đầu thì đây là cơ hội lớn, cho nên dù không thể gọi tịnh bình là tịnh bình cũng ráng gọi một cái tên khác, chứng tỏ cái Tham địa vị hầy còn nguyên!

Người chẳng cần địa vị, đá tịnh bình rồi bỏ đi, lại được chọn, chứng tỏ người Thầy không lầm. Kẻ ham danh, còn nguyên tính chất phàm phu mà cho cầm đầu tăng chúng chắc chắn sẽ không làm được gì. Chỉ có người không còn ham danh lợi thì mới xứng đáng. Sư Quy Sơn hoàn toàn coi thường chức chủ trì,

không thềm có ý tranh chấp hay cố gắng để được phái đi!

Kết luận:

Ngài VÔ MÔN đã bình sai. Hoà Thượng Quy Sơn đá cái tịnh bình tượng trưng cho việc coi thường chức đi khai sơn, nói lên cái không ham địa vị của Ngài. Hành động đó đâu có nghĩa là "*Giơ chân đá phất, Phật chẳng ra gì?! "*

Đi khai sơn đâu có nghĩa là đi làm Phật? Ngài Vô Môn lại lạc đề nữa rồi! Không hiểu vì sao Ngài vẫn thích miệt thị Phật, lại gán ghép cho người khác!

CÔNG ÁN THỨ BỐN MƯƠI MỐT ĐẠT MA AN TÂM

***Công Án:**

Sơ Tổ Đạt Ma ngồi ngó vách. Nhị Tổ đứng giữa tuyết, tự chặt tay mà thưa:

- Tâm đệ tử không an, xin Ngài an cho.

Sơ Tổ dạy:

- Đưa Tâm đây ta an cho.

Nhị tổ thưa:

- Đệ tử tìm tâm mãi không được.

Sơ Tổ nói:

- Ta an tâm cho ngươi rồi đó.

Lời giải:

Cái CHÂN TÂM là cái mà Đức Thích Ca, người khai sáng Đạo Phật và bao nhiêu đời Tổ thay nhau nối truyền, kể cả chúng ta, mỗi người đều có sẵn, đã mang nó từ khởi thủy. Nhưng qua quá trình trôi lăn chúng ta đã nhuộm cho nó bao nhiêu Vô Minh, Phiền não, tạo nghiệp, để làm thành vòng quay Sinh Tử Luân Hồi. Vì thế, công việc của con đường tu Phật là phải tìm lại cho được, thấy cho được để chuyển hoá nó.

Khi nó tung ra thì " bao trùm khắp thế giới, khắp cả vũ trụ tam thiên " . Có nghĩa là khi cần suy nghĩ, tưởng tượng, thì bất cứ nơi nào: gần, xa... cũng có thể nghĩ tưởng tới. Nhưng khi gom lại, thì nó vô hình, vô tướng, không đầy mũi kim. Cái Tâm này thoát ải, thoát hiện. Khi mê thì dắt phàm phu vào địa ngục, vào mê lộ. Nhưng cũng chỉ là nó, lúc tỉnh, thì đưa người tu từ Phát Tâm vào đến địa vị Hiền Thánh, Phật, đạt Vô Thượng Niết Bàn.

Vào tu Phật, người tu được hướng dẫn cho Giữ Giới, Ngồi Thiền, Soi, Quán, mục đích cũng để gặp được nó. Nhị Tổ là người đại căn cơ, vừa gặp Sơ Tổ, nghe bảo

tìm, nhưng Ngài thấy rằng cuối cùng Ngài Không Có Tâm. Tức là những suy nghĩ, những thương, ghét, hơn thua, thật ra đâu có phải là cái Tâm của Ngài.

Nhưng không phải điều đó bất cứ ai cũng làm được! Thoạt đầu, người vào tu sẽ tìm để thấy cái VỌNG TÂM. Sau đó, phải tu hành, phải công phu tẩy rửa, gạn lọc để "Phản Vọng Quy Chân" để trở về với cái Chân Tâm Cho đến lúc không còn Vọng, không còn Chân, không còn Ta, không còn Tâm, không còn Minh, không cả quả vị, chứng đắc, thì đến đó mới gọi là Giải Thoát rốt ráo, vì vậy mà an tâm.

Từ cái tìm cho đến cái Thấy và cái Hành để Chứng rất xa. Không phải vừa nghe người trước nói là đã chứng ngay. Vì thế, mới phải có công phu tu tập, phải kiên trì, phải tinh tấn, nếu không rất dễ sinh đoạn kiến.

Nơi đây Ngài Vô Môn đã chứng tỏ cái kiêu mạn quá lớn của Ngài, gọi Tổ Đạt Ma là "Lão già Hồ sún răng", lại còn cho rằng Ngài đã truyền Pháp cho một người "Không đủ Lục Căn" là Nhị Tổ!

Vì muốn chứng minh lòng thiết tha cầu Đạo nên Lúc đó Nhị Tổ còn là Tướng Quân Thần Quang, đã rút kiếm tự chặt tay của mình. Với lòng cầu đạo như thế, hẳn nhiên Ngài phải học hỏi, thực hành như thế nào mới được truyền Y Bát cho làm Tổ thứ Hai. Vậy mà Ngài Vô Môn lại lớn tiếng chê cả Sơ Tổ, Nhị Tổ!

Qua đó đủ đánh giá phẩm, hạnh, ngôn ngữ của một người đã xưng là bậc Thầy nhưng: Về Đạo thì thiếu Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, lại thừa Tăng Thượng Mạn! Về đời thì hiện nguyên hình là phàm phu. Nói năng thiếu suy nghĩ, không kính người trên, trước. Ngài khinh chê người bất túc, mà cái bất túc kia là của một vị Tổ để chứng tỏ lòng nhiệt thành cầu đạo!

Tổ đương thời là Phật hiện tiền. Tổ quá khứ là Phật xưa! Ngài Vô Môn không biết đức hạnh được bao nhiêu mà dám lớn tiếng báng bổ cả Phật, cả Tổ, và điều đáng sợ là Ngài lại viết ra để truyền cái sai lầm đó cho những lớp người sau! Truyền đạo nào, khi đạo làm người Ngài còn không xong?!

Hỡi ôi, ngôn ngữ như thế cũng là bậc Thầy đứng canh giữ cửa Thiền mấy trăm năm qua đó sao? Nếu người thời nay Tham học những lời bàn của Ngài rồi bắt chước theo để kiêu mạn, chê Phật, chê Tổ thì quả thật tội cho họ quá, vì họ cứ tin tưởng vào lời người đi trước, ngỡ đó là bậc giác ngộ, bậc thánh nhân, lời nói cần nên nghe theo! Ngài cũng trích câu chuyện "Con chồn hoang" sao không lấy đó làm bài học cho bản thân?!

CÔNG ÁN THỨ BỐN MƯƠI HAI NỮ NHÂN XUẤT ĐỊNH

*Công Án:

Một hôm Phật giảng pháp, có chư Phật Mười Phương tụ hội. Ngài Văn Thù đến đó, gặp lúc chư Phật vị nào đều trở về quốc độ vị đó, chỉ còn lại một nữ nhân đến gần Phật tòa mà nhập định. Văn Thù bạch Phật:

- Nữ nhân nào mà lại đến gần được Phật tòa, còn tôi thì lại không đến gần được?

Phật dạy Văn Thù:

- Ông cứ khiến nàng xuất khỏi tam muội mà tự hỏi lấy.

Văn Thù đi quanh nữ nhân ba vòng, búng tay một cái, rồi nâng lên đến trời Phạm Thiên, lại dùng đủ hết các môn thần lực mà không sao thức nàng được.

Phật dạy:

- Dù cho trăm ngàn Văn Thù cũng không thể khiến nàng ra khỏi định được. Ở phương dưới qua khỏi số quốc độ nhiều bằng số cát của mười hai ức sông Hằng, có Bồ Tát Võng Minh mới có thể thức nàng được.

Liền đó Ngài Võng Minh từ dưới đất vọt lên chấp tay bái Phật, Phật sai Võng Minh đến thức nữ nhân. Võng Minh đến bên nàng, búng tay một cái, nàng liền xuất khỏi định.

Lời giải:

Không biết Công Án trích từ Kinh nào, nhưng kể cũng lạ. Người ta đang nhập định, mắc gì đến mình mà Ngài Văn Thù phải lôi ra cho bằng được? Nữ nhân cũng phải thế nào đó mới đến gần Phật được, còn mình nam nhân tại sao không? Sao không lấy đó mà Tham để học hỏi? lại có vẻ muốn cạnh tranh vì sao nữ nhân mà được đến gần Phật nhập định, còn mình thì không đến gần được? Gọi cho được Bồ Tát Võng Minh từ xa đến để lôi nàng ra khỏi định làm chi vậy nhỉ?

Quả là không lo cho mình, cứ soi mói chuyện tu hành, nhập định lâu, mau, được đến gần, hay không được đến gần Phật của người khác! Lẽ nào việc làm trái đời như vậy mà là của Ngài Văn Thù, bậc đại trí huệ mà Kinh hay nói đến đó sao? E rằng phàm phu nào suy nghĩ rồi gán cho Ngài để mọi người chú ý hơn chẳng?

Kết luận: Tham Công Án này để thấy người tu còn đổ ky chẳng?

**CÔNG ÁN THỨ BA MƯƠI BẢY
CÂY BÁCH TRƯỚC SÂN**

***Công Án:**

Một ông Tăng hỏi Ngài Triệu Châu:

- Ý Tổ Sư sang Đông là gì?

Sư đáp:

- Cây bách ở trước sân.

Lời giải:

Cũng vì các vị Thầy của Thiên Tông quá chấp vào hiểu biết của mình, không chịu đọc Kinh Phật, tham khảo tài liệu để thấy Đạt Ma Tổ Sư đã có Kệ:

"Ta cốt sang Đông thổ.

Truyền Pháp cứu mê tình

Một hoa năm cánh trở

Tự nhiên trái kết thành"

Thầy không chịu đọc để truyền cho học trò lại còn lấy đó làm Công Án đổ trò! Ý thầy muốn đưa vào Đệ Nhất Nghĩa Đế, là Tổ Sư Đạt Ma "không có Ý", trong khi chính miệng Tổ xác nhận mình *CÓ Ý "sang Đông Thổ để truyền Pháp cứu mê tình"*.

Câu này không có gì phải Tham. Trước nhất là Tổ Sư đã nói rõ Ý Ngài. Vì vậy, nếu có Tham là nên Tham điều ta cần tìm hiểu: là Ý của ta đang cần gì? Làm sao thực hiện cho đúng? Nếu muốn tu thì phải làm gì? Đó mới thực sự là "Hồi quang phản chiếu", có lợi cho việc tu của bản thân hơn.

Kết luận:

Nếu muốn dạy đạo đòi hỏi người dạy phải thấu đáo để đừng làm mất thì giờ của người học, vì lẽ Vô Thường không đợi bất cứ ai. Thà không biết thì đừng nói, đừng dạy. Tự mình mê thì nhẹ tội hơn là chồng mê cho người! Học trò không hiểu hỏi mình, mình lại nói vu vơ, ích gì cho người tham hỏi?

CÔNG ÁN THỨ BỐN MƯƠI BA GẬY TRÚC CỦA THỦ SƠN

***Công Án:**

Hòa Thượng Thủ Sơn giơ cây gậy trúc trước chúng mà nói:

- Này các ông, nếu gọi là gậy trúc thì xúc phạm, không gọi là gậy trúc thì trái nghịch. Vậy gọi là gì?

Lời giải:

Chỉ có cây gậy trúc mà quan trọng đến thế sao? Gậy trúc mà không cho gọi là gậy trúc, và gọi hay không gọi đều sai. Vậy phải gọi bằng gì? Sao không thấy

Hòa Thượng đưa Phật Pháp ra cho chúng tăng soi quán nhỉ? Có như thế mà Ngài Vân Môn bàn rằng: "*Đó là lệnh ban tha giết. Phật, Tổ phải xin tha!*"

Chao ôi, chư Thiền Sư đó học gì, đắc gì mà quá cao siêu như thế? Chỉ có cây gậy mà uy đã lớn như thế rồi! Liệu gậy đó chống tới địa ngục hay tới đâu đây? Nếu người sau cứ gậy trúc mà Tham chắc sẽ Đắc gậy trúc, chẳng thể đắc Phật Pháp được!

CÔNG ÁN THỨ BỐN MƯƠI BỐN CÂY GẬY CỦA BA TIÊU

***Công Án:**

Hòa Thượng Ba Tiêu nói với Tăng chúng:

- Các ông có cây gậy, tôi sẽ cho các ông cây gậy. Các ông không có cây gậy, tôi đoạt cây gậy của các ông.

Lời giải:

Các Tổ Sư Thiền luôn muốn cho người tu học những điều phi thực tế mà cũng chẳng thấy dính dáng gì đến đạo giải thoát. Hết vị dùng gậy đánh người tham học. Đưa gậy ra bắt nói nó là cái gì? Đến vị nọ lại đòi cho gậy, đoạt gậy! Trong khi Phật thì cầm cành Sen, nêu được ý nghĩa không nhiễm của đạo Giải Thoát, thì chư vị Thiền Sư đó chỉ có cây gậy trần tục để chống mà đi trên con đường trần thế trơn trượt gập ghềnh, lại còn muốn nói khác đi, nói nó chẳng phải là gậy! Chẳng trách đệ tử ngơ ngác không biết sao để trả lời cho vừa ý Thầy!

"Chỉ cần gọi đó là gậy thì vào địa ngục như tên bắn". Đơn giản thế sao thưa ngài VÔ MÔN? Kinh Phật dạy về Nhân Quả, làm ác, gặt ác. Tạo đại tội, gặt đại nghiệp mới sa địa ngục, chưa hề thấy chỗ nào bảo gọi gậy là gậy thì vào địa ngục! Quả là Các Thiền Sư ngày càng lộng ngôn, càng xa rời Phật Pháp!

Hòa Thượng Ba Tiêu nói với Tăng chúng:

- Các ông có cây gậy, tôi sẽ cho các ông cây gậy. Các ông không có cây gậy, tôi đoạt cây gậy của các ông.

Kết Luận: Cũng may cho đời sau là lần hồi các môn Thiền này tự diệt cho người tu đỡ bị hù dọa! Vật lù lù, không cho nói. Nói không đúng ý thì đọa địa ngục! Còn các vị chê Phật, chê Tổ thì đọa vào đâu không thấy nói!

CÔNG ÁN THỨ BỐN MƯƠI LĂM KẸ ẤY LÀ AI?

***Công Án:**

Ngài Pháp Diễn ở Đông Sơn nói:

- Thích Ca, Di Lặc còn là tôi đòi của kẻ ấy. Thử hỏi kẻ ấy là ai?

Lời giải:

Đạo Phật dạy người tu chỉ có "Tự Độ", Minh tu thì mình nhờ, có làm được gì cho ai, cứu độ được ai mà ra uy lớn như thế? Người phàm phu còn phải "tôn sư trọng đạo", sao nơi chùa chiền thiền môn lại có những hạng tà sư cao ngạo đến mức coi khinh chư Phật như thế?

Ngài Pháp Diễn này tự xưng là Ngũ Tổ nhưng không phải là Thầy của Lục Tổ, mà thuộc dòng Lâm Tế, đặc pháp với Ngài Thủ Đoan không biết có tên tuổi trong các dòng Thiền chính thống hay không mà nói năng ngạo mạn đến như vậy. Hay pháp môn Tu Thiền chuyên đào tạo ra những vị Thầy, Tổ như thế?!

Thân mình đang nương cửa Phật, nhờ màu cờ sắc áo của Phật mà vừa có ăn, vừa nhàn thân lại vừa được người tôn trọng lại mở miệng báng Phật, khinh Tổ! Đạo Phật dạy phải Phá Chấp Ngã đi. Nhưng Ngài tu thế nào mà càng tu cái Ngã càng to! Đối với con đường tu hành, mình là kẻ hậu học, sinh ra thời sau, cách xa các Ngài hàng ngàn năm, dù có đạt đến trình độ như các Ngài mình cũng chỉ là học trò. Kính Phật, trả ơn Phật còn chưa hết!

Phàm phu thô lỗ chắc cũng không dám nói những điều bất kính như vậy! Với cái Tâm, cái Khẩu như thế mà là Thiền Sư đó ư?

Qua Công Án này ta còn thấy rõ thêm trình độ của Thiền Sư tự xưng là Ngũ Tổ! Bậc chân tu thì lúc nào cũng "Thu thúc Lục Căn", "Ngũ Uẩn Giai Không", nên Thân, Khẩu, Ý Ba Nghiệp thanh tịnh. Trái lại, các Thiền Sư thì lúc nào cũng ngạo mạn, tự cao, tự đại! Thấy mình hơn người đã là kiêu mạn, còn thấy Phật Thích Ca, Phật Di Lặc là tôi đòi của mình nữa thì thật là hết thuốc! Vậy mà Ngài Vô Môn hẳn đặc ý vì môn Thiền đào tạo ra những vị cao siêu như vậy nên gom vào làm Công Án người Tu Thiền về sau Tham! Đó là tội chồng mê cho người mà các vị đó không biết phải trả nghiệp thế nào cho xứng đây!

CÔNG ÁN THỨ BỐN MƯƠI SÁU ĐẦU SÀO TIẾN THÊM

***Công Án:**

Hòa Thượng Thạch Sương nói:

- Đầu sào trăm thước làm sao tiến thêm?

Có vị cổ đức lại nói:

- Đầu sào trăm thước đã ngồi lên,

Thấy đạo mà chưa thật nhập chân.

Trăm thước đầu sào, cần bước nữa.

Mười phương thế giới hiện toàn thân.

Lời giải:

Trên con đường tu hành, mỗi người đang làm công việc Phá cái Ngã Chấp, nương theo giáo lý của Đạo Phật. Cây sào trăm thước tượng trưng cho cái Chấp Thân mà mỗi người đang lui tới trong đó. Nào tham, sân, si mạn, yêu, ghét... cứ loanh quanh như thế cho đến hết một đời và sẽ tiếp tục vòng quanh trong sáu ngã luân hồi không thôi.

Thấy Đạo tức là thấy con đường Giải Thoát. Con đường này cần lìa những chấp nhất cái Thân giả hợp, cái Tâm hư vọng này, nhưng thấy chưa phải là Thoát được nó, mà cần phải Làm những công việc tương ứng. Đó là từng công việc Thí, Xả, Giới, Hạnh, Lục Độ, Bát Chánh Đạo. Một mặt để rào đón. Một mặt để tẩy rửa nó. Thời gian tu hành đó phải thường xuyên quán sát, tư duy để thấy cái Lý đúng, rồi theo đó mà thực hành. Kinh dạy: Như người thợ làm vàng cần cù chất lọc, gom góp để làm thành tác phẩm. Từng bước đốt, đập. Chốc chốc lại đưa ra xem có đúng theo mẫu hay chưa.

Chư cổ Đức đưa đầu sào để nhắc nhở người tu: sau khi thấy cái Lý rồi thì phải áp dụng cái Lý đó. Đã nói rằng "*thân này là giả tạm, là không thường còn*", thì đừng tiếp tục đắm vào nó. Đừng để nó lôi cuốn vào những hành vi Tham, sân, si, yêu, ghét... như trước kia. Đó chính là công việc gọi là tu hành mà người tu hàng ngày phải thực hiện.

Chưa Xả được cái Chấp Thân thì chưa hết Chấp Pháp. Muốn hết Chấp lại phải hiểu cái LÝ của Đạo. Do đó, người không hiểu LÝ thì cũng khó thể thực hành được vậy.

CÔNG ÁN THỨ BỐN MƯƠI BẢY BA CỬA CỦA ĐÂU SUẤT

***Công Án:**

Hòa Thượng Đâu Suất Duyệt đặt ra ba cửa để hạch hỏi người học rằng:

- Lặn lội tìm học, chỉ mưu thấy Tính, vậy Tính ở đâu? Biết được Tính mình mới thoát Sinh tử, vậy khi nhắm mắt buông tay làm sao thoát? Thoát được Sinh tử mới biết chỗ đi về, vậy khi tứ đại tan rã, mình đi về đâu?

Lời giải:

Ba câu hỏi cốt tủy cho người tu Phật. Đó là mục đích tối hậu mà mọi pháp môn tu hành: Mật Tông, Hiển Tông, Đại Thừa, Tiểu Thừa, Xuất gia, Tại gia... đều phải Thấy, nếu muốn đạt kết quả trên con đường tu. Tánh này ở trong mỗi người.

Chúng sinh hữu tình đều có. Nhưng Kinh dạy: "*Phải Phương tiện khéo mới thấy*", "*Phải có Thiện Tri Thức chỉ cho thì mới gặp*". Chẳng phải do đọc nhiều Kinh sách. Ngồi thiền cho lâu. Nhập được nhiều hạ. Hạ được nhiều câu chuyện ngữ... hay dao, gậy, "đả thất", tình cờ mà bật ra, mà Thấy được!

Muốn tu hành nghiêm chỉnh thì nên nương các Chính Kinh, tìm xem Phật, Tổ dạy như thế nào, rồi từng bước thực hành theo:

Theo Kinh Đại Bát Niết Bàn, có những lý do chính để người tu không Thấy Tánh:

- Phiền não ngăn che.
- Không gặp được Thiện tri Thức để chỉ cho
- Bị Tham Sân Si che lấp.
- Phiền não hiện tại chướng ngại.

Kinh cũng chỉ cho những phương tiện để có thể Thấy Tánh:

- Trì Giới.
- Trừ phiền não.
- Trí quán chiếu Thập Nhị Nhân Duyên.
- Hành Lục Độ Ba La Mật
- Tu Bát Chánh Đạo.
- Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả.
- Nghe pháp, khéo Tư Duy
- Thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết Kinh đại Bát Niết Bàn.
- Phải cầu bậc Đại Thiện Tri Thức chỉ cho.

Chính vì thế mà những người không theo những phương tiện trên thì không bao giờ có thể Thấy Tánh được.

Tánh là gì? Thấy để được gì?

Qua khám phá của Đức Thích Ca, Ngài thấy rằng mỗi người đều có cái Chân Tâm, hay là CHÂN TÁNH. Nhưng qua quá trình trôi lăn, nó đã bị che mờ bởi Phiền não, Tham, Sân, Si. Vì thế Ngài đặt ra bao nhiêu phương tiện: GIỚI, ĐỊNH, HUỆ, BÁT CHÁNH ĐẠO, TƯ ĐIỀU ĐẾ, LỤC ĐỘ, TƯ NHIẾP, TƯ VÔ LƯỢNG TÂM, 37 PHẨM TRỢ ĐẠO vv... nhằm hỗ trợ cho việc tẩy rửa những chất bụi như đã bám vào, để nó trở lại tình trạng thanh tịnh, không ô nhiễm buổi đầu.

Song song với những Hạnh phải làm ở trên, người tu còn phải TƯ DUY, SOI QUÁN. Mục đích của Soi, Quán là để thấy rõ, hiểu rõ về các pháp cũng như

cách thức để Thoát nó. Vì thế, Kinh dạy phải là CHÁNH QUÁN, phải NỘI QUANG PHẢN CHIẾU. Chánh Quán là tìm hiểu những đề tài thiết thực, có liên quan đến cái Sinh Tử của mình. Không phải Quán mây trôi, lá rụng vu vơ, vì Sinh Tử nằm ở tại nơi Thân và Tâm của mỗi người, không phải ở ngoài vũ trụ hay nằm trong các pháp khác.

Người tu vì không có cái Thấy Sinh Tử, đau khổ của cái kiếp người như Thái Tử Sĩ Đạt Ta, để có thể phát tâm như Ngài. Vì thế, nếu chúng ta muốn nương Đạo Phật, tu hành để Giải Thoát, để Trừ Khổ, thì phải lần theo hướng dẫn của Kinh để thấy Phật dạy Nguyên nhân cái Khổ do đâu? Thấy được nguyên nhân rồi thì tìm xem Kinh dạy cách thức TRỪ KHỔ như thế nào. Lần lượt thực hành theo đó thì ta cũng sẽ đạt mục đích như chư vị đi trước.

Phật dạy: "Có Thấy Khổ mới tìm cách Thoát Khổ". Đó là lý do tại sao người thời nay tu mãi mà không thành công. Họ đâu có phát tâm đi tu để Thoát Khổ mà có thể đã đi tu vì trăm thứ lý do nào đó khác với mục đích của Đạo Phật, vì thế mà không đạt được mục đích giống như Đạo Phật được! Có tìm cách Thoát mới thấy mình sẵn có cái TÁNH GIẢI THOÁT, hay là PHẬT TÁNH ở trong Tâm, nhưng từ lâu bị VÔ MINH, bị THAM, SÂN, SI che khuất. Vì thế, Phật dạy: Muốn gặp Phật Tánh phải trừ THAM, SÂN SI đi.

Để trừ Tham, Sân Si lại phải có những pháp để hỗ trợ là Tứ Quán Chiếu, Thập Nhị Nhân Duyên, Bát Nhã, phải Giữ Giới, phải sống trong Bát Chánh Đạo, phải hành Lục Độ vv... Trong thời gian hành trì phải "Thu thúc lục căn". Phải giữ cho Thân, Khẩu và Ý luôn thanh tịnh trong tất cả mọi thời. Cứ kiên trì Hành như thế. Vừa Quán Soi, vừa dò tìm trong chính Kinh xem những điều ta hiểu, hành, có khế hợp hay không.

Dù Lục Tổ đã chỉ rõ: TÁNH là cái mà: Khi "KHÔNG NGHĨ THIÊN, KHÔNG NGHĨ ÁC" là nó đang hiện thân. Nhưng nhiều người tu cũng nắm lấy câu này, nhưng lại hành sai. Họ NGỒI THIÊN, để cho thân ngưng hoạt động, tâm cũng ngưng nghĩ, tưởng lúc đó là đã gặp được nó! không biết rằng không thể đột ngột nó hiện ra, do ta dừng nghĩ tưởng, mà do công đức gọi là "Đức tạc tượng Phật", tức là mỗi ngày Xả phiền não, Tham, Sân, Si đi một chút, dần dà khi đầy đủ thì sẽ hình thành. Hoặc nói một cách khác, là tượng Phật vốn sẵn có, nhưng bị Tham, Sân, Si che phủ, thì càng trừ Tham, Sân, Si, Thương, ghét... chừng nào thì tượng càng lộ rõ chừng đó.

Câu trả lời cho Công Án này là TÁNH của mỗi người ở trong TÂM của mỗi một. Người Thấy được CHÂN TÁNH, trụ được ở đó, thì ngay lúc sống đã không còn bị phiền não sinh tử làm khổ. Lúc cái thân hết nghiệp, thì cái Chân Tánh đó cũng không chết theo cái Thân. Phật Tánh này có giá trị như chiếc phao, như cồn đảo, để người tu nương vào đó mà Thoát Khổ, mà được an lạc trong cuộc

sống, mặc cho giòng đời xao động với bao nhiêu pháp xấu tốt luôn diễn ra. Người tu, từ lúc phát tâm cho đến khi thành tựu đạo quả thì cũng không rời cảnh sống nơi trần gian, nhưng tâm ý được hoàn toàn Giải Thoát. Đó là lý do vì sao Đạo Phật dùng Hoa Sen để làm biểu tượng, vì Hoa Sen sống trong bùn mà không nhiễm mùi bùn. Giống như người tu theo Đạo Phật để sống trong phiền não mà không bị phiền não ảnh hưởng tới vậy.

CÔNG ÁN THỨ BỐN MƯƠI TÁM MỘT ĐƯỜNG CỦA CÀN PHONG

*Công Án:

* Công Án:

Một ông Tăng hỏi Hòa Thượng Càn Phong:

- Chư Bạt Già Phạm mười phương chỉ một đường Niết Bàn, không biết đâu đường ở đâu?

Sư cầm gậy vạch một đường nói:

- Đây!

Sau có ông Tăng đem chuyện ấy hỏi Ngài Vân Môn. Vân Môn cầm quạt giơ lên bảo:

- Quạt nhảy một cái lên tận tầng trời thứ ba mươi, gõ lỗ mũi Đế Thích. Con lý ngư ngoài biển Đông đánh một hèo, trời mưa như trút.

Lời giải:

Ít ra ở lời bàn cho công án này Ngài VÔ MÔN đã hạ được một câu chính xác: *"Xét lại cho kỹ, cả hai ông lão đều không biết đâu đường ở đâu!"*

Sở dĩ người Xuất Gia, vào chùa tu theo Đạo Phật, bỏ hết chuyện đời, làm bao nhiêu công phu. Nào là Thiền Định, Soi Quán. Giữ Tứ Oai Nghi. Gìn Thân, Khẩu, Ý, hành bao nhiêu thiện pháp, là để có ngày bản thân mình cũng vượt qua được cuộc sống phàm phu, vào hàng thánh chúng, chứng được Niết Bàn tại Tâm. Thế mà hai ông đường đường là Hoà Thượng, là người đang hướng dẫn đạo pháp cho Tăng chúng, lại dám tăng thượng mạn. Không biết mà còn chỉ, nói bậy bạ, làm cho người sau hoang mang, nghi ngờ!

Lẽ ra đã là người Xuất Gia đầu Phật thì tức lúc nào cũng phải áp dụng Bát Chánh Đạo vào cuộc sống, luôn phải Chánh Niệm, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Tinh Tấn... Nếu các vị đã có được một trong những Hạnh này hẳn không dám xuất ngôn bừa bãi, chỉ vẽ lung tung, coi thường người tham học đến như vậy! Đã chọn cuộc sống của người tu hành tức là bỏ hết việc đời, thọ thực của

thí chủ để dành trọn thì giờ cho công việc tu hành, mà không tu hành chân chính là thiếu Chánh Mạng, Chánh Nghiệp. Nói năng bừa bãi làm sao có Chánh Ngữ!

Người muốn tu học và các Thiền Sinh trông cậy vào mình, vì nghĩ mình là Thiền Sư, thành thạo về Thiền để hướng dẫn cho họ đi con đường "*Đốn Ngộ*", "*Trực chỉ Chân Tâm, KIẾN TÁN THÀNH PHẬT*" như lời quảng cáo của Thiền Tông mà mọi người vẫn đánh giá như thế. Tiếc thay, qua thái độ, lời lẽ của hai vị Thầy này, ta có thể thấy ngay họ chẳng phải là Thiền Sư chân chính, bởi vì đúng nghĩa thì Thiền phải đi kèm với Định. Người nào có Thiền thì phải có Định, mà đã có sức Định là Thân Khẩu Ý phải thanh tịnh. Không có ăn nói bừa bãi. Không có thái độ ngông nghênh, tự phụ, kiêu mạn. Không nói những lời vô nghĩa!

Xét Nhân thì thấy Quả. Chẳng trách những pháp môn Thiền của những vị đó sáng lập chẳng tồn tại được lâu dài, vì có pháp đâu mà truyền lại cho lớp con cháu!

Niết Bàn có nghĩa là "Ra khỏi rừng mê". Đường đến Niết Bàn bắt đầu từ việc quay vô, giữ Giới, lập Hạnh, gìn Thân Khẩu Ý, điều phục Lục Căn, trừ Vọng, lìa Mê để Giác. Để mình cũng tìm thấy Phật Tâm, Phật Tánh của mình. Cái Tâm thanh tịnh, được yên ổn, an lạc, đó chính là Niết Bàn. Chẳng phải ở Phật Quốc hay Đông, Tây nào xa vời.

Kết luận: Chỉ một câu hỏi thôi, cả hai người thầy đã lộ rõ trình độ, căn cơ. Đây có đáng gọi là Công Án, đáng cho người tu học đời sau Tham? Vì nếu Tham cho cùng lý, cũng chỉ thấy hai ông Thầy dạy sai mà thôi. Chẳng thấy đường nào về Niết Bàn cả. Ngài Vô Môn cũng chẳng nói, chẳng bàn được gì hơn thế, cũng tự cho là "*qua được của Vô Môn đã thiệt thòi cho Ngài!*"! Sao không nói là người Tham Công Án này sẽ rất thiệt thòi, vì có hiểu thêm được chút gì đâu?

CHƯƠNG VI

NHỮNG LỜI DẠY CỦA TỔ ĐẠT MA VÀ LỤC TỔ HUỆ NẴNG

Nhà Thiền vẫn xem hai Tổ: ĐẠT MA và Lục Tổ Huệ Nặng là sơ Tổ của môn Tu Thiền. Vì vậy chúng ta đọc những lời của hai Tổ dạy về giảng pháp và tu học được trích trong Sáu Cửa vào động Thiếu Thất và Pháp Bảo Đàn Kinh:

Với những người giảng dạy, Tổ Đạt Ma nói:

- "*Nếu tự mình sáng tỏ được thì chẳng cần học, khác với kẻ mê trắng đen không phân rõ lại lếu láo tuyên lời Phật dạy, báng Phật, chê Pháp. Các vị ấy*

nói pháp như mưa! Quả đó là ma nói, chẳng phải Phật nói. Thầy là vua ma, học trò là dân ma.

- Kẻ mê mặc sức múa máy theo người, phút chốc đọa sinh tử. Đó là những người không Thấy Tánh xưng càn là Phật. Hạng người ấy phạm tội lớn: phỉnh gạt tất cả chúng sanh đưa vào vòng ma giới.

- Nếu Không Thấy Tánh dầu giỏi nói 12 bộ Kinh vẫn là ma nói. Đó là hàng bà con của nhà ma, chẳng phải học trò của nhà Phật.

- Đã chẳng phân rõ trắng đen bằng vào đâu mà thoát Sinh tử Luân Hồi”.

Về những người NGỒI THIỀN để cái tâm trống không thì Lục Tổ dạy:

–“Chư Thiện tri Thức, chớ nghe ta nói “không” mà liền chấp “không”. Nếu để tâm trống không mà ngồi yên lặng (ngồi Thiền) tức là chấp cái “Vô ký không”.

- Mỗi sự lý phải hiểu tới tận chỗ chơn, cả thầy sự lý phải hiểu tới tận chỗ chơn. Tâm phải lo lường việc lớn, chẳng nên đi theo con đường nhỏ (ngồi yên lặng). Miệng đừng trợn ngáy nói “không” mà trong lòng chẳng tu hạnh ấy. Cũng như người phạm tự xưng mình là quốc vương mà rồi chẳng làm gì được. Hạng người ấy chẳng phải là đệ tử của ta”.

Ngài cũng ngăn ngừa lòng kiêu mạn :

- Người tu công đức thì lòng chẳng nên khinh để người, mà phải thường cung kính khắp cả nhơn vật. Nếu lòng thường khinh để người thì bốn ngã của ta chẳng dứt, tức là mình không có CÔNG. Tánh mình giả dối, không chơn thật tức là mình không có ĐỨC. Bốn ngã của ta tự đại nên thường khinh để cả thầy nhơn vật (60).

Với những người chê Kinh là văn tự, không đọc, Tổ dạy:

–“ Chúng người phải biết tự mình mê còn dung được, sao dám chê bai kinh Phật ? Chẳng nên chê Kinh mà phải bị tội chướng vô cùng”

- Trước tướng bên ngoài mà lập ra phép tắc để cầu chơn đạo, hoặc rộng mở Đạo tràng, hoặc nói ra những điều lỗi lầm về chỗ “Có” chỗ “Không”, người như thế ấy dầu tu muôn kiếp cũng không thể Thấy tánh được. Phải nghe và y theo chánh pháp mà tu hành, lại cũng chẳng nên chẳng nghĩ đến mọi việc mà làm cho bít ngãng cái đạo tánh. Nếu nghe pháp mà chẳng tu, ắt khiến người trở lại sanh tà niệm. Phải y theo pháp mà tu hành, còn thí pháp

thì đừng trụ vào tướng. Nếu chúng người đều rõ thì y theo đây mà ứng dụng, y theo đây mà hành động, y theo đây mà làm các việc thì chẳng lạc bốn tông”.

Với những người Ngồi Thiền bất động, Tổ dạy:

*“Có tình hiểu biết đương nhiên động
Không động là loài chẳng có tình
Học đạo nếu tu hạnh chẳng động
Giống loài chẳng động tức không tình
Muốn tìm cảnh thiết tâm không động
Trong lúc động mà Tánh chẳng lay
Chẳng động, thiết rỗng tâm chẳng động
Không tình đâu có giống Như Lai !
Biệt phân các tướng đều thông suốt
Ấy nghĩa tột cao chẳng động tu
Hiểu thấy lý mầu như thế ấy
Tức là diệu dụng của Chơn Như
Hỡi người học đạo tìm chơn lý
Hành động gắng dùng ý biệt phân
Vào cửa Đại Thừa đừng cố chấp
Mà theo sanh tử trí phàm trần...”*

Truyền Đạo Phật thì Tổ Đạt Ma dạy: “Phật trước Phật sau chỉ nói pháp Truyền Tâm, ngoài ra không pháp nào khác. Nếu thấu rõ pháp ấy thì phàm phu ngu dốt không biết một chữ cũng vẫn là Phật”. Và: “Ta đến xứ này cũng chỉ truyền một Tâm ấy, không luận về Giới thí, tinh tiến, khổ hạnh, cả đến việc vào nước, lửa, lên vòng gươm, chạy lạt ngày một lần, ngồi hoài không nằm (Thiền). Thấy thấy chỉ là pháp hữu vi của ngoại đạo”.

Ý Tổ nhấn mạnh là từ bao đời Phật - đến lượt Ngài đến Trung Thổ - cũng chỉ nói Pháp Truyền Tâm. Ngoài ra, những việc làm khác - kể cả Thiền Định - cũng chỉ là pháp hữu vi của ngoại đạo.

Lý do vì sao?

Đạo Phật cho rằng mọi ràng buộc, khổ đau, phiền não, sinh tử... đều do Cái Tâm Mê. Vì vậy mà khi tu hành, muốn Giải Thoát thì phải tu, sửa, chuyển hóa ở đó. Có biết bao điều phải Hiểu, phải Hành - trong đó có Thiền Định - là đừng lảng cái tâm lao xao để tập trung phá Mê cho mình, hướng về Con Đường Giải Thoát. Phải đầu dùng một cái, đọc Kinh, hay nghe ai giảng, thấy cái Lý của Phật là ta hết Mê ngay lập tức! Cho nên, người tu hành nào không biết điều đó, không nhắm vào Cái Tâm mà hành trì, thì đối với Đạo Phật là "Ngoại Đạo". Có nghĩa là chỉ làm bên ngoài, chưa đi vào ngay mục đích chính mà có vị đã nói là: "*gãi ngứa ngoài giày!*"

Về đọc tụng Kinh điển, Phật dạy:

** Nếu lại có người thọ trì đọc tụng, giải nói, biên chép Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nhằm đến một bài kệ, đối kinh điển này cung kính xem như Phật. Các thứ cúng dường... Được Vương! Nếu có người hỏi những chúng sanh nào ở đời vị lai sẽ đặng làm Phật? Nên chỉ các người trên đó ở đời vị lai ắt đặng làm Phật*

** Được Vương! Có người đọc tụng Kinh Pháp Hoa, phải biết người đó dùng đức trang nghiêm của Phật tự trang nghiêm mình, thời được Như Lai dùng vai mang vác"(291).*

"Phổ Hiền! Sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau, nếu có người nào thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa phải nghĩ rằng: Người này chẳng bao lâu sẽ đến đạo tràng phá các chúng ma thành vô thượng chánh đẳng chánh giác, chuyển pháp luân, đánh pháp cổ, thổi pháp loa, rưới pháp vũ, sẽ ngồi trên pháp tòa sư tử trong đại chúng trời và người".

THIỀN ĐỊNH chân chính cũng gọi là CHỈ QUÁN SONG TU của Đạo Phật được kinh Viên Giác viết: "*Đây là phương tiện tu hành của hành giả, tức ba pháp quán. (CHỈ, QUÁN và CHỈ QUÁN SONG TU). Nếu các chúng sanh tinh tấn siêng tu ba pháp quán này được hoàn toàn tức là Như Lai xuất hiện ở thế gian vậy*".

Kinh Phật được xem là Bản đồ, là La bàn để người tu học theo đó mà hành

trì, không sợ lạc hướng, vì trong đó là những lời do chính Đức Phật đã thuyết giảng, được các Đại Đế tử kết tập lại sau khi Ngài nhập diệt. Bao nhiêu pháp phải học, phải hành. Bao nhiêu lời dặn dò, sợ người sau sẽ hiểu lầm, vì Phật đã dùng rất nhiều phương tiện, hoặc tả cảnh giới Tây Phương, Đông Phương. Hoặc Quả vị lớn nhỏ vv... chỉ để đưa người tu đến một cứu cánh duy nhất là “THOÁT KHỔ”.

Đạo Phật dạy: “Ly Kinh nhất tự đồng ma thuyết” tức là khuyên người tu học không được rời Kinh, dù là một chữ. Thế nhưng đến đời các TỔ của THIÊN TÔNG thì Kinh điển không quan trọng cũng chẳng cần thiết, chẳng thấy dạy nhau Giới cần giữ, Hạnh cần làm của người tu Phật! Quả là Đức không có. Hạnh cũng không, nhưng Thiên Sư nào cũng thấy là mình cao hơn Phật, Tổ. Ngài Pháp Diễn ở Đông Sơn trong CÔNG ÁN Kẻ ấy là ai? còn nói: “*Thích Ca, Di Lạc còn là tôi đòi của kẻ ấy!*”

“*Con nhà tông, không giống lông cũng giống cánh*”. Đàng này Thiên Tông chẳng có chút gì giống như lời dạy của Phật hay của hai vị mà họ tự nhận là SƠ TỔ. Với Khẩu, Ý như thế mà tự xưng là nối truyền của Tổ Đạt Ma và Lục Tổ Huệ Năng, thì quả thật là oan cho các Ngài quá !

CHƯƠNG VII

ĐÔI NÉT VỀ PHÁI THIÊN TRÚC LÂM CỦA VIỆT NAM QUA TAM TỔ THỰC LỤC

Sẽ rất thiếu sót nếu bàn về THIÊN mà không nhắc đến THIÊN TRÚC LÂM YÊN TỬ. Thật vậy, giai đoạn cực thịnh của Phật Giáo nước ta đời Trần nổi bật 3 vị gọi là TRÚC LÂM TAM TỔ gồm có Điều Ngự Giác Hoàng (Vua Trần Thái Tông, là Vua thứ tư đời nhà Trần), Sư Pháp Loa và Sư Huyền Quang. Sau đây là đôi nét về 3 vị.

ĐỆ NHẤT TỔ, ĐỨC ĐIỀU NGỰ GIÁC HOÀNG (1258-1308)

Ngài là Vua Trần Nhân Tông, con của Vua Trần Thánh Tông và Thái Hậu Nguyễn Thánh Thiện Cảm. Năm 16 tuổi được lập Thái tử, xin nhường cho em nhưng không được vua cha chấp nhận. Bản tính thông minh, đọc hết các sách sử thế gian. Về Phật học cũng rất tinh tường, được sự giáo huấn của Tuệ trung Thương Sĩ. Năm 21 tuổi được truyền ngôi, trị vì 14 năm.

Năm 1299, Vua truyền ngôi cho Anh Tông và đi thẳng vào núi Yên Tử để tu hạnh đầu đà, lập ra Chi Đề Tịnh Xá, giảng pháp độ Tăng và mới các danh tăng về Chùa Phổ Minh, Phủ Thiên Trường lập ra trường giảng. Sau đó, Ngài vân du đó đây, đến trại Bồ Chính lập Am Trí Kiến để cư trú.

Năm 1308, Đức Điều Ngự kêu Pháp Loa nhận chức trụ trì để nối dòng Chánh Pháp tại Chùa Báo Ân rồi Ngài đi khắp núi non. Đến khi Thiên Thụy công chúa bệnh nặng, cho gia đồng mời Ngài về để gặp mặt. Vài ngày sau, Vua trở về núi, nhưng đến Chùa Tú Lâm núi Kỳ Đặc ở Yên Sinh, Ngài nói với hai Tỳ Kheo là Ngài muốn lên Đỉnh Ngọa Vân mà không thể đi được nữa, Hai thầy Tỳ kheo giúp đưa Vua về núi. Trước lúc họ về, vua cảm ơn và bảo họ xuống núi gắng lo tu hành.

Hôm sau, vua sai thị giả gọi Bảo Sát về gặp. Trên đường đi, Bảo Sát thấy một đám mây đen từ Ngọa Sơn kéo đến Lối Sơn, khi tới Doanh Tuyền, nước suối dâng cao mấy trượng trong giây lát, rồi trở lại bình thường. Bảo Sát lại thấy hai con rồng đầu lớn như đầu ngựa, hai mắt sáng như sao, ngẩng cao hơn một trượng, phút chốc biến mất. Đêm lại thấy điềm chẳng lành. Hôm sau Bảo Sát đến Ngọa Vân gặp Điều Ngự. Ngài bảo với Bảo Sát là Ngài sắp đi, Phật Pháp có gì chưa rõ thì hỏi. Từ đó, 4 ngày liền, trời đất u ám, gió trốt thổi mạnh, tuyết phủ đầy cây, vượn khỉ vây quanh am gào khóc, chim rừng kêu bi thảm. Ngày mồng 1 tháng 11, lúc nửa đêm, Điều Ngự hỏi Bảo Sát “Bây giờ là giờ gì?” Bảo Sát đáp là giờ Tý. Điều Ngự đưa tay mở cửa sổ, ngắm trời và nói: “Đây là lúc ta đi”. Bảo Sát hỏi: “Tôn đức đi đâu?”, Điều Ngự đáp:

Tất cả pháp không sinh

Tất cả pháp không diệt

Nếu hiểu được như vậy

Chư Phật thường hiện tiền, có chi là đi lại”.

Bảo Sát hỏi: “Nếu như không sanh không diệt thì sao?” Điều Ngự đưa tay bụm miệng Bảo Sát, nói: “Chớ nói mê”, rồi nằm theo thế sư tử, an nhiên viên tịch. Bảo Sát phụng mệnh di chúc hỏa thiêu ngay nơi am. Khi thiêu, hương lạ bay xa, nhạc trời vang hư không, mây năm sắc phủ trên giàn hỏa.

Bốn hôm sau, Tôn Giả Phổ Tuệ từ Yên Tử vội vã trở về, dùng nước thơm rưới lên hỏa đàn. Khi làm lễ xong, Phổ Tuệ thu ngọc cốt, lượm được Xá Lợi năm màu, cỡ lớn hơn 500 viên, cỡ nhỏ như hạt lúa, cải, không kể đến.

Đức Điều Ngự tịch diệt cùng một ngày với Công Chúa Thiên Thụy.

(Trang 33 thì ghi là Bảo Sát phụng di chúc hỏa thiêu Điều Ngự. Trang 34 thì viết là Pháp Loa thiêu Điều Ngự nhặt được hơn 3.000 viên Xá Lợi đem về chúa Tư Phúc tại Kinh Đô)

Vua Anh Tông cùng Quốc phụ Thường Tế thống suất triều đình cùng đi thuyền đến chân núi, gào khóc vang trời rồi rước ngọc cốt và Xá Lợi đưa về kinh thành. Triều đình và thôn dã tiếc thương gào không vang động đất trời.

Vua đem ngọc cốt để vào bảo khâm, chia xá lợi làm 2 phần, một phần đựng trong bình vàng bảy báu, tôn trí vào Đức Lăng, tôn miếu hiệu là Nhân Tông. Một phần cất vào Bảo Tháp tại khu đất Đức Lăng ở Hưng Long. Một phần cất vào Kim tháp chùa Vân Yên núi Yên Tử đặt tên là Huệ Quang Kim Tháp, và cho đúc hai tượng Điều Ngự bằng vàng, một thờ ở Chùa Báo Ân tại Siêu Loại, một thờ ở Chùa Vân Yên núi Yên Tử.

Đức Điều Ngự để lại nhiều tác phẩm dạy đạo, gồm có:

1/- Thiền Lâm Thiết Chủ Ngữ Lục

2/- Hậu Lục

3/- Đại Hương Hải Ấn Thi Tập

4.- Tăng già Toái Sự

ĐỆ NHỊ TỔ PHÁP LOA (1284-1331)

Ngài sinh năm 1284 tại Thôn Đồng Hòa, Hương Cửu Loa, bên sông Nam Sách. Trước lúc mang thai, mẹ Ngài là Vũ Thị đêm nằm mộng thấy dị nhân trao cho kiếm thần, bà vui mừng ôm vào lòng, đến khi thức giấc bà biết mình đã có thai. Khi còn trong thai, vì mẹ Ngài đã sinh liên tiếp đến 8 đứa con gái, nên âm thầm tìm thuốc uống để phá thai 4 lần mà vẫn không bị hỏng, nên khi sinh ra Ngài, bà đặt tên là Kiên Cương. Khi Ngài ra đời có mùi hương lạ bay khắp nhà hồi lâu mới hết. Lúc còn bé đã có thiên tư đỉnh ngộ, không nói lời ác, không ăn chất cay nồng.

Năm Ngài được 21 tuổi (1304). Đức Điều Ngự đi khắp nơi khuyên người dân trừ bỏ dâm tử và bố thí pháp dược để trị bệnh cho người nghèo và cũng có ý tìm người để nối pháp. Khi xa giá Điều Ngự đến sông Nam Sách thì cùng lúc Kiên Cường đang đi chơi xa bỗng thấy phiền muộn nên quay về. Thấy Điều Ngự đến thôn mình, bèn đến đánh lễ xin xuất gia. Đức Điều Ngự vừa thấy tướng mạo Ngài thì bảo: “Đứa bé này có đạo nhãn, sau này hẳn là bậc pháp khí”, lại thấy ngài tự đến xin Xuất Gia nên đặt tên cho là Thiện Lai.

Lúc về đến núi Linh Sơn. Đức Điều Ngự thế phát và trao man y cho Ngài rồi bảo đến Quỳnh Lâm học với Hòa Thượng Tĩnh Giác. Ngài hỏi nhiều câu mà sư chưa thể khai thị cho, nên tìm đọc Kinh Lăng Nghiêm. Đến đoạn 7 lần gạn hỏi Tâm, cuối cùng đến đoạn ví dụ khách trần thì suy nghĩ giây lâu bỗng được thể nhập. Một lần tham vấn Điều Ngự, nghe đọc bài “Thái dương ô kê” liền lĩnh ngộ. Điều Ngự biết Ngài đã thâm nhập Phật pháp nên bảo Ngài theo hầu bên mình.

Một đêm nọ, Ngài trình 3 bài tụng cốt yếu đều bị Điều Ngự sổ toẹt. Ngài thưa hỏi đến 4 lần mà Điều Ngự vẫn bảo phải tự tham cứu lấy. Ngài trở về phòng, tâm thần rất xao xuyến, nửa đêm nhìn thấy hoa đèn rơi bỗng nhiên đại ngộ, bèn đem những gì đã tỏ ngộ trình lên Đức Điều Ngự, Ngài rất bằng lòng. Từ đó, Ngài thể nguyện theo 12 hạnh đầu đà.

Năm 1305, Đức Điều Ngự đích thân truyền Giới Thanh Văn và Bồ Tát cho Ngài tại chùa Kỳ Lân. Đến đây sự tham học của Ngài đã thành, nên được ban cho hiệu là PHÁP LOA.

Năm 1307, Điều Ngự thấy trong 7, 8 thị giả Sư là người đứng đầu nên ngày rằm, khi bố tát xong, cho tả hữu lui hết rồi lấy Y Bát và viết tâm kệ giao cho Sư phải giữ gìn.

Năm 1308 Điều Ngự giao chùa Siêu Loại của Sơn Môn Yên Tử cho Sư kế thế trụ trì làm Tổ Thứ Hai của Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử và đem 100 hộp kinh sử ngoại điển và 20 hộp Đại tạng cỡ nhỏ viết bằng máu trao cho Sư để mở mang việc học.

Năm 1330, Sư lâm bệnh. Các đệ tử hỏi: Người xưa lúc lâm chung đều có kệ dạy, sao Thầy không có. Sư quả trách họ, giây lâu bèn ngồi dậy, bảo đem giấy bút đến và viết bài Kệ:

Muôn duyên cắt đứt tấm thân nhàn

Hơn 40 năm cõi mộng tàn

Giã biệt! xin đừng theo hỏi nữa

Bên kia trăng gió mặc thênh thang

Rồi quăng bút an nhiên thị tịch đúng vào giờ Tý, thọ 47 tuổi.

ĐỆ TAM TỔ HUYỀN QUANG (1254-1334)

Huyền Quang nhà ở phía Đông Nam chùa Ngọc Hoàng, tại Lang Am, làng Vạn Tải hạ lưu sông Bắc Giang. Chùa Ngọc Hoàng rất linh. Mẹ là bà Lê Thị, năm 30 tuổi mà chưa có con trai nối dõi nên thường đến cầu nguyện tại chùa này. Một lần bà đi núi Khu Sơn hái thuốc, tới chùa Ma Cô Tiên gặp trời hè nắng gắt nên đến nghỉ dưới bóng chùa. Trong mơ màng bà thấy một con khỉ lớn, đầu đội mũ triều thiên, mình mặc áo hoàng bào, ôm mặt trời hồng ném vào lòng bà. Bà kinh hãi thức giấc, thấy lòng rung động. Về thuật lại cho một vị tôn túc, vị này suy đoán là bà sẽ có thai.

Bà Lê Thị mang thai đến 12 tháng mà bụng không chuyển động nên bà nghi bệnh, uống thuốc phá thai mà thai không bị hư. Năm 1254 Tổ sinh ra. Khi sinh ra có tia sáng mờ ảo, mùi hương thơm phức. Mọi người gọi đó là đứa trẻ có mùi hương thanh tịnh. Thuở nhỏ là đứa bé cứng cáp, đến tuổi đồng ấu thì có tướng mạo dị thường, có chí của bậc trác việt vĩ nhân, học một hiểu mười, có tài nên được gọi là Tải đạo.

Năm 20 tuổi đỗ kỳ thi Hương. Năm sau đậu Thủ khoa thi Hội. Vua muốn gả công chúa cho, nhưng Ngài khước từ. Ngài được bổ vào chức quan Hàn Lâm, phụng mệnh tiếp sứ giả phương Bắc, văn chương lưu loát hơn cả Trung quốc và các lân bang.

Lúc Ngài theo vua đến chùa Vĩnh Nghiêm huyện Phụng Nhãn, thấy quốc sư Pháp Loa đang hành đạo, liền nhớ lại duyên xưa, nên dâng biểu ba lần xin từ chức để xuất gia học đạo tu hành. Lúc đó Vua rất tôn sùng Phật giáo nên chấp nhận. Ngài thọ giáo với Pháp Loa, được pháp hiệu là Huyền Quang (trong phần chú thích có nói là theo tiểu sử của Pháp Loa thì Huyền Quang là đệ tử của Bảo Phúc ở chùa Vũ Ninh).

Ngài phụng mệnh vua trụ trì Chùa Vân Yên, núi Yên Tử. (Vân Yên là tên trước kia. Khi vua đến viếng cảnh chùa thấy sắc hoa tươi đẹp bèn đổi tên thành Chùa Hoa Yên).

Ngài đọc nhiều, tinh thông Phật Pháp, tăng ni theo học đến cả ngàn người. Kể từ đó, Điều Ngự Giác Hoàng, Pháp Loa và Huyền Quang, Ba Tổ đi khắp các chùa danh tiếng trong nước để giảng Kinh cho đồ chúng. Ngài soạn Chư Phẩm Kinh và Công Văn tập, được Điều Ngự bút phê vào Thích Khoa Giáo: “Phàm sách đã qua tay Huyền Quang biên soạn thì không thể thêm hay bớt một chữ nào nữa”.

Ngày rằm tháng giêng năm Quý Sửu (1313), Sư về Kinh thăm vua rồi về Chùa Báo Ân giảng Kinh lảnh Nghiêm, buổi chiếu bồng có một đôi chim khách trắng bay đến lượn qua lượn lại vừa kêu như có điệu vui, Ngài nói với đệ tử là ở Chùa này Ngài thường thấy những điềm lành như thế, phù hợp với lời sấm về ảnh hưởng của trời đất. Ngài nghĩ đến cha mẹ ông bà, dâng biểu xin phép về làng thăm viếng. Nhân đó lập một ngôi chùa ở phía tây nhà, nằm ở phía Đông chùa Ngọc Hoàng đặt tên Chùa là Đại Bi, lấy ý từ câu “Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát cứu độ cha mẹ quay về Đạo Phật”, nên có tên là Chùa Thầy.

Năm 1313, Ngài trở về Chùa Vân Yên, lúc đó Ngài được 60 tuổi.

Một hôm, vua bảo với các quan hầu cận, Tăng quan và đạo sĩ là: Mọi người sinh ra đều thích ăn ngon, mặc đẹp. Những người gác bỏ lòng ham muốn để phụng sự đạo, là để lo một mặt mà thôi. Sao chỉ mỗi Thầy Huyền Quang từ khi sinh đến giờ vẫn sắc sắc không không, như nước không sóng, như gương không bụi, phải chăng Sư đè nén lòng dục, hay là không có lòng dục?”

Lúc đó viên quan bên cạnh ứng tiếng đọc:

“Họa Hổ, họa bì, nan họa cốt

Tri nhân, tri diện, bất tri tâm”

Xin hãy xem thử vì sao được như thế. Lời đó là của Học sĩ lừng danh, Trạng Nguyên của hai nước: Mạc Đĩnh Chi.

Vua nghe râu bèn sắp đặt để thử thách Sư. Vua chọn một cung nữ chưa tới 20 tuổi, rất xinh đẹp lại giỏi văn thơ, có tài ăn nói, tên là Điểm Bích và dặn dò rằng Vị Tăng ấy vốn không ưa sắc dục, tính rất cương trực, giới hạnh lại cao nghiêm, người hãy đến thử Thầy ấy, nếu lòng Thầy còn quyến luyến tình dục thì hãy dụ lấy cho được kim tử làm bằng chứng. Còn nếu người gian trá sẽ có tội.

Thị Bích mang theo một tỳ nữ đến chùa Vân Yên xin xuất gia học đạo tu hành, nhờ bà sư già tiến dẫn với Quốc Sư. Bà Tỳ Kheo già thường sai Thị Bích dâng trà nước cho Sư. Sư thấy nàng ta cử chỉ lẳng lơ không giống người cầu đạo nên ra lệnh cho Tỳ Kheo ni già bảo thị Bích về nhà, đợi tới tuổi già sẽ cho đến học đạo.

Nàng ta thấy Sư giới hạnh tinh nghiêm không cảm dỗ được thì nghĩ kế khóc lóc với vị tỳ Kheo ni già là cha làm quan Huyện, đi thu thuế được một số vàng lớn, cho vào túi, mang về Kinh để nạp, nửa đường bị cướp sạch. Xin được gia hạn đến cuối năm sẽ mang nạp đủ, nếu quá kỳ hạn thì sẽ sung công điền sản, vợ con. Giờ nàng xin mọi người giúp đỡ, góp vào với điền sản đã bán để đủ số.

Các Tăng ai nghe cũng cảm động xin Sư góp vàng bạc để cứu gia đình nàng. Sư định về triều tâu xin Hoàng đế giúp cho gia đình nàng ta, nhưng có một vị Tăng bảo là chúng ta nên giúp, thay vì nhờ triều đình, vì đó là việc riêng, không phải việc công. Sư nghe nói vậy lấy một số vàng cho nàng để về chuộc tội cho cha.

Nhận được vàng, Thị Bích bèn về triều, tâu với vua là đã đến xin học đạo với sư và được cử dâng trà nước cho Sư hơn 1 tháng, Sư chưa từng hỏi han hay nhìn nàng. Nhưng một đêm, nàng lẻn đến tăng phòng, thấy Sư ngâm đi ngâm lại đến 3 lần, bài kệ:

Vàng vạc trắng mai ánh nước

Hiu hiu gió trúc ngâm sên

Người hòa tươi tốt cảnh hòa lạ

Máu Thích ca nào thử hữu tình

Vua nghe nói lòng buồn, than rằng nếu việc này có thật thì đó là Sư trúng kế ngang qua cửa mà giăng lưới bắt chim của vua, còn nếu không cũng không tránh khỏi mối ngờ “ngồi xổ giày nơi đám ruộng dưa”. Vua bèn mở hội phía Tây thành và cho sứ giả đi mời Sư, bí mật bày trên bàn cùng cà sa, y bát, pháp khí xen lẫn với vàng bạc, châu ngọc, đồi mối. Sư nghe vua triệu nên hôm sau về Kinh, vào triều.

Sáng hôm sau vào đàn tràng, thấy bốn bên bọc lụa vàng, trên bàn bày các tạp vật cùng hương đăng. Sư biết là do cung nữ thử mình ngày trước, liền ngửa mặt lên trời than thầm rồi lên đàn ba lần, xuống đàn ba lần. Đứng

ngay giữa đàn, vọng bái Thánh hiền mười phương. Tay trái cầm bình bạch ngọc, tay phải cầm nhánh dương xanh, mặt niệm và tẩy tịnh trên dưới, trong ngoài đàn tràng. Bỗng có một đám mây đen hiện lên từ hướng Đông Nam, bụi bay mù mịt ngất trời. Khi dứt thì các thứ tạp vật bị cuốn bay đi hết, chỉ còn hương đăng lục cúng. Cả đàn tràng và những người xem hội đều thất sắc kinh hoàng. Vua thấy hạnh của Sư thấu đến trời đất liền bỏ chỗ ngồi lạy sư để tạ lỗi, và phạt thị Bích làm tỳ nữ quét tước một ngôi chùa trong điện cung Cảnh Linh. Từ đó, vua thêm tôn kính, gọi Sư là Tự Pháp.

Sư cư trú ở Thanh Mai 6 năm, sau về trụ trì chùa Côn Sơn đọc tụng kinh điển và lập ra đài Cửu Phẩm Liên Hoa để lại cho kẻ hậu học.

Ngày 23 tháng giêng năm Giáp Tuất (1334), Sư viên tịch tại chùa Côn Sơn, thọ 80 tuổi (1254-1334).

PHÁP CỦA THIỀN PHÁI TRÚC LÂM

Đệ Nhị Tổ là PHÁP LOA cũng có để lại THIỀN ĐẠO YẾU HỌC mà những lời trong đó cũng không khác gì lời của Chính kinh và chư Tổ đi trước. Xin sơ lược vài điểm:

Ngài nói về người xuất gia cần phải học Ba Thứ Pháp: Đó là hiểu rõ Tông Sư, thứ đến phân biệt chân ngụy, sau hết biết thiện ác.

Ngài dạy phải biết Tổ Sư thuyết pháp gồm những ai? Có bao nhiêu người đắc đạo nối pháp, truyền tông? Thầy nào tăng chúng có thể theo học.

Ngài dạy phân biệt chân, ngụy: Nếu là pháp chân chính thì thường giữ Giới Luật, y theo giáo pháp mà tiến tu. Dạy nên gần gũi bạn tốt để được khuyên bảo sám hối, diệt trừ tội lỗi, siêng năng tìm thiện tri thức, tu hành tinh tấn.

Ngài dạy người học đạo phải Thấy Tánh. Sau khi Thấy Tánh phải giữ gìn Tịnh Giới kiên cố. Đó là ngoài dứt các duyên, trong tâm không loạn. Vì Tâm không loạn nên cảnh đến vẫn an nhàn.

Với Thiền Định thì Ngài dạy Quán Thân. Quán Tâm. Quán pháp. Ngài dạy những điều cốt yếu của Đại thừa là VẤN, TƯ, TU, GIỚI, ĐỊNH, TUỆ. Dạy phải nương theo Kinh sách để tu hành và chỉ rõ cách học đạo, từ cách chọn bạn cho đến những hạng Thầy nên gần gũi để được lời lạc.

Tóm lại qua những bài giảng của hai Tổ PHÁP LOA, THIỀN PHÁI TRÚC LÂM YÊN TỬ, ta thấy hoàn toàn phù hợp với tinh thần TU TÂM theo Đại Thừa, dạy người tu quay vào tìm Tâm vì Tâm tức là Phật.

Phần kết luận của Thiền Đạo Yếu Lược rất đáng cho người tu suy nghĩ:

“Nay thấy có kẻ học đạo, chưa nghe đạo đã xưng là tu đạo. Tu đạo gì vậy? Cổ Đức nói: “Ăn được vài cọng rau đã tự xưng là ăn chay theo Tổ Sư”. Lại nói: Như con trâu kia suốt đời ăn cỏ mà có thành Phật bao giờ?” Cho nên Tuệ Trung nói:

“Ăn thịt hay ăn cỏ

Chúng sinh từng loài đó

Xuân về trăm cỏ sinh

Tội phước làm gì có!

Đó là Ngài theo gương Tổ Đạt Ma, phá chấp cho những người ăn chay rồi lấy đó làm công năng tu hành. Điều đó không có nghĩa là Ngài khuyến khích ăn mặn. Nhưng ăn chay mà không Văn, Tư, Tu thì cũng không sinh được Trí Huệ, nên cũng chẳng có lợi ích gì, chỉ dút được Nghiệp Sát mà thôi.

Phần cuối là lời ghi của người in sách.

Theo đó thì Đức Điều Ngự cũng thuộc dòng Thiền Dương Kỳ, thuộc dòng Lâm Tế với Ngài Vô Môn. Chính vì vậy mà ta thường thấy những câu hỏi đáp giữa Thầy trò với nhau, như thường diễn ra trong các dòng Thiền. Nhưng ở đây điều chúng ta quan tâm là tuy cùng dòng Dương Kỳ, nhưng người đặc pháp thật sự và người chưa đắc thì ngôn ngữ, cách diễn tả hoàn toàn khác nhau: Ngài Vô Môn thì ngôn ngữ kiêu mạn, sưu tầm nhiều Công Án ngoại soi. Những lời bàn của Ngài cũng làm cho người đọc tưởng lầm chứng đắc là điều gì đó ghê gớm, còn cao hơn cả Phật, Tổ. Trong khi đó, các Tổ Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử ngôn ngữ hết sức bình dị, chỉ nhắc nhở mọi người quay về tìm Tâm, tìm Tánh, Giữ Giới, Định, Huệ, Văn, Tư, Tu, Quán Thân, Quán Tâm. Không hề đao to, búa lớn, chỉ dạy cặn kẽ từ việc nên đọc Kinh để thấu hiểu Phật Pháp, nên phân biệt pháp đúng, sai. Nên chọn bạn, chọn Thầy như thế nào? Là những căn bản mà người tu chân chính nào cũng phải xem như Kim Chỉ Nam nếu muốn tu hành thành công.

CHƯƠNG VIII

PHẦN KẾT LUẬN

Đạo Phật sở dĩ được nhiều người, nhiều thời mến mộ bởi các đức TỪ, BI, HỖI, XÃ. Pháp của Đạo Phật được gọi là CHÁNH PHÁP bởi Hạnh Thường Bất Khinh Bồ Tát, bởi không còn Ngã chấp, Pháp chấp. Người tu Phật chân chính lúc nào cũng Thu thúc Lục Căn, nên Thân, Khẩu, Ý Ba Nghiệp thanh tịnh. Cuộc sống GIỮ GIỚI, hành theo Bát Chánh Đạo. Không nói những lời phô trương, không chứng đắc mà khoe chứng đắc hay bằng cách nọ cách kia để người khác tưởng rằng mình là thánh nhân giáng trần, mục đích cầu danh, cầu lợi. Ý thức rằng cuộc sống không trường tồn, nên không màng danh lợi, cao, thấp, hơn thua. Nhất là ý thức Nhân Quả, nên không lấn người, không hại vật để mưu cầu lợi ích bản thân.

Người tu Phật xem cái Thân như oán tặc, chỉ dùng nó như phương tiện để qua sông Sinh tử. Không để cho cái thân làm chủ mình để chịu theo những đòi hỏi của nó, mà làm chủ nó, điều khiển nó, như lời Kinh Đại bát Niết Bàn: *“Như người ở giữa biển, ôm thân ma để bơi vô bờ”*. Công phu tu hành buổi đầu là phải Thiền Định, tập trung Thân, Tâm mà Soi, Quán để TÌM cái VỌNG TÂM. Thấy được cái VỌNG TÂM đồng thời sẽ thấy được cái CHÂN TÂM hay là BỔN THỂ TÂM hay THẤY TÁN H, mà có vị đã diễn tả bằng những bức tranh trong “Thập mục ngư đồ”. Tức là đầu tiên phải biết mục tiêu cần tìm là cái VỌNG TÂM, tượng trưng cho con trâu. Kiên trì theo dấu nó. Khi tìm được thì khống chế nó, chặn dắt nó, để nó không còn phá hư lúa mạ. Khi việc điều phục con trâu xong rồi thì thõng tay vào chợ, tức lúc đó con trâu đã được thuần hóa, không còn phá phách nữa. Cuối cùng là không còn người, cũng không còn trâu, để nói về sự Giải Thoát.

Do vậy, chư Tổ đều dạy, việc tu hành bắt buộc phải đi qua ngưỡng cửa Thấy TÁN H, tức là phải nhận biết CÁI BỔN TÂM CỦA MÌNH. Từ cái THẤY TÁN H này, họ sẽ điều phục cái VỌNG TÂM để cho nó hết MÊ LẦM. Bởi chính vì Mê Lầm mà nó đã chấp lầm cái thân Tứ Đại Nghiệp quả này cho đó là TA, từ đó mà tạo Nghiệp để hiện đời không được an ổn, kiếp sau lại sẽ theo Nhân Quả mà đọa vào Sáu Nẻo Luân Hồi. Mục đích tu Phật là để chấm dứt chuỗi Luân Hồi đó. Cho nên, người tu phải điều phục cái Tâm, hay còn gọi là “làm Bồ

Tát Hạnh”, tức là “Độ Sinh”, độ cho những tư tưởng còn u mê của mình, cho tới lúc được hoàn toàn Giải Thoát.

Trong cái Giải Thoát đó cũng Giải Thoát luôn cái Ngã Chấp, tức là Không còn Chấp Cái Ta. Nhưng đa phần các Thiền Sư đều làm ngược lại: Chẳng những có Ta, mà còn có Ta cao Phật phải thấp hơn họ thì họ mới hài lòng. Ngài Nguyệt Khê thì để ra Cõi TUYỆT ĐỐI, và cho là “*Cõi tuyệt đối không phải là chỗ mà ngữ ngôn văn tự có thể biểu tượng được, cho dù với trí huệ của Phật Thích Ca*”. (Đại Thừa Tuyệt Đối Luận, dịch giả Đặng Hữu Trí tr. 85).

Phật Thích Ca thì không luận nổi Cõi Tuyệt Đối, trong khi Ngài Nguyệt Khê viết Tuyệt Đối Luận dài cả mấy tập! Xem ra Ngài Nguyệt Khê đúng là siêu hơn Đức Thích Ca rồi! Cũng giống như Ngài Nguyệt Khê, Thiền Sư Suzuki cho là “*Phật Thích Ca, và về sau là Thế Thân, Long Thọ cũng không thể nói về Giác Ngộ hết lời, cạn ý*”. Có điều giáo pháp của Phật Thích Ca và Chư Tổ thì dắt người sau đến được Giác Ngộ, còn Luận của hai Ngài không thể dắt người sau đi tới cảnh giới tối cao mà họ mô tả được!

Kinh DUY MA CẬT viết: “*Trong Phật Pháp, người có chứng đắc là kẻ tăng thượng mạn*”, vì chứng đắc của Đạo Phật là “đắc cái Vô sở đắc”, tức đắc cái không còn Ta Đắc. Đã Không còn TA đắc thì lấy ại mà cao hơn người? Hơn nữa, lẽ ra NẾU CÁC VỊ THIỀN SƯ ĐÓ THẬT SỰ ĐẮC ĐƯỢC CHỮ VÔ, thì Tâm của họ phải như hư không mới phải. Đàng này, Lý một nơi, Sự một nẻo, nên hành vi, lời nói các vị toàn là CÓ, hoàn toàn trái với thái độ Từ Bi, Nhẫn Nhục, Thường Bất Khinh Bồ Tát của đệ tử Phật Môn!

Lý do vì sao họ lại có những lời lẽ, cử chỉ thì chúng ta có thể phân tích để thấy phần nào:

1/- Do hiểu lầm về mục đích và phương tiện của Đạo Phật.

Ai cũng biết Đức Thích Ca rời bỏ hoàng cung – sau này gọi là xuất gia – là do thấy nỗi Khổ SINH, LÃO, BỊNH, TỬ đè nặng lên thân xác con người nên Ngài mới phát tâm đi tìm cách Thoát khỏi cảnh đó. Sáu năm tu hành theo ngoại đạo, hành bao nhiêu khổ hạnh mà không thấy được điều mình muốn tìm, nên Ngài đã Ngồi Thiền Định 49 ngày đêm. Cuối cùng đã thấy được lý do vì sao mà con người phải bị Sinh Tử Luân Hồi cũng như cách thức để hóa giải gọi là “đắc đạo”, tức là “gặp được con đường”. Như vậy, Đức Thích Ca Ngồi Thiền là để tìm thủ phạm đã gây ra Sinh Tử Luân Hồi. Pháp của Ngài “Đắc” là tìm được thủ phạm gây ra Sinh Tử Luân Hồi và cách thức để hóa giải.

Khi thấy được nguyên nhân của Sinh Tử Luân Hồi thì Ngài thấy rằng thủ phạm chính là cái VỌNG TÂM của mỗi chúng ta. Chính nó vì MÊ LẦM, thấy

CÁI THÂN giả tạm là MÌNH, nên tạo bao nhiêu nghiệp chướng, để rồi bị Nghiệp lôi kéo mà phải triền miên hết Tử, lại Sinh, vòng quanh trong 6 nẻo là: Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Nhân, Atula, Thiên, gọi là LUÂN HỒI. Vì thế, muốn Thoát vòng Luân Hồi này, Ngài đặt ra 6 phương tiện gồm: BỐ THÍ, TRÌ GIỚI, NHẪN NHỤC, TINH TẤN, THIỀN ĐỊNH và TRÍ HUỆ và dùng cả cuộc đời còn lại để rao giảng con đường mà Ngài khám phá ra đó. Con đường đó gọi là Con đường Giải Thoát. Giải Thoát có nghĩa là PHẬT. Con đường là ĐẠO, nên gọi tắt là ĐẠO PHẬT. Thành tựu công việc Tự Giải Thoát được gọi là Thành Phật. Tất cả mọi người, không phân biệt già, trẻ, giới tính, ngu, trí, sang, hèn, nếu chấp nhận, hành trì theo phương pháp Ngài đặt ra cũng sẽ đạt được giống như Ngài; vì thế, Ngài đã Thọ Ký: *“Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành”*.

Đạo Phật có rất nhiều phương tiện, nhưng để tiến tới giai đoạn “Thành Phật” là bắt buộc phải THẤY TÁNH nên có câu *“Kiến Tánh Thành Phật”*. THẤY TÁNH không phải là để thành một vị Thần Linh nào đó, mà chỉ là NHẬN RA CÁI BẢN CHẤT THẬT SỰ CỦA MÌNH. Biết rằng MÌNH không phải là cái Thân Tứ Đại giả tạm này, mà là phần vô tướng, đi chung với cái Thân cho đến khi nó hết nghiệp, hư hoại, trở về với tứ Đại. Cái CHÂN TÁNH này trường tồn, bất diệt, mỗi người đều có. Biết cách tìm thì sẽ gặp. Cái này cũng gọi là CÁI CHÂN TÂM hay BỔN THỂ TÂM.

Người tu hành chân chính phải là người thấy cuộc đời là Khổ, nên phát tâm tu hành để cầu THOÁT KHỔ. Mục đích duy nhất, là được Thoát Khổ, cho nên không đòi hỏi quả vị, không hơn thua, so sánh với người khác, chỉ biết lo tìm cái Vọng Tâm của mình rồi điều phục nó. Để làm được điều này, họ phải tuân thủ theo các phương pháp mà Phật đặt ra. Phải có GIỚI, cuộc sống phải đi trong BÁT CHÁNH ĐẠO. Mọi công phu là để tìm ra cái TÂM MÊ, gột rửa nó, để nó trở lại tình trạng thanh tịnh như vốn có từ vô thủy.

Phái THIỀN TÔNG xuất phát từ Đạo Phật, nên họ cũng loáng thoáng nghe những điều này. Họ cũng biết Đức THÍCH CA nhờ Ngồi Thiền mà đắc đạo, nên cố sống cố chết Tham Công Án để chứng đắc! Nhưng cái họ lầm lớn nhất là tưởng Thành Phật là thành một vị Thần Linh, cứu nhân độ cả Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới như trong Kinh Đức Phật đã dùng phương tiện, chỉ bên ngoài để nói về sự cứu độ bên trong. Chính vì sự lầm tưởng đó nên các Thiền Sư ngày xưa vị nào cũng cho là khi *chứng đắc là sẽ cao hơn Phật!*

Họ cũng biết là muốn Thành Phật thì phải qua giai đoạn Thấy Tánh. Biết rằng phải Quán sát các pháp. Biết rằng Đạo Phật đưa con người từ CHẤP CÓ, đến cái KHÔNG. Khi không còn chấp nữa, thì sẽ được Giải Thoát, nên họ đốt giai đoạn, vừa vào tu học Thầy đã cho THAM CHỮ VÔ, bỏ qua những

hạnh khác. Khi thấy được chữ VÔ lại tưởng lầm là THẤY TÁNH, rồi tưởng Thấy Tánh là Thành Phật nên kiêu mạn!

Họ không biết Phật dạy: “*Như biển cả chỉ có một vị mặn, đạo của ta cũng chỉ có một vị là Giải Thoát mà thôi*”, và họ cũng không biết là CÁI KHÔNG chưa phải là ý nghĩa cuối cùng của Đạo Phật. Bởi vì sau đó Phật còn giảng tiếp để đi đến rốt ráo của các pháp là: “KHÔNG PHẢI CÓ, KHÔNG PHẢI KHÔNG, MÀ CŨNG CÓ, CŨNG KHÔNG”, tức là CON ĐƯỜNG TRUNG ĐẠO. Con đường này mới làm cho người tu Sống giữa các pháp mà Thoát Các Pháp. Đó mới kết quả thật sự của Đạo Phật chân chính.

Mọi Mê, Ngộ, Thánh, Phàm đều do cái Tâm, cho nên Tu Phật là phải SỬA ở đó gọi là TU TÂM. Vì thế ĐỐN GIÁO là phương tiện chỉ thẳng cái TÂM, để người tu biết MÊ ở đó thì NGỘ cũng ở đó. Tập trung hành trì ở đó, thay vì vòng quanh tụng kinh, gõ mõ, chay lạt, ngồi Thiền, cạo tóc, đắp y vv... gọi là Tiệm Giáo.

2/- Gán ghép hai trường hợp được Ấn chứng với phương pháp truyền dạy của phái Tu Thiền.

a)- Khi Đức Thích Ca trước chúng đưa cành Hoa Sen lên, đại chúng đều ngỡ ngác, không hiểu Ngài muốn nói gì? Chỉ riêng Ngài Ca Diếp mỉm cười và được Đức Thích Ca Truyền Y Bát. Thế là những người chuyên Tu Thiền vin vào đó để cho rằng cho CÁI CƯỜI đó là “ĐỐN GIÁO”. Họ không cần xem lại lịch sử truyền đạo của Đức Thích Ca để thấy Ngài Ca Diếp là một trong những đệ tử đầu tiên theo Đức Thích Ca nghe pháp. Nhờ nhiều năm theo hầu Phật để học hỏi, thực hành, nên biết rõ mục đích của Đạo Phật. Ngài hiểu rằng dù Đức Thích Ca dùng bao nhiêu phương tiện: nào là Quả Vị, nào là Tây Phương Cực Lạc đầy dẫy 7 báu, Đông Phương Tịnh Quốc, Phật Quốc. Chư Bồ Tát bay lướt mười phương hay Ngài Quán Thế Âm luôn lắng nghe tiếng kêu của chúng sinh để cứu độ vv... Mục đích chỉ là để dụ cho con người ham thích, rồi mong về đó mà thực hành theo những điều kiện đưa ra, để bớt đấm đui vào cảnh trần, mà được Thoát Khổ, được như Hoa Sen, sinh ra, lớn lên từ bùn, mà không bị bùn nhơ làm cho ô nhiễm. Vì thế, khi thấy Đức Thích Ca đưa cành Hoa Sen lên, Ngài Ca Diếp mỉm cười để tỏ ý là Ngài đã thấu triệt những gì Đức Thích Ca muốn hướng con người tới. Vì vậy, Đức Thích Ca đã Truyền Y Bát cho Ngài thay mặt thống lãnh đồ chúng. Đâu có phải vừa gặp Phật một ngày hay hai ba tháng đã được Truyền Y Bát mà cho là “ĐỐN”? Ngài Anan thuộc pháp của Phật lâu lâu như “*nước trong bình đổ ra không sót một giọt*” còn không được truyền, vì Hạnh chưa đầy đủ. Lẽ nào chỉ cần CƯỜI mà được? Chúng tỏ người kết luận “*nhờ CƯỜI mà được truyền Y Bát*” là hoàn toàn không hiểu gì về việc Truyền Y Bát của Đạo Phật.

b)- Hiểu lầm về trường hợp Thần Hội khi gặp Lục Tổ bị đánh 3 gậy. Sau đó, khi Lục Tổ tịch rồi thì đứng lên thay Ngài để hoàng hóa Phật Pháp thì cho rằng GẬY đó là “Đốn Giáo”

Theo Pháp Bảo Đàn Kinh thì trước khi đến gặp Lục Tổ thì Thần Hội đã là Sa Di bên Chùa của Sư Thần Tú được 9 năm. Có lẽ cũng có nghe sư Thần Tú nói rằng “Ngồi Thiền thì Thấy Tánh”, nên đã vặn hỏi Lục Tổ “*Hòa thượng ngồi Thiền, thấy hay chẳng thấy?*” Lục Tổ muốn khai mở cho y, mới đánh Y ba gậy. Sau đó, Thần Hội ăn năn, lạy Tổ hơn trăm lạy để xin lỗi và tiếp tục theo học với Lục Tổ. Đến mười sáu năm sau, khi Tổ viên tịch mới đứng ra hoàng pháp. Đâu phải vừa gặp Tổ bị đánh 3 gậy đã Thấy Tánh? Như vậy sao gọi Gậy đó là “ĐỐN GIÁO” được? Việc Phật đưa cành Sen lên và Lục Tổ đánh Thần Hội 3 gậy liên quan gì tới việc các Thiền Sư đưa Thiết trượng hay Phật Thủ lên xuống, hoặc đưa ngón tay lên? Ngoài những cử chỉ đó, các Thiền Sư có nói thêm điều gì đâu mà Ngài Suzuki cho là “Chỉ Thẳng”?

Thế Tôn “cầm hoa” để nói với người đã học, đã thông suốt con đường tu hành là Đức Ca Diếp. Các Thiền Sư cầm Phật thủ hay thiết trượng đưa xuống đưa lên để nói gì với người chưa hiểu gì về Đạo?

3/- Hiểu lầm câu “làm thầy cõi trời và cõi người”.

Câu “*là thầy cõi trời và cõi người*” nằm trong lời NGŨ TỔ dạy, nguyên văn như sau: “*Nếu chẳng biết BỔN TÂM thì học pháp vô ích. Bằng biết BỔN TÂM và Thấy BỔN TÁNH mình, tức gọi là trượng phu, là thầy cõi trời và cõi người vậy*”. Điều kiện đã được Ngũ Tổ nói rất rõ: Phải BIẾT BỔN TÂM và THẤY BỔN TÁNH. Trong khi đó, phái Tu Thiền không hề BIẾT được BỔN TÂM, cũng chẳng Thấy BỔN TÁNH. Chỉ thấy được chữ VÔ cũng tự cho là “*là thầy cõi trời, cõi người*”! Quả là “báng Kinh, nhạo Pháp!

Mặt khác, “*cõi trời và cõi người*” mà Ngũ Tổ dạy đó là nằm ở trong Tâm của người tu. Mỗi người khi tu hành đều phải làm công việc “giáo hóa” hay là “điều phục chúng sinh”. Phật dạy Lục Đạo chúng sinh trong nội tâm của người tu, không phải ở bên ngoài. Nhưng phái Tu Thiền đã hiểu sai, nên khi tưởng rằng mình chứng đắc thì nghĩ là sẽ “*là thầy của cõi trời, cõi người*” bên ngoài, đâm ra kiêu mạn! Điều đó chứng tỏ vì không hiểu lời Tổ, cũng không hiểu Phật Pháp, chỉ nghe loáng thoáng đã chấp lấy, nên họ hoàn toàn đi ngược lại với con đường tu Phật chân chính.

4/- Hiểu lầm câu “Phùng Phật Sát Phật”

Câu “Phùng Phật Sát Phật” của chư vị đi trước mang ý nghĩa như sau: Trên con đường tu hành, Đức Phật đặt ra nhiều phương tiện, trong đó có những cách hành trì mà theo đó người hành sẽ đắc quả Tu Đà Hoàn, A Na Hàm, A

La Hán cho đến Bồ Tát, Phật vv... Nhưng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa đã giải thích rõ: Quả Vị chỉ là Hóa Thành cho người lười mỗi nghỉ ngơi, sợ họ tu lâu quá mà chẳng thấy được gì đâm ra nản lòng. Vì tu Phật là để được Giải Thoát, không phải là để đắc Quả. Vì thế, người nào còn thấy có mình chứng đắc là người đó chưa thật sự chứng đắc theo Đạo Phật. Vì “Đắc” của Đạo Phật là “Đắc cái VÔ SỞ ĐẮC”. Cho nên, người nào tu mà hành trì miên mật cho đến thấy mình đắc quả Phật, thì phải lập tức Sát cái Phật đó đi. Tức là dẹp ngay cái ý tưởng chứng đắc của chính mình đi. Vì giờ phút nào còn mang tư tưởng đó là cái NGÃ CHẤP chưa trừ dứt. Nếu cứ ai đắc quả Phật rồi nghe lời Ngài Vô Môn, đi kiếm Phật khác mà giết, thì hóa ra tu hành là để trở thành Sát thủ hay sao?! Bao nhiêu đó cho ta thấy cái hiểu Phật Pháp của các Thiền Sư rất là ít ỏi! Họ chê Kinh là văn tự, nên không đọc, vì thế không thể phân biệt đâu là NGHĨA để y theo. Do đó, họ hoàn toàn Y NGŨ!

5/- PHẢN THẦY, TỔ

Môn THIỀN ĐỊNH đầu tiên không phải do Đức Thích Ca sáng lập. Nhưng chính Ngài nhờ vào Thiền Định mà đắc đạo, rồi từ đó mà Thiền Định được truyền dần xuống tới Tổ Đạt Ma rồi mới đến Tổ Huệ Năng. Thế mà phái Tu Thiền gạt bỏ Đức Thích Ca ra, chỉ chấp nhận Tổ Đạt Ma và Lục Tổ Huệ Năng cho đó là hai Sơ Tổ của pháp môn Tu Thiền. Thế nhưng khi thực hành thì họ cũng chẳng làm giống như hai Ngài đã giảng dạy về Thiền mà Sáu Cửa vào Động Thiếu thất và Pháp Bảo Đàn Kinh còn lưu lại! Nói rằng Tu Thiền là do Người Trung Hoa sáng tạo, nhưng lại vay mượn Công Án “Thế Tôn cầm hoa” và “Lục Tổ đánh Thần Hội”. Cho đó là “Đốn Giáo”, lấy đó làm tôn chỉ cho Pháp môn TU THIỀN. Nhưng Tổ chính thức của Ngũ Phái Thiền là Hạnh Tư Thiền Sư và Nam Nhạc đâu có bị Lục Tổ đánh gậy nào khi tu học? Tóm lại, họ toàn vay mượn, gán ghép, mục đích đề cao pháp môn Tu Thiền. Mượn phương tiện Thiền Định của Đạo Phật từ Người Ấn Độ do Tổ Đạt Ma truyền sang, sau đó chối bỏ, cho “*TU THIỀN là đặc thù của người Trung Quốc!*”

Học với Thầy rồi khi thấy mình chứng đắc trở lại chối bỏ hoặc chê, mắng Thầy, Tổ. Đó chẳng là phản thầy sao? Trong khi người tu Phật được dạy phải đền TỨ ÂN, trong đó có Ân cha mẹ, Ân Phật, Ân Thầy, Ân đất nước. Vì người có tu hành chứng đắc cao đến cỡ nào thì vẫn phải mặc áo, ăn cơm, cũng vẫn là một người con của cha mẹ, là một công dân đối với đất nước, xã hội, lo dốc sức báo đền còn chưa đủ! Suy ra đạo lý làm người họ còn chưa tròn.

6/- Thầy, trò bên Tu Phật và Tu Thiền

Người Thầy bên tu Phật chân chính được Phật, Tổ dẫn dò phải THẤY TÁNH mới được giảng dạy. Khi giảng lại phải dùng thanh luận, lời nói phải thanh tao. Thái độ phải đúng mực. Cuộc sống phải không tỳ vết để người ta kính

trọng Thầy mà trọng pháp của Thầy. Không được ấn dấu Chánh Pháp. “*Thấy người hỏi pháp cũng như thầy lành*”, vì xem đó là cơ hội để chính mình cũng có dịp soi sáng thêm.

Người học khi hỏi pháp phải “*Ba lần thưa thỉnh, năm vóc sát đất*” trong ý nghĩa là dẹp bỏ Cái Ngã Chấp, hạ mình xuống để học hỏi.

Đức Phật từ lúc đắc đạo thì giảng pháp cho đến cuối đời. Khi gần nhập diệt còn thông báo để mọi người ai còn thắc mắc gì thì đến hỏi. Lục Tổ trước khi ra đi cũng tóm tắt cách thức để truyền pháp cho đệ tử.

Ngược lại, người Thầy phía bên Tu Thiền thì “*hét, đánh, đập, lấy gậy đập, đóng cửa cho kẹt chân, xô trò ngã xuống chân tường, mắng nhiếc, nói vu vơ, lấy gậy hay thiết trượng đưa xuống, đưa lên hay quăng đi. Đưa ngón tay lên. Trò hỏi đúng thì trả lời không được, nên nói nhại, im lặng, lý luận vòng tròn*”...

Trò đắc pháp rồi thì đánh Thầy, tát thầy, gọi thầy bằng “lão già”. Ngôn ngữ ngạo mạn như thế mà cũng là Thiền Sư! So ra còn thua người đời vì người đời dù là phàm phu, chẳng tu hành gì mà còn biết dạy nhau: “*Kính lão đắc thọ*”, “*Kính thầy mới được làm thầy*”!

7- So sánh cái CHỨNG ĐẮC của người TU PHẬT và người TU THIỀN

Mục đích của Đạo Phật là để ĐỘ KHỔ. Tu Phật là để Thoát Khổ. Cái Chứng đắc của người tu theo Đạo Phật là Thấy Tánh hay thấy cái BỔN THỂ TÂM.

Cái Chứng đắc của người tu Thiền chỉ là Ngộ được CÔNG ÁN! Đa phần chỉ là chữ VÔ hay một Công Án vu vơ nào đó.

8/- So sánh cách Soi, Quán của người Tu Phật và Tham Công Án của người Tu Thiền

Người tu Phật khi Soi, Quán, thì “*nội quang phản chiếu*”, tức là soi vào trong TÂM để thấy cái xấu mà chuyển hóa nó cho tốt hơn, gọi là TU TÂM. Ngược lại, phải TU THIỀN toàn đưa những Công Án SOI RA. Tìm “*Kẻ niệm Phật là ai?*”, “*Con chó có Phật Tính không?*”, “*Tổ Sư Tây Lai Ý*”, “*Tại sao tên Hồ không có râu?*”, “*Tiếng vỗ của bàn tay*”, “*Hề Trọng chế xe*”, “*Bà lão ở Ngũ Đài sơn*”, “*Hai tảng cuốn rèm*”, “*Cô Thanh lià hồn*”... không ăn nhập gì tới con đường tu hành.

Theo luật Nhân Quả. Tìm gì thì đắc nấy. Họ có tìm Phật đâu mà đòi gặp Phật? Có tu Hạnh của Phật đâu mà đòi đắc quả Phật?

9.- Gọi phương pháp TU THIỀN là TRUYỀN TÂM ẤN là hoàn toàn không đúng

Tu theo Đạo Phật gọi là TU TÂM. Người thấy đi trước đã thấy được BỔN THỂ TÂM nên truyền lại cho người sau cách thức để Thấy như mình, gọi là DỪNG TÂM ẤN TÂM hay là TÂM TRUYỀN TÂM, hay là TRUYỀN TÂM ẤN. Ngược lại, người TU THIỀN không hề áp dụng những phương pháp của người tu Phật. Không điều phục Vọng Tâm. Không Quán, Soi các pháp. Chỉ dùng CÔNG ÁN để truyền nhau, trong đó không có Công Án nào nói về Tìm Tâm hay Tu Tâm. Như thế, nếu nói cho đúng thì phải gọi giới Tu Thiền là TRUYỀN CÔNG ÁN cho nhau thì mới đúng. Có dạy nhau TÌM TÂM đâu mà gọi là TRUYỀN TÂM? Rõ ràng là họ dùng lầm từ!

10.- So sánh cách Thực hành Thiền Định giữa Tu Phật và Tu Thiền

THIỀN ĐỊNH của Đạo Phật được giải thích trong KINH VIÊN GIÁC:

THIỀN ĐỊNH LÀ CHỈ, QUÁN

VÀ CHỈ QUÁN SONG TU

Tức là người Ngồi Thiền, trong thời gian Ngồi là để cho cái THÂN ngưng tới lui, hoạt động. ĐỊNH là dừng cái tâm suy nghĩ viển vông, để tập trung SOI, QUÁN những pháp của Đạo. Tu Phật là để Thoát Khổ, vì vậy, người tu phải tìm xem cái Khổ đó do đâu mà có. Biết được nó rồi thì tìm cách để tháo gỡ. Thời của ta thì mọi thứ đã được Đức Thích Ca đã chỉ dẫn rành mạch rồi. Bổn phận của mỗi chúng ta là phải kiểm chứng lại, xem cái Lý của Ngài có đúng đối với ta hay không? Vì nếu ta thấy không đúng thì thực hành làm gì? bao giờ chấp nhận được thì theo đó mà hành trì.

Công dụng của NGỒI THIỀN trong Đạo Phật là như thế, nhưng đến Phái TÀO ĐỘNG trở thành:

- *“Không làm gì hết, chỉ NGỒI đó là THIỀN. NGỒI tự nhiên là thực hành tuyệt đối. Như vậy, tư thế Ngồi tự nhiên là con đường dẫn đến thành Phật”* (tr.160).

- *“Tọa Thiền là tĩnh lặng tuyệt đối, tĩnh lặng mọi tư tưởng”*.

Kiểu Ngồi Thiền một đống, không suy nghĩ gì hết được Kinh Duy Ma Cật gọi là “*Ngồi sống ở đờ*”. Tích có kể, Hoài Nhượng Thiền Sư khi thấy Mã Tổ lúc còn là Thiền Sinh đang Ngồi Thiền thì Ngài bèn lượm 1 viên gạch đem mài trước am. Mã Tổ lấy làm lạ hỏi: Mài gạch để làm gì?

Hoài Nhượng đáp: Để làm kính.

Hỏi : Mài gạch sao thành kính được?

Đáp: Mài gạch không thành kính được, tọa thiền há thành Phật được sao?

Và Ngài Hoài Nương giải thích: “Ông học tọa Thiền hay học tọa Phật? Nếu học tọa Thiền thì Thiền không dính chi tới chuyện nằm ngồi. Nếu học tọa Phật thì Phật vốn chẳng có tướng nhất định. Các pháp vô trụ, không nên buông bắt. Nếu chấp cái tướng ngồi thì không đạt được lẽ đó.

Với kiểu Ngồi bất động, Lục Tổ dạy:

“Khi sống, ngồi chẳng nằm
Lúc chết, nằm chẳng ngồi
Gốc là cục thịt thú
Làm chi vậy mệt ôi!”

Bởi vì nếu chỉ NGỒI khơi khơi, thì xả Thiền ra có biết thêm được gì? Không thấy Sinh Tử do đâu? Không biết cách để tu sửa, thì cái Thân hôi nơ này, nếu Ngồi hoài khi sống, lúc chết không ngồi được nữa thì trước sau cũng chỉ là cục thịt thú mà thôi!

Người dạy đạo, từ Tổ đầu tiên là Đức Thích Ca đến Tổ Đạt Ma và Lục Tổ Huệ Năng đều có thuyết giảng, phân tích rành mạch từ cái Phát tâm chân chính, đến cách Ngồi thiền. Cho đến phải Quán soi những gì? Soi như thế nào? Như thế nào là đạt đến kết quả? Trong khi đó, các phái Tu Thiền chỉ còn: *làm thình, hét, đánh, vác gậy đập, đưa lên đưa xuống thiết trượng hay phát tử hay thậm chí đập chết bỏ những ai dám nhúc nhích trong thời kỳ “Đả Thất”!* (Bài thuyết của Thiền Sư Lai Quả trong CỘI NGUỒN TRUYỀN THỪA).

Từ thời xưa nhiều người cũng đã biết, lối Tu Thiền không còn phải là tu theo Đạo Phật chân chính nữa, nên đã công kích họ. Chính Ngài Suzuki cũng viết: *“Có nhiều người công kích, cho rằng Thiền đã đi lạc quá xa so với hiểu biết thông thường về lời dạy của Phật được chép lại trong các Bộ Kinh”. “Có một số khích bác, cho rằng Thiền không phải là Phật Giáo, mà là một biến chứng nảy sinh trong bất kỳ tôn giáo nào. Nó là cái gì bất thường, lớn mạnh giữa những dân tộc, mang những nếp cảm nghĩ khác với dòng Phật Giáo chánh truyền”.* Nhưng Ngài đề nghị: *“Lời phê phán đúng hay không, ta chỉ quyết đoán sau khi: Một mặt thấu rõ thế nào là tinh thần chánh thống trước những chủ thuyết của Phật Giáo như các dân tộc Đông Phương ở đây thường chấp nhận. Đồng thời cũng nên đại khái biết qua diễn trình chứng ngộ”.*

Lời đề nghị đó là một rào cản khá kiên cố cho bất cứ ai muốn phê phán THIÊN. Dù vậy, bản thân tôi là một cư sĩ, có trên 30 năm tu Phật. Thời gian đầu đương nhiên là phải có Ngồi Thiền. Nhưng tôi không Ngồi một cách

máy móc, mà có nghiên cứu để hiểu thế nào THIÊN ĐỊNH đúng nghĩa. Thế nào là Thiền Hữu Tướng. Thế nào là Thiền Vô Tướng, để làm theo phương pháp nào đúng và hữu hiệu nhất. Ngoài ra, tôi đã bỏ hơn 20 năm nghiên cứu chính Kinh. Đã lược giải được một số Kinh như DIỆU PHÁP LIÊN HOA, KIM CANG, DUY MA CẬT, BÁT NHÃ, LĂNG NGHIÊM, VIÊN GIÁC, SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIẾU THẤT. PHÁP BẢO ĐÀN KINH. (còn nằm trong bản thảo). Đồng thời cũng có tham khảo các Kinh HOA NGHIÊM, ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN, THẮNG MAN, KIM QUANG MINH, TÂM ĐỊA QUÁN và một số Kinh khác. Nên có thể dựa vào lời Phật, Tổ trong Kinh mà đủ sức phân biệt được thế nào là tu hành đúng Chánh Pháp, thế nào là Tà Pháp! Ngoài ra tôi cũng có một chút kinh nghiệm về diễn trình gọi là chứng ngộ được đánh dấu bằng một số Thơ, Kệ, đã được Thầy ấn chứng, nên thiết nghĩ có lẽ phần nào đáp ứng được yêu cầu của Thiền sư. Vì thế tôi mạnh dạn viết ra tập này, mục đích là để mang lời Phật, lời Tổ trích từ trong Kinh ra, để người ít đọc Kinh cũng có tài liệu để so sánh với những lời dạy của các Thiền Sư sẽ thấy đúng, sai, chân, giả.

Các Phái Thiền đương nhiên là sẽ không đồng ý về nhận xét của người khác, vì cho là người không Tu Thiền không thể nào hiểu nổi sự cao siêu của Thiền! Họ không biết rằng THIÊN chỉ mới là một Độ trong Lục Độ, người tu Phật nào cũng có THIÊN ĐỊNH, nhưng không tách ra để chỉ hành riêng Độ Thiền, gọi là TU THIÊN như họ. Tuy vậy, cứ theo họ, cho là Tu Thiền là cao siêu đi. Nhưng mục đích của cái cao siêu đó là gì? Bớt xét về lợi ích và mục đích thì ta thấy: Đạo Phật đưa người tu học đến Thoát Khổ, Thoát Sinh Tử. Phương pháp của Đạo Phật rất cụ thể. Là Lục Độ, Tứ Nhiếp, Soi, Quán, Tư Duy, Bát Chánh Đạo, Giới vv... nhằm để XẢ CÁI NGÃ CHẤP. Vì Phiền Não, Sinh tử đều do đó. Có XẢ được nó thì mới thoát được phiền não, được an ổn trong kiếp sống. Còn chỉ Khai CÔNG ÁN thì kết quả về đâu? PHẬT có nghĩa là Giải Thoát. THÀNH PHẬT có nghĩa là thành tựu hay hoàn tất công việc Giải Thoát bằng những việc làm bỏ ác, hành Thiện, bỏ Ngã Chấp, Pháp Chấp. 32 Tướng Tốt của Phật là 32 việc làm đối với Thầy, Bạn. Yêu thương, kính trọng cha mẹ, giúp đỡ mọi người. Những người Tu Thiền chỉ Tham có mỗi một Chữ VÔ. Không Tư Duy, Quán sát, không giữ Giới. Không lập Hạnh thì người bình thường với Nhân, Nghĩa, Lễ, trí Tín còn chưa xong, làm sao thành Thánh, thành Phật?

Đạo Phật có mặt ở thế gian đã trên 2.550 năm. Người thật sự chứng đắc cũng không ít. Nhưng những kẻ ham danh lợi, mượn cửa Đạo để nhàn thân, lại được ăn trên ngồi trước càng đông hơn. Bậc chân tu cũng như những người lợi dụng tôn giáo cũng đều muốn gặp được Thầy giỏi để học hỏi. Chính vì thế, khi nghe ca tụng quá nhiều về các thiền Sư nước ngoài, rồi

vọng ngoại để gặp phải những Thiền Sư “Hữu danh, vô thực”. Người ca tụng họ cũng là những người không hiểu về Đạo Phật, nên làm sao hiểu được những gì họ giảng nói là đúng Chánh Pháp hay không?

Theo lịch sử Đạo Phật của Việt Nam ta, thì từ năm 580 Thiền Sư Ấn Độ là Tỳ Ni Đa Lưu Chi đã từ Trung Hoa sang nước ta để truyền đạo, lập ra Phái Thiền đầu tiên. Ngài truyền cho Thiền Sư Pháp Hiền làm Tổ thứ Hai. Đến triều Lý (1010-1255) thì Đạo Phật ở nước ta đã phát triển rất mạnh, các vua Lý đều tôn sùng Đạo Phật. Vua Lý Thái Tông thuộc thế hệ thứ bảy của Thiền Phái Vô Ngôn Thông. Vua Lý Thánh Tông thuộc thế hệ thứ nhất của Thiền Phái Thảo Đường. Nhiều vị Sư có uy tín được vua mời làm Quốc Sư như Sư Minh Không, Sư Viên Thông. Các Thiền Sư Vạn Hạnh, Đa Bảo còn được vua mời tham gia bàn chuyện triều chính.

Đến đời Trần, Phật Giáo vẫn phát triển. Các Thiền Phái trên vẫn phát triển, cho đến lúc Vua Trần Nhân Tông lập ra Thiền Phái Trúc Lâm thống nhất Giáo Hội Phật Giáo thời Trần. Vua không chỉ am tường việc Đạo mà còn là anh hùng của hai cuộc chiến chống quân Nguyên. Việc trị quốc đã thế, trong tề gia Ngài cũng là một người cha nghiêm khắc. Một lần, Vua từ Yên Tử về Kinh, thấy con là Vua Anh Tông mê mải tiệc tùng, lơ là việc nước, ngài đòi truất phế, triều đình phải xúm lại can ngăn. Từ đó, vua Anh Tông không dám bỏ bê việc nước, và lo tròn bổn phận một vị vua.

Điều đó cho ta thấy người tu Phật thật sự không tiếp tục bon chen tranh giành như người đời, nhưng cũng không phải nhắm mắt, bưng tai, xa lánh việc đời. Lục Tổ dạy: “*Phật Pháp tại thế gian. Bất ly thế gian giác*”. Có nghĩa là không rời cuộc đời mà giác ngộ. Tu không phải là để đóng khung, tránh né, xa lánh thế gian. Bởi việc tu Phật thật sự chính là trang bị cho người tu cách sống giữa phiền não mà không bị phiền não nhấn chìm, như ý nghĩa của Hoa Sen mà Phật dụng làm biểu tượng, muốn cho người tu đạt tới, là Nở hoa thanh khiết, dù vẫn sống trong bùn.

Từ xa xưa đã có những vị Giác Ngộ hiện diện là điều rất hãnh diện cho dân tộc nhỏ bé, kém phát triển và triền miên bị các cường quốc lấn áp như nước ta, mà giáo Pháp của Tam Tổ là bằng chứng để chúng ta nhận ra điều đó. Nhưng có thể là những vị đặc pháp thời trước đó chưa có điều kiện để phổ biến rộng rãi nên không thể nào so với hoàn cảnh chứng đắc của một vị vua đương thời, được mọi điều kiện hỗ trợ tối đa như Điều Ngự Giác Hoàng. Một phần cũng bởi thời đó phương tiện truyền thông không có. Viết xong được một quyển sách, thuê thợ khắc bản in cũng là cả một vấn đề. Ngay cả quyển Khóa Hư Lục của Vua Trần Thái Tông còn bị quên lãng. Có thể do nhiều người không đủ sức để lãnh hội những gì Ngài viết, cho nên,

Ngài tịch năm 1308 mà đến năm 1840 mới được sư cụ Thanh Hương chùa Do Nha huyện Võ Giàng nhờ Tuần phủ hộ lý Tổng Đốc Ninh Thái đề tựa để in ra. Hơn nữa, thời đó, muốn di chuyển thì phải đi bộ. Đa phần Chùa thì hay ở non cao, động vắng, nên đó cũng là một trở ngại rất lớn cho việc phổ biến đạo pháp.

Đọc những bài giảng của Tổ PHÁP LOA của Thiền Phái TRÚC LÂM YÊN TỬ trong TAM TỔ THỰC LỤC thì tôi thấy không khác với những lời của Phật dạy trong Chính Kinh và của hai Tổ: Đạt Ma, và Huệ Năng. Chỉ đề cập đến việc tu sửa Thân, Tâm. Không hề cổ vũ xây thêm chùa lớn, đúc tạc cho nhiều tượng Phật. Các Ngài chỉ lui tới những chùa danh tiếng sẵn có để truyền pháp. Phải chăng các Ngài e rằng càng phát triển chùa tượng thì đồng nghĩa là chùa Tâm bị quên lãng? Thế nhưng, dù không thấy xây thêm nhiều chùa, mà các Ngài vẫn truyền pháp cho rất nhiều người. Không biết những người có trách nhiệm gìn giữ và truyền bá Thiền Phái TRÚC LÂM YÊN TỬ có còn giữ được tinh thần của Phái Thiền này không? Nếu chỉ phát triển bằng hình tượng, chiêu mộ Phật Tử thêm đông, nhưng không giữ được cốt tủy của Thiền Phái này, không đưa người tu đến Thấy Tánh, Thành Phật, thì quả thật là chúng ta đã phản bội kỳ vọng của các vị Giác Ngộ đã chọn đất nước ta để làm nơi mỗi ngọn đuốc Pháp!

Mĩa mai thay! thực tế đã chứng minh cho ta thấy, lời người xưa nói “Bụt chùa nhà không thiêng” quả thật không sai! Lẽ ra chúng ta đã biết và hết lời xưng tụng Đức Điều Ngự là Phật Hoàng, thì với những lời vàng ngọc của các Ngài để lại thừa sức để “Chấn Hưng Thiền Học”. Cần lấy Phương pháp của các Ngài để làm “Phương Pháp Tu Trì của Thiền Tông”, để khuyến khích mọi người tu tập theo đó. Trái lại, hình như việc khơi dậy Thiền Phái TRÚC LÂM đó chỉ nhằm quảng bá điểm du lịch Yên Tử, sao cho ngày càng nhiều khách thập phương tới văn cảnh! Nếu sự thật như tôi suy diễn thì quả thật là đáng buồn! Mọi người đã thật sự thấy Tam Tổ là người chứng đắc sao không quảng bá, phát huy Giáo Pháp của ngài để lại? Việc làm đó có ích cho người tu học biết mấy, thay vì cho dịch và dùng làm tài liệu cho tăng ni tu học bằng những quyển sách của những Thiền Sư “hữu danh vô thực” của nước ngoài, bởi trong đó, những lời chính đáng của Phật Pháp thì ít, đa phần là những lời kiêu mạn, phỉ báng Phật, chê Tổ, mắng Thầy! Nếu họ tin, rồi truyền nhau, thì trách nhiệm đối với Chánh Pháp thật không phải nhỏ!

Có người sẽ nạn rằng bản thân người viết không phải là một cao Tăng, không tu hành chính quy, làm sao hiểu hết diệu dụng của chư vị Giác Ngộ? Lấy căn bản nào để đánh giá rằng những phát ngôn của các Thiền Sư trong

những quyển sách trích ở phần trước không phải là những người đã chứng đắc? Nếu họ hành nghịch pháp để thị hiện thì sao?

Xin thưa, “Chiếc áo không làm nên thầy tu”, và muốn phân biệt người nào có tu đúng Chánh Pháp hay không, thì chúng ta phải đối chiếu với lời Phật dạy.

Trước lúc Phật nhập Niết bàn, có ngoại đạo tên Subhadda đến hỏi

Phật: *“Làm sao phân biệt trong những người đang giảng pháp thao thao, ai là người có Chánh Pháp?”*. Phật đã trả lời: *“Trong giáo pháp nào có Bát Chánh Đạo thì trong đó có đệ nhất sa môn, đệ nhị sa môn, đệ tam sa môn, đệ tứ sa môn... Giáo Pháp của ta có Bát Chánh Đạo, nếu các Tỳ kheo này sống chân chánh thì đời này không vắng những vị A La Hán”*

Thế nào là những Tỳ Kheo *“Sống Chân Chánh?”* Tức là người đó phải có GIỚI, phải sống theo Bát Chánh Đạo. Đã có Bát Chánh Đạo thì có CHÁNH TƯ DUY, CHÁNH NGŨ, CHÁNH MẠNG... Có Chánh Ngũ thì lời nói phải chân chánh. Không nói để khen mình, chê người. Người tu hành thì lúc nào cũng phải “Thu thúc Lục Căn”, “Thân, Khẩu, Ý Ba Nghiệp phải thanh tịnh. Nhưng các Thiền Sư đó xem ra thả lỏng căn trần, ngông nghênh kiêu mạn. Ý không thanh tịnh nên KHẨU cũng không thanh tịnh. Cái chứng đắc của người tu là đắc cái “Vô Ngã”, tức “Không có Ta”. Đối với mọi người phải hành Hạnh Thường Bất Khinh Bồ Tát, vì tất cả chúng sinh đều là Phật sẽ Thành, nhưng không thấy các vị đó thể hiện!

Với Phật chưa thành còn phải kính trọng, huống chi gọi Phật Thích Ca là *“Lão Cổ Đàm mặt vàng”!* Gọi Tổ Đạt Ma là *“Lão già Hồ sún răng, truyền pháp cho người không đủ Lục Căn”!* Người không đủ Lục Căn đó chính là Nhị Tổ Thần Quang! Cho *“Thích Ca, Di Lặc còn là tôi đòi của những kẻ đờ”!* Lời lẽ như thế hoàn toàn là của phàm phu tự cho là mình tu hành, chứng đắc, đâu thể là của Bạc Giác Ngộ? Phật họ còn máng, Tổ còn bị chê, Thầy còn gọi lão này lão nọ, như vậy để dạy ai cái gì khi nhân thừa còn chưa có? Chẳng lẽ Tu Thiền, chứng đắc để trở thành một con người hỗn xược, không còn tôn ty trật tự? Trong lịch sử các Tổ, cả 33 vị, ta chưa hề thấy có vị nào có hành vi và nói năng như thế. Tích “Con chồn Hoang” nói về một pháp sư chỉ vì hạ sai một chuyển ngữ còn phải đọa làm chồn 500 kiếp. So với VÔ MÔN QUAN ta thấy tội đó chẳng thấm vào đâu!

Tổ Đạt Ma dạy: *“Rắn biến thành rồng vẫn không đổi vảy. Phàm phu thành thánh cũng không đổi mắt”*. Tức là trước hay sau khi tu chứng đắc, người đó vẫn con người bình thường. Cái khác đi là họ đã điều phục xong cái tâm của họ và được Thoát các pháp. Có thể thôi, có gì đâu mà cao cả hơn đời?

Để Thành Phật thì chỉ cần điều phục mình, đâu phải làm gì kinh thiên động địa? Kinh Viên Giác đưa ra một công thức rất đơn giản:

“NẾU NGƯỜI ĐOẠN THƯƠNG GHÉT,
CÙNG VỚI THAM, SÂN, SI ”
CHẲNG CẦN TU GÌ KHÁC
CŨNG ĐỀU ĐẶNG THÀNH PHẬT”

Thành Phật chỉ có nghĩa là hoàn tất công việc tự độ, tự giải thoát cho bản thân. Công phu để thành chỉ là “Độ những tính xấu trong tâm” của mình, gọi là “Độ Sinh” thì có gì hơn người để mà kiêu mạn? Rõ ràng các Thiền Sư đó đã hiểu lầm hai chữ “Thành Phật” và cũng không biết cách thức để Thành Phật. Họ tưởng Thành Phật là thành một “*Ông Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, cứu độ tam thiên đại thiên thế giới*”. Trong khi Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới là cách mà Phật mô tả những sinh khởi trùng trùng của Tam Độc trong mỗi người chúng ta. Mỗi loại nhiều đến nỗi ngang bằng với cả một thế giới. Có tới Ba Độc nên gọi là Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới.

Chính vì vậy, nếu người tu không quên căn bản: Tu chỉ có một nghĩa là SỬA. “Tu Phật là Tu Tâm”, là “Tự Độ”. Thành Phật chỉ là “Thành tựu con đường tự Giải Thoát”. Tâm niệm như thế khi phát tâm tu hành thì dùng bất cứ phương tiện nào của Đạo: Mật, Hiển, Đại Thừa, Tiểu Thừa... hẳn không nảy sinh những tư tưởng kiêu mạn khi chứng đắc. Các Thiền Sư đó, suy cho cùng, ngay hai chữ Thành Phật còn chưa hiểu. Cách hành cũng không đúng thì làm sao chứng đắc? Đã chưa chứng đắc thì làm sao có thể gọi là “thị hiện” để giáo hóa người khác?

Đạo Phật sở dĩ xuất hiện ở trần gian là vì con người. Bao nhiêu phương tiện được Đức Thích Ca đặt ra là vì muốn cho con người được sống một cuộc sống an vui. Ngài thấy rằng cuộc sống ngắn ngủi không đầy trăm năm mà con người không chịu yêu thương, đùm bọc nhau, trái lại còn giết vật, hại người, gian dâm vô độ, say sưa mất lý trí để làm nhiều chuyện rối loạn, làm cho cả mình và người đều phải buồn khổ. Chính vì vậy mà Ngài đặt ra GIỚI nhằm hạn chế bớt những lỗi lầm, biết tôn trọng lẽ phải để giúp con người sống tốt đẹp hơn. Đó là SÁT, ĐẠO, DÂM, VỌNG NGŨ và TỬU. Những Giới này dù là Chư Phật từ cổ xưa, hay muôn vạn kiếp tới đều phải tuân giữ. Kinh Đại phương Tiện Phật Báo Ân viết: “*Nếu có 100 hay 1.000 vị A La Hán thì từ vị A La Hán đầu tiên, cho đến vị cuối cùng đều nhân Giới mà thành đạo*”. Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới Phật dạy: “*Người đã thọ Giới của Phật, nên hộ trì giới luật của Phật như ấp yêu con một, như kính thờ cha mẹ, không được hủy phá*”.

GIỚI của Đạo Phật quan trọng như thế, nhưng Ngài Nguyệt Khê chê là: “*Giới của Phật giáo cho đến hiện tại vẫn là qui củ xưa của mấy ngàn năm trước*”

phần nhiều đều biến thành bối văn, hoặc không có cách nào tuân thủ theo. Cho nên chúng ta chủ trương cần phải sửa đổi thêm hoặc bổ sung, đem những cái vụn vặt phiền phức biến thành giản đơn, vòng vo thối nát biến thành kiên toàn, sau đó uy lực của giới luật bị mất mát có thể trở về nguồn, chỗ tôn nghiêm của tăng già mất mát mới có thể cứu vãn được, khiến cho ma quỷ thấy mà xa lánh, rút lui, người lành thấy mà khởi lên lòng kính trọng, đây là điều kiện chủ yếu để phục hưng Phật Giáo”!

Trong khi GIỚI dù xưa cũ mấy ngàn năm, nhưng làm cho con người tốt đẹp hơn lên, thì Ngài Nguyệt Khê cho đó là “vòng vo thối nát”, cần phải “sửa đổi để phục hưng Phật Giáo”! Chẳng lẽ Phật Giáo sẽ được phục hưng bằng cách phá bỏ những rào cản đạo đức tối thiểu của con người? Liệu mọi người có thể “khởi lên lòng kính trọng” với những người tà dâm, trộm cướp, nói láo, say sưa vô độ không?

GIỚI, ĐỊNH HUỆ của Đạo Phật là căn bản tu hành bất di bất dịch. Kinh Lăng Nghiêm dạy người tu nào muốn thành thì đều phải có đủ 3 món đó như điều kiện tiên quyết thứ nhất, thì Ngài Nguyệt Khê viết: “Xưa có người hỏi Thiền Sư Nam Tuyên Phổ Nguyệt rằng: “*Thế nào là Giới, Định, Huệ?*”, Sư đáp rằng: “*Bản đạo trong đây không có thứ đồ bỏ xó đó! Thiền Sư mà không có Giới thì liệu có Định, có Huệ? Thảo nào ông ta cho các thứ đó là “đồ bỏ xó”! Thế thì trong ông có thứ gì cao quý?*

Kinh Điển được xem là bản đồ, là La Bàn thì Thiền Sư Nguyệt Khê viết: “*Nay con người chui đầu vào kinh điển sách vở, ôm chấp văn nghĩa thì điều tai hại há chẳng phải là nông cạn ư? Vì thế chuyện bất lập văn tự, truyền riêng ngoài giáo mới được kiến lập vậy. Nếu có thể mượn văn tự và ngôn ngữ tương đối để chỉ thị, chứng nhập vào cảnh giới tuyệt đối của chân như thì văn tự của kinh điển chỉ là mớ bả lạp mà thôi!*”(Tuyệt Đối Luận tr. 53).

Phật dạy: “*Ly Kinh nhất tự đồng ma thuyết*”. Có nghĩa là không được rời Kinh, dù chỉ 1 chữ. Phật chỉ chê trách những người đọc Kinh rồi ôm mớ văn tự, không hiểu được Ý nghĩa mà Ngài muốn truyền đạt nên không thực hành, vì thế không đạt được kết quả như Ngài mong mỏi. Ngay cả bất cần văn tự bằng chữ viết thì ít ra cũng phải bằng ngôn ngữ. Con người hiểu nhau qua hai cách đó. Chỉ có các Thiền Sư hiểu đạo qua “ngón tay”, và “Phát Tử” đưa lên, đưa xuống! Cao siêu là vậy. Nhưng kết quả thì thế nào? Thiền Sư Suzuki viết đến hơn ngàn trang để Luận về Thiền mà đã tự cho là không thể giải thích được thế nào là THIỀN! Chắc không cần phải biện minh dông dài, vì qua đó thì mọi người đã thấy hiệu quả của phương pháp được hết lời ca tụng đó!

Thiền Sư nào cũng muốn mở ra một con đường riêng, cao hơn, hay hơn nhanh hơn là con đường mà Phật Thích Ca đã mở ra. Tiếc là họ tưởng tượng nên không đưa ra được cách nào để đến. Cảnh cũng tưởng, phương tiện cũng tưởng, thì đương nhiên người đạt tới cũng chỉ là ảo tưởng mà thôi. Tu hành theo Đạo Phật là để Giải Khổ cho cuộc sống đầy phiền não. Đức Phật chỉ ra nguyên nhân gây phiền não và cách thức chặt đứt. Người tu Phật phải Hành nhiều pháp để tháo gỡ từ từ. Người TU THIỀN theo các Thiền Sư hướng dẫn chẳng có mục đích. Tu cũng không có phương tiện. Thấy được một chữ cũng tưởng rằng chứng đắc. Chứng đắc xong cũng chẳng biết về đâu!

Thiền Sư Nguyệt Khê đặt ra Cõi Tuyệt Đối. Sau đây là cách Ngài giải thích: *“Bản thể tuyệt đối vốn không, không có tên gọi và hình tướng, vốn không có biến huyễn, hoàn toàn không dính dáng với nhau. Tuy nhiên cõi tương đối ấy, lià ngoài tư duy và cảm giác thì thực ra không có chỗ nương cậy, cho nên tin sâu mà chẳng nghi ngờ. Cho đến bình tâm mà phản tỉnh, hoặc được thiện tri thức mở lối dẫn dắt thì ban đầu là nghi ngờ, nhưng kế đến là tự minh gia thêm phủ định. Phủ định cái gọi là hình tướng, cái gọi là tên gọi, phủ định cái gọi là tư duy và cảm giác, sau cùng vô thi vô minh không có tư duy – không có cảm giác cũng bị phủ định luôn, cho đến khi không thể phủ định được nữa thì cõi tương đối kết thúc, liền nhập vào cảnh giới tuyệt đối, bèn hoát nhiên đại ngộ”.* (tr. 78).

Ngài chỉ cách để nhập vào tuyệt đối: *“Liên quan đến việc phủ định tương đối là phủ định lại cái đã phủ định, đến khi không thể phủ định được nữa, tức là đã nhập vào tuyệt đối”* (tr.105). Như vậy, theo lời Ngài dạy: phủ định tất cả thì nhập vào cõi tuyệt đối của Ngài. Nếu ta phủ định cả Ngài và lý thuyết của Ngài hẳn ta còn nhập vào cõi cao hơn nữa chẳng?

Tiếc thay, những bậc chân tu thường không khoa chuông, gióng trống. Họ theo Hạnh của Đức Thích Ca là tự tu, tự sửa, không rầm rộ cờ xí, tiền hô hậu ủng... nên người đời không nhận ra được. Vì thế, người đời chỉ chạy theo những pháp sư được đông đảo người ca tụng tưởng họ có Chánh Pháp! Trong khi đó, dòng truyền thừa hẳn còn khiêm tốn trong Tâm của vị chân tu trong những ngôi chùa nhỏ bé, đơn sơ nào đó. Vì họ hiểu rõ lý Nhân Quả nên không lam dụng tiền của bá tánh để cất chùa cho to, quảng bá rầm rộ để được nhiều người biết đến và cũng không thu nạp đệ tử cho đông, vì “quý hồ tinh bất quý hồ đa”! Chính tôi, sau nhiều năm tìm hiểu, thận trọng đối chiếu với nhiều Bộ Chính Kinh, khi nhận biết đường tu mình đang theo học thật sự là đúng chánh pháp, vì chỉ dạy tu sửa bản thân, thì Thầy tôi cũng đã qua đời nên tôi không hỏi được nguồn cội. Tôi có dò hỏi thì chỉ nghe

nói là Thầy của Thầy tôi – cũng là một cư sĩ – ngày trước đã đắc pháp ở một ngôi chùa tại miền Trung (hiện Thầy của Thầy tôi đang giảng dạy tại Mỹ). Thông tin quá mù mờ nên tôi chỉ biết một điều là dòng Chánh Pháp lúc nào cũng âm thầm được gìn giữ trong tâm của những bậc chân tu. Không phát triển rầm rộ bằng chùa to, Phật lớn, vì hiểu đúng như lời Phật dạy trong Kinh Kim Cang “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”.

THIỀN chỉ là 1 ĐỘ trong LỤC ĐỘ của Đạo Phật. Người tu Phật nào cũng phải THIỀN, dù là HỮU TƯỚNG hay VÔ TƯỚNG. Nếu dùng sự Soi, Quán để hiểu một từ của đạo làm CÔNG ÁN thì người tu Phật có rất nhiều Công Án phải khai thông. TU PHẬT là để được GIẢI THOÁT. Mục đích của Đạo Phật là đưa người tu đến Thoát Sinh Tử, Thoát Phiền Não, còn ĐẠO THIỀN đưa người chứng đắc về đâu?

Những Thiền Sư thời đó cũng không đọc Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới để thấy Kinh dạy: “*Thà lấy lưới sắt nóng quấn lấy thân mình cả nghìn lớp, quyết không để thân này phá Giới mà thọ những đồ y phục của tín tâm đàn việt. Thà chịu nuốt hòn sắt cháy đỏ và uống nước đồng sôi mãi đến trăm nghìn kiếp, quyết không để miệng này phá giới mà ăn các thực phẩm của tín tâm đàn việt. Thà nằm trên đồng lửa lớn, trên tấm sắt nóng, quyết không để thân này phá giới mà nhận lấy các thứ giường ghế của tín tâm đàn việt. Thà trong một hai kiếp chịu cho cả trăm gươm dao đâm vào mình, quyết không để thân này phá giới mà thọ các thứ thuốc men của tín tâm đàn việt. Thà nhảy vào vạc dầu sôi trong trăm ngàn kiếp quyết không để thân này phá giới mà lãnh những phòng, nhà, ruộng vườn, đất đai của tín tâm đàn việt*”.

Về những người hủy báng Tam Bảo và tiếp tay quảng bá cho người phỉ báng Phật, có GIỚI HỦY BÁNG TAM BẢO: “*Nếu Phật Tử tự mình hủy báng Tam Bảo, xúi người hủy báng Tam Bảo: Nhân hủy báng, duyên hủy báng, cách thức hủy báng, nghiệp hủy báng. Phật tử nghe một lời hủy báng Tam Bảo của ngoại đạo và kẻ ác, còn đau lòng hơn ba trăm cây nhọn đâm vào tim mình, huống là tự miệng mình hủy báng! Không có đức tin và lòng hiếu thuận đối với Tam Bảo, lại còn giúp sức cho những kẻ ác, kẻ tà kiến hủy báng nữa. Phật tử này phạm “Bồ Tát ba-la-di tội*”.

Qua những quyển sách viết về Thiền mà tôi đã tham khảo, ta thấy có vị chém mèo, giết rắn, một cách lạnh lùng, không chút xót thương. Chẳng biết tâm Từ, Tâm Bi các vị để ở đâu? Với người tu học thì *đấm, đá, xô cửa cho gãy chân, thậm chí còn đánh đến chết* như chùa Cao Môn! Nhiều người sau chẳng hiểu gì, cũng xưng tán, cho như vậy mới là cao siêu!

Nếu Thiền Tông cho rằng mình có đường lối tu hành riêng, Quả vị chứng đắc hoàn toàn khác với Đạo Phật thì chúng ta không đề cập đến làm gì. Nhưng các Ngài lấy hai vị TỔ của Đạo Phật, cho đó là SƠ TỔ của mình. Lấy Quả Phật của Đạo Phật làm Quả vị của Đạo Thiền. Nhưng đường lối hướng dẫn cũng như hành trì hoàn toàn khác với lời của PHẬT, TỔ dạy thì ta nên xem xét lại. Bởi lời Phật không hề hư vọng. Kinh dạy: “*Người nào “Thọ, trì, đọc, tụng, giảng nói, biên chép Y Pháp tu hành thì xuất sanh chư Phật”*”. Phái Tu Thiền thì không thọ trì, đọc tụng Kinh để hiểu lời Phật dạy. Không Giữ Giới. Không theo Bát Chánh Đạo. Cũng chẳng Soi, Quán. Không tìm Tâm. Không “Điều phục Vọng Tâm”, cũng chẳng làm Lục Độ, Vạn Hạnh, thì họ lấy gì để đắc? Đắc xong sẽ trở thành gì?

Trong khi đối với Thiện Tri Thức, Phật dạy: “*Này Thiện nam Tử! Chúng sanh đời sau muốn tu hành, suốt đời phải kính trọng, cúng dường Thiện Tri Hữu Thức*”. Và: “*Đối với Thiện Tri Thức này mà hành giả không khởi một niệm khinh thường thì Tâm Hoa sẽ được rộng mở chiếu sáng khắp cả mười phương thế giới và thành tựu Quả Phật*”. Nhưng phía Thiền gia, người thấy mình chứng đắc thì đánh Thầy, mắng Phật, chửi Tổ... mà cũng “*thành Phật*” thì quả thật là Đại vọng ngữ.

Ngay trên bìa của quyển CỘI NGUỒN TRUYỀN THỪA của dịch giả THÍCH DUY LỰC, ta thấy chêm chệ câu ‘PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ CỦA THIỀN TÔNG’. Trong đó, ngoài những nguồn gốc của Ngũ Phái Thiền và những lời giải về Đạo Phật của Thiền Sư Nguyệt Khê, phần sau, hơn nửa quyển là THIỀN THẮT KHAI THỊ LỤC của Lai Quả Thiền Sư giảng tại chùa Cao Môn. Trong đó là những bài giảng trong 10 Thất cho những người Nhập Thất Tu Thiền. Lời lẽ đầy ngạo mạn, khinh chê, mắng chửi người nhập thất. Chê họ là ngu mê, và cho rằng trong những thời kỳ đả thất vừa qua đã đánh chết mấy người. Xin trích vài đoạn đầy tính cách hăm dọa như sau:

* “*Quy củ đả thất rất nghiêm khắc, khác với lúc bình thường. Vậy khác ở chỗ nào? Ấy là ngày nay các ông xin phép sanh tử ở các vị Tổ quá khứ và cũng xin phép sanh tử với ta. Ta hứa cho phép sanh tử, vậy sanh tử các ông nằm trong hai tay ta, ta muốn cho các ông sống thì sống, muốn cho chết thì chết. Đúng ngay chỗ này chết !”*. (tr. 175).

* “*Các ông xin phép sanh tử, không phải xin Ban Thủ, Duy Na, mà phải xin ta. Các vị kia dám thay ta cho phép ư? Vậy khi nào có bệnh thì làm cách nào? Chẳng có cách nào hết. Sống cũng đả thất, chết cũng đả thất, mạnh cũng đả thất, đau cũng đả thất, chung quy là đả thất.”*

* “*Các ông bệnh cũng được, sống cũng được, chết cũng được, đời sau khi giải thất thì mới đưa đi chôn, dù năm người hay ba người cũng quăng*

xuống đày quảng đơn. Đây là cách giải quyết kẻ có bệnh. Lại nữa, trong thời kỳ đả thất, dĩ hương, ngời hương, quả đường cho đến đại tiểu tiên mà quay đầu một cái, hoặc cười đùa, như thế thì ta bảo cho các ông biết: Các ông phải mất mạng đó. Thế là sao? Một khi các ông đã đến Thiên Đường thì hương bảng của các vị Ban Thủ, Duy Na đều quay về các ông mà đập xuống. Một, hai chục hương bảng chẳng kể đầu, mặt, tai, cứ đánh hết, đánh rồi mà không chết thì vẫn phải đả thất. Nếu như đánh các ông bị thương thì làm cách nào? Thì cũng phải liệng các ông xuống đày quảng đơn. Sau khi giải thất rồi thì đem chôn một lượt”

** Những năm qua trong thời kỳ đả thất cũng có mấy người bị đánh chết, đây là việc bình thường, chẳng có gì là lạ”.*

Đức Phật cho rằng “Thân người khó được”, mà Thiên Sư mà coi mạng người như kiến, ruồi! Lời lẽ thô bạo như của những tên côn đồ. Dùng toàn đao to búa lớn, tưởng chừng như những người nhập thất, qua thời kỳ đả thất là sẽ đồng loạt thành Phật. Nhập Thất mà tưởng chừng như vô trại tập trung của Đức Quốc Xã! Mỗi ngày đều có một bài khai thị và qui củ nghiêm ngặt, sẵn sàng đánh chết người nếu có chút sơ suất. Người học cũng chấp nhận tu hành nghiêm túc như thế. Nhưng kết quả thì rất đáng thất vọng! Đến Thất 8, ngày thứ 6 ông ta lại nói: “*Ta thật tiếc cho các ông, trong thời kỳ đả thất chẳng có người nào công phu được chút tiến bộ sâu xa nào, chẳng từng có được người nào công phu khai được tiểu ngộ, đó là điều ta thật tiếc vô cùng”!* (tr. 389).

Chỉ lấy làm tiếc thôi sao? Người ta đã chấp nhận trả giá bằng cả tính mạng để học mà giáo pháp của mình sau cả chục thất, không dám nói cười, tới lui, chịu ăn hương bảng chết bỏ lại không đạt kết quả như lời quảng cáo, lẽ ra vị Thầy phải xấu hổ, xin lỗi và bồi thường mới đúng. Trái lại, còn muốn đổ lỗi cho người học! Ta nghĩ sao những lối giảng dạy như thế lại được cho là PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ CỦA THIÊN TÔNG, và dùng đó để “chấn hưng môn Thiên học”?

Ước mong rằng người muốn thành Phật cấp tốc qua hướng dẫn của phương pháp Tu Thiền nên hiểu rõ thế nào là Thiên của Đạo Phật chân chính, thế nào là Thiên ngoại đạo, để đừng khởi tâm mong cầu Chứng Đắc, Quả Vị, ham tu tắt, tới cao, để tin theo các Tà Sư mà làm hư mất Tâm Bồ Đề. Tốt nhất, nếu muốn tu hành theo Đạo Phật chân chính thì nên đọc Chính Kinh để thấy trong đó Phật hướng dẫn tu hành ra sao rồi áp dụng. GIỚI và BÁT CHÁNH ĐẠO là vòng rào kiên cố bảo vệ cho ta khỏi lạc sang tà ma, ngoại đạo. Khi Quán, Soi, Tư Duy thì nên “*nội quang phản chiếu*”, quay vào tìm TÂM, tìm TÁN H của mình. Đó chính là Công Án lớn nhất mà Đức Phật Thích

Ca và Chư Tổ đã bao đời truyền nối nhau để hướng dẫn, mong mọi người nương đó mà Thoát được Vô Minh, Thoát Sinh Tử Luân Hồi, Phiền Nã, Khổ Đau, để được an lạc trong cuộc sống hiện tại và vĩnh kiếp về sau. Đó là mục đích của Đạo Phật, mà cũng là lời Phật đã hứa khi mang Đạo Phật vào thế gian vậy.

Viết tại Thành Phố Hồ Chí Minh, năm 2004
Bổ sung và hoàn tất tháng 10/2011
Hoa Nghiêm Chân Tử - Tâm Nguyên

PHẦN BỔ SUNG

Xin được trích ra một vài Bài Kệ của tôi đã làm năm 1978, trong thời gian tu học.

*1/- Chỉ cần quay lại nhận ra nhau
Ai nói sông Mê, bến Ngộ nào?
Ta vẫn là Ta, đâu biến đổi
Chẳng qua là một giấc chiêm bao.*

*2/- Sông Mê chưa từng qua
Bờ Giác không là nhà
Tung tăng trong các cõi
Tự tại một mình Ta.*

*3/- Tâm có gì đâu để phổ truyền?
Tướng là hư huyền, được bao niên?
Pháp thì Sinh, Diệt, làm sao đắc?
Tánh vốn muôn đời vẫn ở yên.*

TÂM NGUYÊN